



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2026

**BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN VÀ TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý, PHẢN BIỆN XÃ HỘI
ĐỐI VỚI DỰ ÁN LUẬT HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ (SỬA ĐỔI)**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp đã tổ chức lấy ý kiến góp ý, phản biện xã hội với hồ sơ dự án Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi).

1. Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến góp ý, phản biện xã hội và tổng số ý kiến nhận được

- Bộ Tư pháp đã tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, Bộ, ngành, địa phương (theo đề nghị tại Công văn số 3479/BTP-PB&TG ngày 21/5/2026), cụ thể:

+ Tổng số cơ quan, tổ chức được gửi xin ý kiến bằng văn bản: **93** cơ quan, tổ chức.

+ Tính đến 17h ngày 09/6/2026 (hạn yêu cầu gửi ý kiến theo Công văn là ngày 04/6/2026), Bộ Tư pháp đã nhận được **54** ý kiến. Trong đó, có **04** ý kiến nhất trí hoàn toàn với hồ sơ dự án Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi)¹; **50** ý kiến nhất trí đồng thời có bổ sung thêm nội dung.

2. Ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (theo đề nghị tại Công văn số 3482/BTP-PB&TG ngày 21/5/2026)².

3. Kết quả cụ thể như sau:

STT	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
A. ĐỐI VỚI DỰ THẢO LUẬT HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ (SỬA ĐỔI)				
I	Ý KIẾN GÓP Ý CHUNG			

¹ Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Sở Tư pháp các tỉnh/thành phố: Hà Nội, Cần Thơ, Bắc Ninh.

² Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã tổ chức Hội nghị phản biện xã hội ngày 02/6/2026 và có Công văn số 359/MTTW-BTT ngày 05/6/2026 về việc phản biện xã hội hồ sơ dự án Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi)

	Nội dung quy định chi tiết	Bộ Tài chính; Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lâm Đồng	Đề nghị rà soát, xác định rõ phạm vi các nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết, bảo đảm phù hợp với tính chất là luật khung, luật quy định những vấn đề mang tính nguyên tắc. Đối với các nội dung liên quan đến hồ sơ, trình tự, thủ tục và yêu cầu kỹ thuật trong quá trình tổ chức thực hiện, đề nghị nghiên cứu quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành để bảo đảm tính linh hoạt, thuận lợi cho việc điều chỉnh khi có thay đổi trong thực tiễn.	Tiếp thu Bộ Tư pháp đã tiếp thu, rà soát, chỉnh lý trong dự thảo Luật để đảm bảo thống nhất phù hợp với tinh thần đổi mới tư duy xây dựng pháp luật hiện nay.
		Sở Tư pháp TP. Hải Phòng	Theo Công điện số 36/CĐ-TTg ngày 25/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ và Thông báo số 245/TB-VPCP ngày 12/5/2026 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hung tại cuộc họp với Bộ Tư pháp thì hồ sơ dự án Luật trình Chính phủ phải có các văn bản quy định chi tiết kèm theo. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lưu ý, hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ theo đúng yêu cầu, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ đồng thời đảm bảo hiệu lực đồng bộ với Luật để địa phương thực hiện thống nhất.	Tiếp thu Bộ Tư pháp đã xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở để đảm bảo trình Chính phủ cùng hồ sơ dự án Luật.
	Bổ sung nội dung mới	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Nghệ An	Bổ sung 01 điều riêng về ứng dụng công nghệ số trong hòa giải ở cơ sở nhằm tạo cơ sở pháp lý cho quản lý dữ liệu, thống kê điện tử, tập huấn trực tuyến và hỗ trợ hòa giải trực tuyến phù hợp trong thời kỳ kỷ nguyên số	Giải trình Các nội dung về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số đã được quy định tại khoản 4 Điều 5 về chính sách của Nhà nước về hoà giải ở cơ sở: “ <i>Khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, trang bị phương tiện kỹ thuật ...</i> ”. Quy định này đã tạo cơ sở pháp lý cho quản lý dữ liệu, thống kê điện tử, tập huấn trực tuyến và hỗ trợ hòa giải trực tuyến, phù hợp trong thời kỳ kỷ nguyên số. Ngoài ra, dự thảo

				đã có các điều khoản quy định rõ phương thức thực hiện như: lựa chọn hình thức bầu trực tuyến (Điều 8, Điều 16), lựa chọn tiến hành hòa giải trực tuyến (Điều 25) và giao Chính phủ quy chi tiết các nội dung này; quy định quyền của hoà giải viên và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác hoà giải ở cơ sở (Điều 11, Điều 32); quy định nội dung quản lý nhà nước về hoà giải ở cơ sở về xây dựng hệ thống thông tin phục vụ quản lý công tác hoà giải ở cơ sở và hỗ trợ hoạt động trực tuyến (Điều 31).
		Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Nguyên	Dự thảo Luật chưa quy định về các hành vi cản trở hoạt động hòa giải và xử lý vi phạm trong quá trình hòa giải. Đề nghị bổ sung việc xử lý vi phạm đối với các hành vi cản trở, đe dọa, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm hại sức khỏe của hòa giải viên hoặc cố tình cản trở hoạt động hòa giải hợp pháp, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.	Giải trình. Chế tài, hình thức xử lý các hành vi vi phạm trong hòa giải ở cơ sở được quy định tại Nghị định về xử lý vi phạm hành chính; nội dung này không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật.
		Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An	Thực tiễn phần lớn đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở hoạt động kiêm nhiệm, trình độ pháp lý và khả năng tiếp cận thông tin pháp luật không đồng đều. Trong khi đó, hệ thống pháp luật thường xuyên được sửa đổi, bổ sung, dẫn đến khó khăn trong việc tra cứu, cập nhật và vận dụng quy định pháp luật vào quá trình hòa giải. Đề nghị dự thảo Luật quy định theo hướng Nhà nước, xây dựng và từng bước	Tiếp thu Bộ Tư pháp đã bổ sung “xây dựng hệ thống thông tin phục vụ quản lý công tác hoà giải ở cơ sở” vào nội dung quản lý nhà nước.

			hình thành hệ sinh thái số phục vụ hoạt động hòa giải ở cơ sở, bảo đảm phù hợp với lộ trình chuyển đổi số quốc gia, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hòa giải, tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật của hòa giải viên và người dân ngay từ cơ sở.	
II	Ý KIẾN GÓP Ý CỤ THỂ ĐỐI VỚI DỰ THẢO LUẬT			
	CHƯƠNG I			
	NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG			
	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh			
		Sở Tư pháp các tỉnh: Lai Châu, Cao Bằng, Điện Biên, Sơn La; Bộ Tài chính	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, rà soát để chỉnh sửa, bổ sung tên Điều 1 và nội dung của điều quy định về “Đối tượng áp dụng” của văn bản cho đầy đủ, hoàn thiện hơn, đồng thời đảm bảo sự thống nhất về bố cục, nội dung của dự thảo Tờ trình	Giải trình Dự thảo Luật được xây dựng theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Theo Mẫu 02 Phụ lục II của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. Theo đó, không yêu cầu bắt buộc phải có điều luật về đối tượng áp dụng. Đối tượng áp dụng của Luật được xác định thông qua các quy định về phạm vi điều chỉnh, chủ thể thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Quy định như dự thảo vẫn bảo đảm sự thống nhất về bố cục, kỹ thuật lập pháp theo quy định hiện hành.
	Khoản 2 Điều 1	Bộ Ngoại giao	Đề nghị bổ sung như sau: “Luật này không áp dụng đối với hoạt động hòa giải đã được <i>văn bản quy phạm pháp luật khác quy định</i> ” để bảo đảm chặt chẽ, bao trùm cả những văn bản không phải luật như Nghị định số 22/2017/NĐ-CP về hòa giải thương mại.	Tiếp thu Dự thảo Luật đã chỉnh lý, bổ sung quy định tại Khoản 2 Điều 1 “ <i>Luật này không áp dụng đối với hoạt động hoà giải đã được văn bản quy phạm pháp luật khác quy định</i> ”.

	Khoản 2 Điều 1	Đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh, thành phố: Hải Phòng, Nghệ An, Sơn La, Thanh Hóa	Đề nghị quy định như sau: “<i>Luật này không áp dụng đối với hoạt động hòa giải do cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thực hiện theo trình tự, thủ tục riêng được luật khác quy định</i>” hoặc “<i>Luật này không áp dụng đối với hoạt động hòa giải thuộc lĩnh vực đã được luật chuyên ngành quy định đầy đủ về trình tự, thủ tục và thẩm quyền hòa giải</i>” để tránh cách hiểu quá rộng dẫn đến chồng lấn hoặc bỏ sót phạm vi điều chỉnh vì, theo như quy định trong dự thảo phạm vi quá rộng, dễ dẫn đến chồng chéo với hòa giải thương mại, hòa giải lao động, hòa giải tại Tòa án hoặc các cơ chế hòa giải chuyên ngành khác.	Giải trình Quy định tại khoản 2 Điều 1 của dự thảo Luật đã bảo đảm loại trừ các hoạt động hòa giải được điều chỉnh bởi các quy định pháp luật chuyên ngành, qua đó tránh chồng chéo về phạm vi điều chỉnh giữa Luật Hòa giải ở cơ sở với các cơ chế hòa giải khác. Đồng thời, để bảo đảm tính bao quát, thống nhất của hệ thống pháp luật và tránh bỏ sót các hình thức hòa giải, Bộ Tư pháp đã chỉnh lý theo hướng: “<i>Luật này không áp dụng đối với hoạt động hòa giải đã được văn bản quy phạm pháp luật khác quy định</i>”. Cách quy định này vừa bảo đảm xác định rõ phạm vi điều chỉnh của Luật, vừa tạo cơ sở áp dụng pháp luật thống nhất, không phụ thuộc vào việc liệt kê từng loại hình hòa giải cụ thể.
	Khoản 2 Điều 1	Đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh: Thanh Hóa, Lâm Đồng	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu làm rõ hơn nguyên tắc xác định phạm vi áp dụng của Luật đối với các vụ việc có nội dung liên quan đến nhiều lĩnh vực pháp luật khác nhau. Thực tế ở cơ sở cho thấy không ít vụ việc ban đầu chỉ là mâu thuẫn giữa các hộ gia đình hoặc trong nội bộ dòng họ, nhưng khi xem xét cụ thể lại liên quan đến tranh chấp đất đai, quan hệ hôn nhân và gia đình hoặc các quy định của pháp luật chuyên ngành. Trong những trường hợp này, việc xác định áp dụng cơ chế hòa giải nào trước không phải lúc nào cũng rõ ràng. Đề nghị nghiên cứu làm rõ phạm vi áp dụng của Luật đối với các trường hợp có quy	Giải trình Điều này quy định về phạm vi điều chỉnh của Luật. Trường hợp cùng một vụ việc vừa thuộc phạm vi hòa giải của Luật Hòa giải ở cơ sở vừa thuộc trường hợp có quy định hòa giải theo luật chuyên ngành thì phụ thuộc vào các bên tranh chấp lựa chọn hình thức hòa giải nào. Nếu lựa chọn hòa giải ở cơ sở thì sẽ áp dụng các quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở để giải quyết. Việc bổ sung thêm quy định mang tính nguyên tắc như đề nghị có thể dẫn đến trùng lặp với các quy định hiện

			định về hòa giải trong luật chuyên ngành để bảo đảm thống nhất trong tổ chức thực hiện.	hành và khó bao quát hết các tình huống phát sinh trong thực tiễn.
Khoản 2 Điều 1	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch		Khoản 2 Điều 1 dự thảo Luật không thống nhất với khoản 3 Điều 18 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15. Khoản 1 Điều 17 và khoản 3 Điều 18 Luật số 13/2022/QH15 quy định tổ hòa giải ở cơ sở có trách nhiệm hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp và vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở đồng thời, việc hòa giải không thay thế xử lý người có hành vi bạo lực gia đình. Nếu dự thảo loại trừ chung mọi “hoạt động hòa giải đã được luật khác quy định” thì có thể làm mất căn cứ áp dụng Luật Hòa giải ở cơ sở đối với các trường hợp luật khác chỉ dẫn chiếu trở lại Luật Hòa giải ở cơ sở.	Giải trình Quy định tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Luật nhằm loại trừ các hoạt động hòa giải được pháp luật quy định thành một cơ chế hòa giải độc lập, có chủ thể, thẩm quyền, trình tự, thủ tục riêng. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp luật khác dẫn chiếu hoặc giao thực hiện hòa giải theo quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình không thiết lập một cơ chế hòa giải riêng mà dẫn chiếu áp dụng Luật Hòa giải ở cơ sở. Do đó, không có sự mâu thuẫn hoặc chồng chéo giữa khoản 2 Điều 1 dự thảo Luật và các quy định của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.
		Ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Qua rà soát cho thấy một số luật chuyên ngành như: Luật Đất đai năm 2024, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023... vẫn ghi nhận hoặc khuyến khích các bên thực hiện hòa giải ở cơ sở trước khi áp dụng các cơ chế hòa giải chuyên biệt hoặc các phương thức giải quyết tranh chấp khác. Do đó, để phát huy vai trò của hòa giải ở cơ sở trong việc giải quyết sớm các mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh từ cộng đồng, đồng thời bảo đảm sự kết nối, kế thừa giữa các phương thức giải quyết tranh chấp, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung khoản 3 Điều 1 theo hướng: “3. Đối với các tranh chấp, khiếu nại thuộc phạm vi điều chỉnh của luật chuyên ngành, Nhà nước khuyến khích	Giải trình Việc khuyến khích các bên thực hiện hòa giải ở cơ sở là chính sách của Nhà nước được quy định tại khoản 1 Điều 5. Điều 1 chỉ quy định những vấn đề về phạm vi điều chỉnh của Luật. Đối với nội dung quy định kết quả hòa giải, biên bản hòa giải và các tài liệu được lập trong quá trình hòa giải ở cơ sở được sử dụng làm nguồn thông tin, tài liệu tham khảo trong quá trình giải quyết vụ việc tiếp theo, việc sử dụng, đánh giá giá trị pháp lý của các tài liệu này thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật chuyên

			<i>các bên thực hiện hòa giải ở cơ sở trước khi áp dụng cơ chế hòa giải chuyên biệt hoặc các phương thức giải quyết tranh chấp khác theo quy định của pháp luật. Kết quả hòa giải, biên bản hòa giải và các tài liệu được lập trong quá trình hòa giải ở cơ sở được sử dụng làm nguồn thông tin, tài liệu tham khảo trong quá trình giải quyết vụ việc tiếp theo theo quy định của pháp luật.”</i>	ngành, pháp luật tổ tụng và được thực hiện theo quy định của từng lĩnh vực cụ thể. Việc quy định chung trong Luật Hòa giải ở cơ sở có thể dẫn đến chồng chéo.
Điều 2. Giải thích từ ngữ				
Khoản 1		Sở Tư pháp các tỉnh: Phú Thọ, Hưng Yên	Đề nghị xem xét bổ sung cụm từ “hoặc những người được mời tham gia hòa giải” sau “hòa giải viên” để tránh trường hợp hiểu định nghĩa này loại trừ vai trò của người được mời tham gia hòa giải được quy định tại Điều 18, đặc biệt trong trường hợp người được mời trực tiếp tham gia chủ trì hòa giải cùng hòa giải viên.	Giải trình Khoản 2 Điều 18 quy định trong trường hợp người được mời trực tiếp tham gia hòa giải thì họ có trách nhiệm hỗ trợ, giúp đỡ hòa giải viên và không thay thế tư cách chủ trì của hòa giải viên trong quá trình hòa giải vụ, việc. Như vậy, trong mọi trường hợp chỉ hòa giải viên là người chủ trì thực hiện hòa giải. Đồng thời, dự thảo Luật đã bổ sung giải thích thuật ngữ “người được mời tham gia hoà giải ở cơ sở” tại khoản 6 Điều 2 dự thảo Luật.
Khoản 2		Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Điện Biên; Sở Tư pháp các tỉnh: Phú Thọ, Hưng Yên, Thanh Hóa	Khoản 2 Điều 2 liệt kê nhiều loại đơn vị dân cư được gọi chung là “cơ sở” nhưng chưa làm rõ tiêu chí xác định “cộng đồng dân cư tương đương thôn, tổ dân phố khác”. Đề nghị giao Chính phủ quy định hoặc bổ sung tiêu chí cụ thể để tránh vướng mắc trong áp dụng tại các địa phương có đặc thù về tổ chức cộng đồng dân cư. Đề nghị Ban soạn thảo rà soát lại thuật ngữ cơ sở để bảo đảm tính thống nhất với quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày	Tiếp thu. Bộ Tư pháp đã rà soát, chỉnh lý khoản 2 Điều 2 dự thảo Luật về thuật ngữ “cơ sở” trên cơ sở vừa kế thừa Luật năm 2013 (xác định cơ sở là thôn, tổ dân phố), vừa bảo đảm thống nhất với Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố, chính sách đối

			26/5/2026 của Chính phủ trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.	với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.
	Khoản 4	Ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Hiện nay cụm từ “hòa giải viên” được nhắc đến ở nhiều Luật khác và có các tiêu chuẩn khác nhau, do đó, để tránh nhầm lẫn với hòa giải viên khác như hòa giải viên tại Toà án. Có thể nghiên cứu viết lại: “Hòa giải viên tại cơ sở (sau đây gọi là hòa giải viên) là ...”.	Giải trình. Khái niệm "hòa giải viên" đã được xác định rõ trong phạm vi điều chỉnh của Luật này.
		Ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh, TP: Hải Phòng, Nghệ An,	Đề nghị bổ sung giải thích các thuật ngữ “ <i>người được mời tham gia hòa giải</i> ”, “ <i>hòa giải trực tuyến</i> ”. Bởi vì, các thuật ngữ này là nội dung mới, cần được giải thích để bảo đảm áp dụng thống nhất trong thực tiễn.	Tiếp thu một phần. Dự thảo Luật đã bổ sung giải thích thuật ngữ “người được mời tham gia hoà giải ở cơ sở” tại khoản 6 Điều 2 dự thảo Luật. Đối với hoạt động hòa giải trực tuyến do Chính phủ quy định chi tiết theo khoản 4 Điều 25 của Dự thảo Luật.
		Đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh: Nghệ An, Quảng Ngãi	Đề nghị chuyển khoản 2, 3 Điều 27 về Điều 2 để làm rõ khái niệm “ Hòa giải thành ” và “ Hòa giải không thành ”.	Tiếp thu Bộ Tư pháp đã chỉnh lý, bổ sung nội dung này tại khoản 7,8 Điều 2 dự thảo Luật.
Điều 3. Phạm vi hòa giải ở cơ sở				
		Sở Tư pháp các tỉnh, TP: Đồng Nai, Nghệ An	Đề nghị bổ sung quy định cụ thể về phạm vi, lĩnh vực hòa giải ở cơ sở nhằm phân định rõ với các cơ chế hòa giải khác theo quy định pháp luật hiện hành, tránh chồng chéo, trùng lặp trong quá trình áp dụng và tổ chức thực hiện. Vì ngoài hòa giải ở cơ sở còn có nhiều hình thức hòa giải chuyên ngành được điều chỉnh bởi các văn bản quy định riêng như hòa giải tranh chấp đất đai, hòa giải thương mại, hòa giải lao động, đối thoại tại Tòa án...	Giải trình Nội dung này đã quy định tại Điều 1 của dự thảo Luật về phạm vi điều chỉnh của Luật. Đồng thời, nội dung cụ thể của phạm vi hòa giải ở cơ sở sẽ được quy định chi tiết tại Nghị định hướng dẫn Luật này.

	Điểm a khoản 1	Ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Đề nghị sửa điểm a khoản 1 Điều 3 thành: “ <i>Xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng</i> ” để thống nhất với luật chuyên ngành.	Tiếp thu. Bộ Tư pháp đã chỉnh lý điểm khoản 1 điều này thành: <i>a) Mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng;</i>
	Điểm b khoản 1	Sở Tư pháp các tỉnh: Phú Thọ, Hưng Yên, Thái Nguyên, Thanh Hóa	Đề nghị làm rõ căn cứ dẫn chiếu cụ thể đến Bộ luật Tố tụng Dân sự (các điều khoản không được hòa giải), tránh trường hợp hòa giải viên cơ sở không thể xác định được ranh giới giữa vụ việc được hòa giải và không được hòa giải do thiếu hiểu biết về các quy định tố tụng. Đề nghị giao Chính phủ quy định chi tiết danh mục các loại vụ, việc không được hòa giải ở cơ sở tương ứng.	Tiếp thu Bộ Tư pháp đã chỉnh lý thành “ <i>Mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh từ giao dịch dân sự vi phạm điều cấm của pháp luật hoặc trái đạo đức xã hội</i> ”; bỏ quy định dẫn chiếu pháp luật tố tụng dân sự để phù hợp, thống nhất với Điều 206 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
	Điểm c khoản 1	Đoàn đại biểu Quốc hội các thành phố: Hải Phòng, Hà Nội	Quy định này có thể dẫn đến cách hiểu tương đối rộng như chỉ cần có dấu hiệu vi phạm hành chính thì không được hòa giải hoặc vụ, việc đang trong quá trình xem xét xử phạt cũng không được hòa giải. Việc loại trừ sớm sẽ làm giảm vai trò phòng ngừa của công tác hòa giải tại cơ sở. Đề nghị sửa đổi theo hướng: “ <i>Vi phạm pháp luật đã bị cơ quan có thẩm quyền xác định thuộc trường hợp phải truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật</i> ”. Quy định như trên bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội, phù hợp với tinh thần cải cách tư pháp, đồng thời tránh việc hòa giải viên tự đánh giá vượt quá thẩm quyền và hạn chế tình trạng từ chối hòa giải đối với các mâu thuẫn nhỏ trong cộng đồng.	Tiếp thu một phần. Bộ Tư pháp đã chỉnh sửa quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 theo hướng loại trừ: “ <i>Vi phạm pháp luật mà theo quy định bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị xử lý vi phạm hành chính</i> ”. Việc chỉnh lý này nhằm làm rõ phạm vi loại trừ, bảo đảm chỉ những hành vi đã bị cơ quan có thẩm quyền xác định thuộc trường hợp bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật mới không thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở. Đối với các mâu thuẫn, tranh chấp hoặc vi phạm pháp luật chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị xử lý vi phạm hành chính, hòa giải ở cơ sở vẫn được thực hiện theo quy định của Luật, qua đó phát huy vai trò phòng ngừa, giải quyết kịp thời mâu

				thuần, tranh chấp ngay từ cơ sở, góp phần hạn chế vi phạm pháp luật và giữ gìn đoàn kết trong cộng đồng dân cư.
	Điểm c khoản 1	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Điểm c khoản 1 không thống nhất với khoản 1 Điều 17 và khoản 3 Điều 18 Luật số 13/2022/QH15. Khoản 1 Điều 17 và khoản 3 Điều 18 Luật số 13/2022/QH15 cho phép hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp và vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, nhưng không được dùng hòa giải để thay thế xử lý vi phạm.	Giải trình Khoản 1 Điều 17 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình quy định: “ <i>Hòa giải trong phòng, chống bạo lực gia đình là việc người tiến hành hòa giải hướng dẫn các bên tự nguyện giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình để không làm phát sinh, tái diễn hành vi bạo lực gia đình</i> ”, không thực hiện hòa giải đối với hành vi bạo lực gia đình đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị xử lý vi phạm hành chính. Do đó, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 dự thảo Luật không mâu thuẫn với quy định của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.
	Điểm c khoản 1	Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh, Phú Thọ, Hưng Yên, Thái Nguyên, Thanh Hóa	Đề nghị bổ sung quy định rõ: trường hợp hòa giải viên đang tiến hành hòa giải mà phát hiện vụ, việc có dấu hiệu hình sự hoặc hành chính thì xử lý như thế nào (dùng hòa giải hay tiếp tục), tránh lúng túng trên thực tế. Đề nghị giao Bộ Tư pháp hướng dẫn chi tiết khoản này. Trên thực tế nhiều vụ việc vừa có thể bị xử lý vi phạm hành chính vừa có khía cạnh tranh chấp dân sự (ví dụ: tranh chấp lỗi đi có hành vi cản trở giao thông). Đề nghị dự thảo Luật hoặc văn bản hướng dẫn phân biệt rõ trường hợp nào được hòa giải phần dân sự song song với xử lý hành chính và trường hợp nào bị loại trừ hoàn toàn.	Giải trình Khoản 5 Điều 12 của dự thảo Luật đã quy định về nghĩa vụ của hòa giải viên nếu hòa giải viên phát hiện vụ, việc có dấu hiệu vi phạm hành chính hoặc vi phạm pháp luật hình sự thì thông báo kịp thời cho tổ trưởng tổ hòa giải để báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý. Bên cạnh đó, dự thảo Luật đã giao Chính phủ quy định chi tiết phạm vi hòa giải ở cơ sở tại khoản 2 Điều 3.
	Điểm d khoản 1	Bộ Quốc phòng	Đề nghị chỉnh lý theo hướng: “d) Mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật khác không được hòa giải	Giải trình. Việc bổ sung nội dung “ <i>trường hợp vụ, việc có nội dung thuộc</i>

			ở cơ sở theo quy định của pháp luật; trường hợp vụ, việc có nội dung thuộc bí mật nhà nước hoặc thuộc thẩm quyền giải quyết, xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo pháp luật chuyên ngành thì hòa giải viên, tổ hòa giải kịp thời thông tin, chuyển vụ, việc đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định”. Vì đối với vụ, việc có nội dung thuộc bí mật nhà nước hoặc thuộc thẩm quyền giải quyết, xử lý của cơ quan nhà nước theo pháp luật chuyên ngành thì việc xử lý phải thực hiện theo đúng trình tự, thẩm quyền do pháp luật quy định.	<i>bí mật nhà nước ... đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định” là không phù hợp bởi đây là việc xử lý sau khi phát hiện vụ, việc không thuộc phạm vi hoà giải ở cơ sở. Hơn nữa khoản 5 Điều 12 dự thảo Luật đã quy định hoà giải viên có nghĩa vụ thông báo kịp thời cho tổ trưởng tổ hoà giải để báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý trong trường hợp phát hiện mâu thuẫn, tranh chấp có dấu hiệu vi phạm hành chính hoặc vi phạm pháp luật hình sự.</i>
	Khoản 2	Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Hà Nội	Đề nghị cơ quan soạn thảo xây dựng quy định cụ thể phạm vi hoà giải ở cơ sở ngay trong Luật, thay vì giao Chính phủ quy định chi tiết (khoản 2 Điều 3 dự thảo Luật), đảm bảo việc triển khai, áp dụng kịp thời ngay sau khi Luật được ban hành và có hiệu lực thi hành.	Giải trình. Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật phát sinh trong thực tiễn rất đa dạng, liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội và thường xuyên có sự thay đổi theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Do đó, việc giao Chính phủ quy định chi tiết phạm vi hoà giải ở cơ sở là cần thiết nhằm bảo đảm tính linh hoạt, kịp thời cập nhật, hướng dẫn áp dụng thống nhất và phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước trong từng giai đoạn.
		Ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Bổ sung trường hợp không tiến hành hoà giải ở cơ sở đối với các vụ việc vi phạm điều cấm của luật hoặc trái đạo đức xã hội; vụ việc đang có mâu thuẫn, tranh chấp đặc biệt gay gắt, có biểu hiện sử dụng vũ lực hoặc tiềm ẩn nguy cơ cao xảy ra hành vi bạo lực xâm phạm trực tiếp tính mạng, sức khỏe, tài sản của các bên tranh chấp hoặc của hòa giải viên.	Giải trình. Với vụ việc đang có mâu thuẫn, tranh chấp đặc biệt gay gắt, có biểu hiện sử dụng vũ lực hoặc tiềm ẩn nguy cơ cao xảy ra hành vi bạo lực xâm phạm trực tiếp tính mạng, sức khỏe, tài sản của các bên tranh chấp hoặc của hòa giải viên thông báo cho cơ quan thẩm quyền để có

				phương án xử lý theo quy định tại các Điều 11, 12.
Điều 4. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động hòa giải ở cơ sở				
		Đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh, TP: Hải Phòng, Nghệ An, Lâm Đồng	Đề nghị bổ sung quy định về trách nhiệm bảo mật thông tin của hòa giải viên, người được mời, tổ chức, cá nhân có liên quan và trường hợp cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nhằm bảo đảm quyền riêng tư, bí mật cá nhân và tăng tính chặt chẽ trong hoạt động hòa giải.	Giải trình. Khoản 2 Điều 12, khoản 1 Điều 20 dự thảo Luật đã quy định nghĩa vụ của hòa giải viên, người được mời tham gia hoà giải ở cơ sở tuân thủ các nguyên tắc tại Điều 4. Trong đó, khoản 3 Điều 4 đã quy định về việc giữ bí mật thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, bí mật kinh doanh của các bên.
	Khoản 2	Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Hà Nội	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung “người có công với cách mạng” vào danh mục đối tượng có quyền, lợi ích hợp pháp được pháp luật đặc biệt quan tâm trong công tác hòa giải ở cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 4 dự thảo Luật.	Giải trình. Hoà giải ở cơ sở mang bản chất của quan hệ dân sự (việc dân sự cốt ở đôi bên), do đó, việc bổ sung người có công với cách mạng vào danh mục đối tượng được pháp luật đặc biệt quan tâm trong hòa giải ở cơ sở chưa phù hợp với bản chất, mục đích của quy định và nguyên tắc bình đẳng giữa các bên tham gia hòa giải.
	Khoản 3	Bộ Quốc phòng	Đề nghị chỉnh lý lại theo hướng: “3. Khách quan, công bằng, kịp thời, có lý, có tình; giữ bí mật thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, bí mật kinh doanh của các bên, bí mật nhà nước và thông tin khác được pháp luật bảo vệ mà hòa giải viên, người được mời tham gia hòa giải biết được trong quá trình hòa giải, trừ trường hợp luật có quy định khác.” nhằm bảo đảm thống nhất với pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật đời sống riêng tư và các thông tin khác được pháp luật bảo vệ.	Tiếp thu. Bộ Tư pháp đã chỉnh lý khoản 3 Điều 4 của Dự thảo Luật theo hướng bổ sung trách nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước và thông tin khác được pháp luật bảo vệ mà hòa giải viên, người được mời tham gia hòa giải biết được trong quá trình hòa giải.

		Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng	Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung nội dung “dữ liệu cá nhân” vào phạm vi thông tin cần được bảo mật trong quá trình hòa giải ở cơ sở để phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Quy định cụ thể hơn trách nhiệm bảo mật thông tin của hòa giải viên và những người tham gia hòa giải; việc quản lý, lưu giữ, sử dụng thông tin, tài liệu liên quan đến vụ việc hòa giải; trách nhiệm xử lý đối với trường hợp tiết lộ hoặc sử dụng trái phép thông tin thu thập được trong quá trình hòa giải làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các bên.	
		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Tư pháp các tỉnh: Phú Thọ, Hưng Yên, Gia Lai, Sơn La	Khoản 3 Điều 4 quy định giữ bí mật thông tin, “trừ trường hợp thông tin được cung cấp theo yêu cầu có điều kiện quy định tại Luật Tiếp cận thông tin” không phù hợp với Điều 21 Hiến pháp năm 2013 và không đúng với Điều 1, Điều 10, Điều 15 và Điều 16 Luật Tiếp cận thông tin số 01/2026/QH16.	Tiếp thu Bộ Tư pháp đã chỉnh lý theo hướng lược bỏ quy định “trừ trường hợp thông tin được cung cấp theo yêu cầu có điều kiện quy định tại Luật tiếp cận thông tin” tại khoản 3 Điều 4 dự thảo Luật.
		Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định: “không lợi dụng hòa giải ở cơ sở để vụ lợi hoặc thu lợi bất chính” để bao quát các trường hợp lợi dụng hoạt động hòa giải ở cơ sở nhằm đạt lợi ích cá nhân trái pháp luật, tăng tính phòng ngừa hành vi lợi dụng hòa giải để trục lợi.	Giải trình. Các hành vi lợi dụng hòa giải ở cơ sở để mưu cầu lợi ích cá nhân trái pháp luật đã được bao hàm trong nguyên tắc bảo đảm phù hợp pháp luật, khách quan, công bằng của hoạt động hòa giải, tôn trọng lợi ích hợp pháp của các bên. Đồng thời, các hành vi vụ lợi, thu lợi bất chính nếu xảy ra đã được điều chỉnh và xử lý theo các quy định pháp luật có liên quan.
	Khoản 7	Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Hải Phòng	Quy định còn khái quát, chưa có giới hạn pháp lý đối với hòa giải trực tuyến. Hiện nay, hòa giải trực tuyến tiềm ẩn rủi ro như: giả mạo danh tính; ghi âm, phát tán trái phép; khó xác định ý chí tự nguyện... Đề	Giải trình. Khoản 7 chỉ xác định nguyên tắc linh hoạt trong phương thức hòa giải, các nội dung chi tiết về bảo đảm an toàn thông

			ngiht bở sung nguyênt tắ: bắ đắmt xắ thực chủ thể tham gia; bắ đắmt lưu trữ dữ liệu; bắ đắmt an toànt thông tin mạng; bắ đắmt sự tự nguyênt của các bên.	tin mạng sẽ đượ quy địnht cụ thể tại Nghị địnht hướng dẫn thi hành.
	Khoản 8	Sở Tư pháp TP. Hải Phòng	Đề nghị quy địnht cụ thể cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ bố trí phiên dịch trong trường hợp các bên hòa giải không thể tự bố trí phiên dịch.	Giải trình. Nội dung này đã đượ quy địnht tại điểmk khoản 2 Điều 32 dự thảo Luật về trách nhiệm của UBND cấp xã trong việc bố trí phiên dịch.
		Ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị, Đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh, TP: Hà Nội, Quảng Trị	Dự thảo chưa có nội dung quy địnht về việc người phiên dịch có đượ hỗ trợ kinh phí khi tham gia hòa giải hay không và ai có trách nhiệm chi trả kinh phí này, đồng thời chưa có quy địnht về tiêu chuẩn của người phiên dịch trong hòa giải; đề nghị xem xét bổ sung nội dung quy địnht cụ thể.	Giải trình. Tại Điều 6 dự thảo Luật đã quy địnht về kinh phí cho công táct hoà giải ở cơ sở; khoản 2 Điều 32 của dự thảo Luật có quy địnht trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã: “ <i>Chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp hỗ trợ bố trí phiên dịch trong trường hợp các bên không bố trí đượ phiên dịch cho mình trên cơ sở đề nghị của hoà giải viên</i> ”. Các nội dung cụ thể về kinh phí chi cho người phiên dịch đượ quy địnht tại Nghị địnht hướng dẫn thi hành Luật.
		Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Nguyên	Đốivới quy địnht các bên có trách nhiệm tự bố trí phiên dịch cho mình có thể tạo ra sự bất bình đắng đốivới đồng bào dân tộc thiểu số, người nghèo khi họ phải tự bố trí kinh phí thuê phiên dịch. Đề nghị xem xét, điểuchỉnh giao trách nhiệm trên cho cơ quan có thẩm quyền thông qua việc bố trí phiên dịch khi các bên không sử dụng đượ tiếng Việt.	Tiếp thu. Bộ Tư pháp đã chỉnh lý theo hướng lượcbỏ quy địnht này, đồng thời quy địnht trách nhiệm của UBND cấp xã hỗ trợ bố trí phiên dịch (khoản 2 Điều 32).
		Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang	Đề nghị chỉnh lý theo hướng chuẩn hóa ngôn ngữ pháp lý; sử dụng cách diễn đạt ngắn gọn, chặt chẽ, thống nhất; đồng thời nghiên cứu sắp xếp lại các quy địnht về quyền sử dụng tiếng nói, chữ viết của	Tiếp thu. Bộ Tư pháp đã chỉnh lý tại khoản 8 Điều 4 dự thảo Luật.

			dân tộc mình, quyền sử dụng ngôn ngữ, ký hiệu dành cho người khuyết tật và trách nhiệm hỗ trợ phiên dịch theo hướng logic, dễ tiếp cận và thuận lợi trong quá trình áp dụng.	
		Sở Tư pháp các tỉnh: Tuyên Quang, Gia Lai	Quy định “... <i>hoà giải viên đề xuất cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ bố trí phiên dịch...</i> ” là chưa tạo cơ chế chủ động cho hoà giải viên, vì trong thực tế bản thân hoà giải viên có thể là người biết ngôn ngữ của dân tộc thiểu số hoặc ngôn ngữ, ký hiệu, chữ viết của người khuyết tật/hoặc hoà giải viên có thể biết tại địa phương có người có thể làm phiên dịch..., nhưng nếu quy định như dự thảo thì hoà giải viên không có quyền chủ động bố trí người phiên dịch mà “bắt buộc” phải <i>đề xuất cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ bố trí phiên dịch</i> . Quy định nêu trên chưa tạo ra sự chủ động của tổ hoà giải, hoà giải viên, có thể kéo dài thời gian “ <i>chờ cấp có thẩm quyền bố trí phiên dịch</i> ”. Từ vấn đề nêu trên, đề nghị chỉnh sửa khoản này như sau: ... <i>Trong trường hợp không thể tự bố trí người phiên dịch, các bên trong hòa giải có quyền đề nghị hoà giải viên hỗ trợ bố trí người phiên dịch hoặc đề xuất Ủy ban nhân dân cấp xã hỗ trợ bố trí người phiên dịch.</i> ”.	Tiếp thu một phần. Bộ Tư pháp đã chỉnh lý tại khoản 8 Điều 4 theo hướng quy định nguyên tắc chung, ngắn gọn. Những nội dung cụ thể, chi tiết, cách thức thực hiện sẽ thể hiện ở nội dung về quyền của các bên (Điều 21), tiến hành hoà giải (khoản 1 Điều 25), trách nhiệm của UBND cấp xã (khoản 2 Điều 32) và Nghị định hướng dẫn thi hành Luật này.
		Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lâm Đồng	Đề nghị làm rõ nguyên tắc quản lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu điện tử phát sinh trong quá trình hòa giải. Đồng thời, quy định cụ thể hơn về việc bảo đảm quyền tham gia hòa giải của người khuyết tật và người dân tộc thiểu số trong trường hợp thực hiện hòa giải trực tuyến nhằm bảo đảm thống nhất với các nguyên tắc được quy định tại Điều 4 của dự thảo Luật. Việc bảo đảm quyền tham gia hòa giải của người dân tộc thiểu số thông qua tiếng nói,	Giải trình. Các nội dung này sẽ được quy định chi tiết tại Nghị định của Chính phủ. Bên cạnh đó, dự thảo Luật đã quy định quyền và nghĩa vụ của hoà giải viên trong tham gia bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, nghiệp vụ và kỹ năng tại Điều 11, Điều 12. Trên cơ sở đó, trong quá trình tổ chức triển khai thi hành Luật, cơ quan có thẩm

			chữ viết của dân tộc mình cần được hướng dẫn cụ thể để thuận lợi trong quá trình áp dụng tại địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Đề nghị nghiên cứu bổ sung các giải pháp hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng hòa giải; tăng cường tài liệu phục vụ công tác hòa giải phù hợp với đặc điểm của vùng đồng bào dân tộc thiểu số.	quyền sẽ tiếp tục quan tâm xây dựng tài liệu, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, đặc điểm văn hóa, phong tục, tập quán của từng địa bàn, trong đó có vùng đồng bào dân tộc thiểu số.
		Ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Đề nghị bổ sung một khoản quy định rõ nguyên tắc: <i>“Hòa giải ở cơ sở là phương thức để Nhân dân trực tiếp tham gia quản lý xã hội, phòng ngừa mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh từ cộng đồng”</i> . Quy định này nhằm khẳng định bản chất tự quản, tính xã hội của thiết chế hòa giải, thay vì xem đây là một thủ tục mang tính hành chính của chính quyền.	Giải trình. Nội dung đề nghị bổ sung về vai trò của hòa giải ở cơ sở trong việc phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, tham gia quản lý xã hội và phòng ngừa mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh từ cộng đồng là hoàn toàn phù hợp với bản chất và ý nghĩa của hoạt động hòa giải ở cơ sở. Tuy nhiên, các nội dung này đã được thể hiện xuyên suốt trong giải thích từ ngữ hòa giải ở cơ sở, nguyên tắc tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở cũng như trong các quy định về quyền, nghĩa vụ của hòa giải viên và tổ hòa giải trong quá trình tiến hành hòa giải.
Điều 5. Chính sách của Nhà nước về hòa giải ở cơ sở				
Khoản 1	Đoàn Đại biểu Quốc hội TP. Đà Nẵng	Đề nghị cần nghiên cứu bổ sung quy định về cơ chế, chính sách thu hút để khuyến khích động viên người có trình độ, chuyên môn sâu về pháp luật, đủ tiêu chuẩn đang thường trú ở cơ sở tham gia làm hòa giải viên hoặc tham gia hỗ trợ, tư vấn cho hoạt động của tổ hòa giải ở cơ sở.	Tiếp thu một phần. Bộ Tư pháp chỉnh lý tại khoản 1 Điều 5 và Điều 7 dự thảo Luật.	
	Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang	Đề nghị bổ sung khuyến khích những người có khả năng phiên dịch, người am hiểu về văn hóa, phong tục, tập quán tham gia hòa giải ở cơ sở, vì trong thực tế các bên trong hòa giải có thể là người dân		

			tộc thiểu số không biết tiếng Việt, hoặc người khuyết tật (nghe, nói, nhìn) cần phải có người phiên dịch/và thực tế cũng có nhiều người có khả năng phiên dịch “tự nguyện” tham gia hoà giải với tư cách “người phiên dịch”. Việc khuyến khích này cũng giảm gánh nặng cho UBND cấp xã, tổ hoà giải, hoà giải viên trong việc tìm, lựa chọn, bố trí, hỗ trợ người phiên dịch trong các vụ, việc hòa giải. Ngoài ra, việc khuyến khích người am hiểu văn hóa làm hòa giải viên ở cơ sở giúp giải quyết mâu thuẫn thấu tình đạt lý, phù hợp với phong tục tập quán, từ đó dễ nhận được sự đồng thuận và hàn gắn rạn nứt trong cộng đồng một cách bền vững.	
	Khoản 2	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Khánh Hòa	Chính sách của Nhà nước về hòa giải ở cơ sở Dự thảo Luật quy định: “Phát huy vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong công tác hòa giải ở cơ sở”. Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định cụ thể hơn về trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong phối hợp xây dựng, củng cố tổ hòa giải; tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia hòa giải; giám sát việc thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở. Do quy định hiện nay mới dừng ở tính nguyên tắc, chưa thể hiện rõ cơ chế và trách nhiệm của Mặt trận trong tổ chức thực hiện. Trong khi đó, thực tiễn cho thấy Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư là lực lượng trực tiếp tham gia giới thiệu, phối hợp tổ chức bầu hòa giải viên và vận động Nhân dân tham gia hòa giải. Việc quy định cụ thể hơn sẽ tạo cơ sở pháp lý để Mặt trận phát huy đầy đủ vai trò đại diện, tập hợp Nhân dân; đồng thời phù hợp với	Giải trình. Nội dung chi tiết trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận đã được quy định tại Điều 33 dự thảo Luật và các nội dung khác có liên quan để thể hiện vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong công tác hoà giải ở cơ sở (như bầu, công nhận hoà giải viên, tổ trưởng tổ hoà giải, cho thôi hoà giải viên, thành lập tổ hoà giải...)

			chức năng giám sát và phản biện xã hội theo chủ trương của Đảng và pháp luật hiện hành	
	Khoản 4	Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Hải Phòng; Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An	Khoản 4 chưa xác định về nguồn lực, cơ chế đầu tư, mức độ áp dụng phù hợp giữa vùng đô thị và vùng sâu, vùng xa. Để tránh quy định mang tính hình thức, khó triển khai đồng bộ trên thực tế, đề nghị nghiên cứu bổ sung: “Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hòa giải ở cơ sở phải phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, khả năng tiếp cận công nghệ của người dân và điều kiện ngân sách của địa phương”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung quy định mang tính định hướng về việc ứng dụng công nghệ số trong hỗ trợ hoạt động hòa giải ở cơ sở, làm cơ sở pháp lý cho việc xây dựng và triển khai mô hình “Hòa giải số” trong thời gian tới.	Giải trình. Khoản 4 Điều 5 quy định: “ <i>Khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, trang bị phương tiện kỹ thuật và bảo đảm các điều kiện cần thiết khác cho hoạt động hòa giải ở cơ sở phù hợp với tiến trình xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số theo quy định của pháp luật bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước và thông tin khác được pháp luật bảo vệ.</i> ”. Quy định này đã khái quát việc ứng dụng công nghệ thông tin phải phù hợp với tiến trình xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số theo quy định của pháp luật.
	Khoản 4	Bộ Quốc phòng; Sở Tư pháp các tỉnh, TP: Hải Phòng, Tuyên Quang, Lào Cai	Đề nghị chỉnh lý lại theo hướng: “4. Khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, trang bị phương tiện kỹ thuật và bảo đảm các điều kiện cần thiết khác cho hoạt động hòa giải ở cơ sở phù hợp với tiến trình xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phải bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước và thông tin khác được pháp luật bảo vệ” để làm cơ sở cho việc quy định chi tiết, tổ chức thực hiện thống nhất, hạn chế nguy cơ lộ, lọt thông tin.	Tiếp thu Bộ Tư pháp đã chỉnh lý, bổ sung tại khoản 4 Điều 5.
	Khoản 4	Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc việc quy định hòa giải trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến như một hình thức hòa	Giải trình Việc ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa trong công tác hòa giải ở cơ sở không

			giải chính thức trong giai đoạn hiện nay. Đề nghị quy định theo hướng khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin để hỗ trợ hoạt động hòa giải ở cơ sở trong những trường hợp phù hợp như: Trao đổi thông tin, tài liệu; liên hệ giữa các bên; tổ chức các cuộc họp chuẩn bị hòa giải hoặc thực hiện các hoạt động nghiệp vụ khác trên cơ sở tự nguyện, thống nhất của các bên tham gia, đồng thời tiếp tục nghiên cứu, đánh giá thực tiễn trước khi xem xét luật hóa hình thức hòa giải trực tuyến trong thời gian tới.	bắt buộc mà phụ thuộc vào điều kiện thực tế và sự thống nhất của cộng đồng dân cư. Khoản 4 Điều 5 dự thảo Luật đã xác định rõ chính sách của Nhà nước trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác hoà giải ở cơ sở. Dự thảo Luật quy định theo hướng hoà giải trực tuyến là một trong những hình thức hoà giải, bên cạnh phương thức hoà giải truyền thống và việc lựa chọn hình thức nào là do các bên quyết định.
		Bộ Khoa học và Công nghệ	Đề nghị bổ sung nội dung về ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và các công nghệ mới nổi trong hoạt động hòa giải, theo hướng: “... <i>khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số...</i> ”.	Tiếp thu Bộ Tư pháp đã bổ sung nội dung tại khoản 4 Điều 5 dự thảo Luật.
		Sở Tư pháp các tỉnh: Đắk Lắk, Gia Lai	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ quy định: “trang bị phương tiện kỹ thuật” cho hoạt động hòa giải ở cơ sở nhằm bảo đảm tính khả thi khi áp dụng trong thực tiễn.	Tiếp thu. Bộ Tư pháp nghiên cứu nội dung này thuộc Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành nên đã lược bỏ khỏi dự thảo Luật.
		Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Hà Nội; Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ	Đội ngũ hòa giải viên hiện nay đa số là người lớn tuổi; năng lực sử dụng công nghệ chưa đồng đều; hạ tầng số giữa các địa bàn còn chênh lệch. Nếu quy định theo hướng áp đặt đồng loạt sẽ khó khả thi. Đề nghị hoàn thiện số hóa công tác hòa giải ở cơ sở theo hướng: Quy định theo nguyên tắc triển khai từng bước; Xây dựng lộ trình số hóa hồ sơ hòa giải; Bổ sung trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung; Có kinh phí đào tạo kỹ năng số cho hòa giải viên.	Giải trình Nội dung đề xuất quá chi tiết (triển khai từng bước, lộ trình số hóa...) không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật mà sẽ được nghiên cứu để quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết.

Khoản 5	Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang	Khoản 5 dự thảo Luật chỉ quy định: “Khuyến khích các bên tham gia hoà giải yêu cầu Tòa án nhân dân có thẩm quyền ra quyết định công nhận kết quả hoà giải thành”. Do vậy đề nghị nghiên cứu bổ sung hoà giải viên được yêu cầu Tòa án nhân dân có thẩm quyền ra quyết định công nhận kết quả hoà giải thành.	Giải trình. Bộ Tư pháp đã lược bỏ nội dung này tại chính sách của Nhà nước về hoà giải ở cơ sở. Đồng thời, hoà giải viên không có quyền, nghĩa vụ liên quan đến thỏa thuận hoà giải thành. Do đó không thể là chủ thể đề nghị Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận kết quả hoà giải thành. Quyền này thuộc về một hoặc các bên theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
	Tòa án nhân dân tối cao	Tòa án nhân dân tối cao nhận thấy, hoà giải ở cơ sở là phương thức giải quyết tranh chấp thay thế đặc thù, có tính địa phương và thường áp dụng đối với các vụ việc có tính tiết đơn giản, rõ ràng. Việc thực hiện kết quả hoà giải thành cần dựa vào sự thiện chí tuân thủ cam kết của các bên tham gia hoà giải, tránh việc coi kết quả hoà giải thành như một văn bản tố tụng có tính quyền lực nhà nước, có hiệu lực cưỡng chế thi hành. Mặt khác, việc khuyến khích các bên yêu cầu Tòa án ra quyết định công nhận kết quả hoà giải thành có thể làm giảm tính tự nguyện trong việc thực hiện thỏa thuận của các bên vì còn phải đợi kết quả công nhận từ Tòa án, đồng thời khiến các bên không cân nhắc về sự cần thiết của việc yêu cầu Tòa án công nhận dẫn đến các Tòa án liên tục phải thụ lý, giải quyết các yêu cầu vụ vật, giá trị quá nhỏ gây ra tình trạng quá tải, lãng phí nguồn lực xã hội. Do vậy, để đảm bảo chính xác hơn, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý lại khoản 5 Điều 5 của dự thảo Luật như sau: “Tạo điều kiện thuận lợi để các bên khi có yêu	Tiếp thu. Bộ Tư pháp đã lược bỏ nội dung này tại chính sách của Nhà nước về hoà giải ở cơ sở

			cầu thực hiện quyền yêu cầu Tòa án nhân dân có thẩm quyền ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành.”	
Điều 6. Hỗ trợ kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở				
		Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh Cao Bằng	Dự thảo Luật chưa xác định cơ chế bảo đảm mức hỗ trợ tối thiểu cho hoạt động hòa giải. Thực tiễn cho thấy kinh phí dành cho công tác hòa giải ở cơ sở tại nhiều địa phương còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ. Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định mang tính nguyên tắc về bảo đảm kinh phí cho hoạt động hòa giải ở cơ sở, trong đó cần quy định: “hỗ trợ tối thiểu đối với mỗi vụ, việc hòa giải; đồng thời có chính sách ưu tiên đối với địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”.	Giải trình. - Việc quy định mức chi và chính sách ưu tiên cho địa bàn đặc thù thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định hướng dẫn chi tiết thi hành Luật. - Những nội dung hướng dẫn cụ thể, chi tiết việc thi hành (như tập huấn, bồi dưỡng, hỗ trợ..) thuộc thẩm quyền của Chính phủ; không quy định trong Luật. - Đối với cơ chế hỗ trợ từ ngân sách cấp trên đối với địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn không được quy định mà cần tuân thủ Luật Ngân sách nhà nước.
		Sở Tư pháp các tỉnh: Phú Thọ, Lai Châu, Cao Bằng	- Xác lập nguyên tắc về mức bảo đảm tối thiểu cho hoạt động hòa giải ở cơ sở. - Thiết kế cơ cấu kinh phí theo các nhóm nhiệm vụ riêng biệt, bao gồm: kinh phí duy trì hoạt động thường xuyên của tổ hòa giải; kinh phí hỗ trợ trực tiếp theo vụ việc hòa giải; kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức; kinh phí phục vụ chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu và ứng dụng công nghệ thông tin. - Có cơ chế ưu tiên hoặc hỗ trợ phù hợp đối với địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.	
		Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lâm Đồng; Sở	Đề nghị nghiên cứu quy định các nội dung chi cơ bản như tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, hỗ trợ hoạt động của tổ hòa giải, ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện các nhiệm vụ mới theo dự thảo	

		Tư pháp TP. Hồ Chí Minh	Luật. Đồng thời, cần làm rõ cơ chế hỗ trợ từ ngân sách cấp trên đối với địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; nghiên cứu quy định mức hỗ trợ phù hợp đối với hòa giải viên và người được mời tham gia hòa giải để bảo đảm điều kiện tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao.	
		Sở Tư pháp các tỉnh, TP: Hồ Chí Minh, Tây Ninh	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung nguyên tắc bảo đảm mức hỗ trợ tối thiểu cho hòa giải viên; tăng mức hỗ trợ kinh phí thù lao cho hòa giải viên khi hòa giải các vụ, việc; cho phép Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ cao hơn phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương; Bổ sung kinh phí hỗ trợ hoạt động hòa giải trực tuyến; Kinh phí trang bị phục vụ thiết bị số, đường truyền, phần mềm... nhằm nâng cao hoạt động hòa giải và cơ chế tài chính phù hợp để động viên hòa giải viên.	Giải trình. Mức hỗ trợ tối thiểu, tăng mức kinh phí, kinh phí hỗ trợ hoạt động hòa giải trực tuyến, kinh phí trang bị phục vụ thiết bị... thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
		Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Khánh Hòa	So với Luật năm 2013 thì quy định tại Điều 6 rất ngắn gọn. Tuy nhiên, dự thảo Luật có quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp tại Điều 32 của dự thảo Luật, nhất là quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2. Do đó, để việc triển khai thi hành Luật hiệu quả, đề nghị sớm ban hành Nghị định hướng dẫn về nội dung này khi Luật có hiệu lực thi hành.	Tiếp thu
		Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Hà Nội; Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ	Quy định rõ hơn trách nhiệm bảo đảm kinh phí của ngân sách địa phương	Tiếp thu Bộ Tư pháp đã sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 32 theo hướng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã có trách nhiệm bảo đảm kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn cấp tỉnh, cấp xã.

		Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lào Cai, Sở Tư pháp TP. Hải Phòng	Nhằm tăng cường tính khả thi của văn bản khi ban hành, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, xây dựng cơ chế tài chính đặc thù, xem xét đề xuất cơ quan có thẩm quyền nâng mức hỗ trợ thù lao thực tế cho hòa giải viên tại cơ sở tương xứng với tính chất công việc.	Giải trình. Mức hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên... thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính; không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật.
		Ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Đề nghị nghiên cứu sửa đổi quy định từ Nhà nước “hỗ trợ kinh phí” thành Nhà nước “bảo đảm kinh phí”. Quy định này cũng nhằm thống nhất với Luật Ngân sách nhà nước. Trên thực tế, cụm từ “hỗ trợ kinh phí” quy định của luật hiện hành không tạo hiệu lực pháp lý mạnh, dẫn đến việc bố trí ngân sách tùy thuộc vào sự quan tâm của lãnh đạo địa phương, nhiều nơi giao khoán thiếu thực tế.	Tiếp thu Bộ Tư pháp đã chỉnh lý nội dung Điều 6 theo hướng từ “hỗ trợ” sang ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.
		Bộ Tài chính	Đề nghị xem xét bỏ khoản 2 Điều 6; vì việc hỗ trợ kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở sẽ thực hiện theo pháp luật về ngân sách và pháp luật có liên quan; Chính phủ sẽ không hướng dẫn về nội dung này.	Giải trình Theo quy định tại Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới thì về cơ bản các luật chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, bộ, ngành, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với thực tiễn. Đồng thời, trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các bộ, ngành, địa phương, ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và ý kiến của Hội đồng thẩm định, Điều 6 dự thảo Luật đã được

				chính lý theo hướng quy định kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở được bảo đảm từ ngân sách nhà nước và huy động từ các nguồn xã hội hóa theo quy định của pháp luật. Vì vậy, việc xác định nội dung chi, mức chi, cơ chế quản lý, sử dụng, hỗ trợ kinh phí và các nội dung liên quan khác thuộc thẩm quyền quy định chi tiết của Chính phủ để bảo đảm phù hợp với pháp luật về ngân sách nhà nước, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước trong từng thời kỳ.
Chương II HÒA GIẢI VIÊN, TỔ HÒA GIẢI, NGƯỜI ĐƯỢC MỜI THAM GIA HOÀ GIẢI Ở CƠ SỞ, CÁC BÊN TRONG HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ Mục 1 HÒA GIẢI VIÊN				
Điều 7. Tiêu chuẩn hòa giải viên				
		Sở Tư pháp TP. Đồng Nai	Đề nghị cân nhắc quy định lại cụm từ “có hiểu biết pháp luật” theo hướng “người được công nhận hòa giải viên phải có hiểu biết cơ bản về pháp luật, am hiểu tình hình địa phương và các quy định pháp luật liên quan trực tiếp đến đời sống của người dân, ưu tiên người đã được tập huấn nghiệp vụ hòa giải hoặc có kinh nghiệm tham gia công tác đoàn thể, xã hội, pháp luật tại địa phương” nhằm đảm bảo tính thống nhất trong việc áp dụng cho từng địa phương.	Giải trình - Một trong những tiêu chuẩn quan trọng của hòa giải viên là “có uy tín”, tiêu chí này đòi hỏi người được bầu làm hòa giải viên phải am hiểu tình hình địa phương; có kinh nghiệm trong các lĩnh vực - Việc tập huấn nghiệp vụ không chỉ là quyền mà còn là nghĩa vụ của Hòa giải viên.
		Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng	Đề nghị bổ sung tiêu chí về độ tuổi để làm cơ sở pháp lý rõ ràng cho việc xem xét, lựa chọn người tham gia hoạt động hòa giải ở cơ sở.	Giải trình

		Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Đà Nẵng	Đề nghị bổ sung cụm từ “đủ 18 tuổi trở lên” vào sau cụm từ “công dân Việt Nam”	Một trong những tiêu chí của hoà giải viên được quy định tại Điều 7 Dự thảo luật là “có uy tín”. Do đó, việc quy định cứng tiêu chí về độ tuổi là không cần thiết.
		Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Hải Phòng; Sở Tư pháp các tỉnh: Phú Thọ, Hưng Yên, Điện Biên, Thanh Hóa Đắc Lắc	Việc quy định tiêu chuẩn “có hiểu biết pháp luật” là tiêu chí mang tính định tính, có thể gây khó khăn trong quá trình áp dụng trên thực tế. Đề nghị Bộ Tư pháp ban hành hướng dẫn cụ thể về mức độ hiểu biết pháp luật tối thiểu cần đáp ứng hoặc đề nghị bổ sung một trong các tiêu chí: đã tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ hòa giải, có trình độ trung cấp pháp lý trở lên hoặc được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ.	Giải trình. Luật Hòa giải ở cơ sở xác định hòa giải viên ở cơ sở là những người được cộng đồng dân cư tín nhiệm lựa chọn để thực hiện hoạt động hòa giải trên cơ sở tự nguyện, tự quản của Nhân dân. Hoạt động hòa giải ở cơ sở không phải là hoạt động áp dụng pháp luật mang tính chuyên môn, nghề nghiệp mà chủ yếu dựa trên uy tín, kinh nghiệm sống, khả năng thuyết phục, vận động quần chúng, hiểu biết phong tục, tập quán và kiến thức pháp luật cần thiết để hỗ trợ các bên giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp. Tiêu chuẩn “có hiểu biết pháp luật” được quy định theo hướng khái quát nhằm bảo đảm tính linh hoạt, phù hợp với đặc thù của đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở là những người đến từ nhiều thành phần xã hội khác nhau, đặc biệt tại vùng nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Bên cạnh đó, pháp luật hiện hành đã có cơ chế bảo đảm, nâng cao năng lực cho hòa giải viên thông qua các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng hòa giải và việc cung cấp tài liệu, hướng dẫn nghiệp vụ theo quy định của Nhà nước. Do đó, việc tiếp

				tục quy định tiêu chuẩn “có hiểu biết pháp luật” như dự thảo Luật là phù hợp, bảo đảm tính khả thi, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và không làm phát sinh các điều kiện hạn chế không cần thiết đối với đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở.
		Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng; Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Ngãi	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung điều kiện “không trong thời gian bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự”, hoặc “không thuộc diện đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã chấp hành xong bản án nhưng chưa được xoá án tích”.	Tiếp thu Bộ Tư pháp đã bổ sung vào Điều 7 của dự thảo Luật.
		Đoàn đại biểu quốc hội tỉnh Quảng Ngãi	Tại Điều 7 dự thảo Luật: Đề nghị bổ sung tiêu chuẩn đối với hoà giải viên nhằm đảm bảo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, cần điều chỉnh, bổ sung, biên tập như sau (bổ sung phần in đậm): “Điều 7. Tiêu chuẩn hòa giải viên Người được bầu hoặc chỉ định làm hoà giải viên phải là công dân Việt Nam thường trú tại cơ sở, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của Bộ luật Dân sự, tự nguyện tham gia hoạt động hoà giải và có các tiêu chuẩn sau đây: 1. Có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt; có uy tín trong cộng đồng dân cư. 2. Có khả năng thuyết phục, vận động Nhân dân; có hiểu biết pháp luật.	Giải trình Việc đưa tiêu chuẩn có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của Bộ luật Dân sự là không cần thiết vì sự tự nguyện, có uy tín của công dân khi tham gia các hoạt động hòa giải đã thể hiện được việc người đó có đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ. Đưa chỉ tiêu có sức khỏe vào tiêu chuẩn hòa giải viên là không cần thiết, vì người không bảo đảm điều kiện sức khỏe để tham gia hoạt động hòa giải thường sẽ không được giới thiệu, lựa chọn hoặc được người dân bầu, chính người đó cũng không tự nguyện tiếp tục tham gia công tác hòa giải ở cơ sở (xin thôi làm hoà giải viên). Việc bổ sung tiêu chuẩn về sức khỏe còn có thể làm phát sinh yêu cầu xác định, đánh giá tình trạng sức khỏe trong quá trình lựa chọn hòa giải viên, tạo thêm thủ tục cho

				công tác tổ chức lựa chọn, bầu hòa giải viên
	Khoản 3	Sở Tư pháp tỉnh Tháp	Đề nghị bổ sung tiêu chuẩn: “am hiểu phong tục, tập quán tốt đẹp của địa phương”.	Giải trình Khoản 1 Điều 7 đã quy định tiêu chuẩn hòa giải viên về uy tín trong cộng đồng dân cư. Khoản 2 Điều 7 đã quy định tiêu chuẩn “ <i>có khả năng thuyết phục, vận động nhân dân</i> ”. Đồng thời, hòa giải viên phải “thường trú tại cơ sở” đã bảo đảm yêu cầu về sự am hiểu phong tục tập quán địa phương của hòa giải viên.
		Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Nghệ An	Đề nghị bổ sung tiêu chí về uy tín trong cộng đồng dân cư, kỹ năng hòa giải, hiểu biết phong tục tập quán địa phương; đồng thời khuyến khích người có chuyên môn pháp luật tham gia. Vì thực tiễn cho thấy hiệu quả hòa giải phụ thuộc nhiều vào uy tín xã hội, kinh nghiệm và kỹ năng thực tiễn của hòa giải viên.	Đối với chính sách khuyến khích người có chuyên môn pháp luật tham gia, nội dung này đã được quy định tại Khoản 1 Điều 5 của Dự thảo Luật.
		Sở Tư pháp các tỉnh, TP: Hải Phòng, Phú Thọ	Đề nghị nghiên cứu hoàn thiện chế định này theo hướng: Quy định tiêu chuẩn theo hướng mở, coi trọng năng lực thực tiễn, kỹ năng hòa giải, uy tín cộng đồng thay vì thiên về tiêu chí hình thức; bổ sung cơ chế bồi dưỡng bắt buộc định kỳ; quy định cơ chế rà soát, đánh giá, miễn nhiệm hòa giải viên không còn đáp ứng yêu cầu; cho phép địa phương xây dựng đội ngũ hòa giải viên nòng cốt để chuyên sâu hóa năng lực.	Giải trình Về tiêu chuẩn hòa giải viên (Điều 7) đã tập trung vào việc hòa giải viên phải là người có uy tín trong cộng đồng và có kỹ năng vận động, thuyết phục người dân, có hiểu biết pháp luật... Quy định này theo hướng tương đối mở, bảo đảm lựa chọn được những người có uy tín, am hiểu phong tục, tập quán, điều kiện kinh tế - xã hội và đời sống cộng đồng tại địa phương, phù hợp với đặc thù vùng miền và tính chất của hoạt động hòa giải ở cơ sở. Đồng thời dự thảo luật đã có quy định về việc kiện toàn tổ hòa giải (Điều 14), thôi làm hòa giải viên (Điều 13), việc bồi

				dưỡng, tập huấn cho đội ngũ hòa giải viên (các điều 11, 12, 3 và, 32). Đối với đề xuất quy định cơ chế bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ bắt buộc: Hoạt động hòa giải ở cơ sở mang tính tự nguyện, tự quản của cộng đồng dân cư. Việc quy định bắt buộc có thể làm phát sinh điều kiện, thủ tục, ảnh hưởng đến việc thu hút, duy trì đội ngũ hòa giải viên. Dự thảo Luật đã có quy định về trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, cập nhật kiến thức, kỹ năng cho hòa giải viên nhằm nâng cao chất lượng hoạt động hòa giải ở cơ sở. Các nội dung còn lại thuộc quá trình tổ chức triển khai thi hành Luật, Bộ Tư pháp sẽ có hướng dẫn trong quá trình triển khai.
		Sở Tư pháp Lạng Sơn, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lạng Sơn	Tại Điều 7, đề nghị sửa, bổ sung như sau: “ Điều 7. Tiêu chuẩn, số lượng hoà giải viên 1. Tiêu chuẩn hòa giải viên: Có phẩm chất đạo đức tốt; có uy tín trong cộng đồng dân cư; Có khả năng thuyết phục, vận động nhân dân; có hiểu biết pháp luật. 2. Số lượng hoà giải viên: Đề nghị quy định cụ thể số lượng hoà giải viên phù hợp với quy mô dân số như sau: - Thôn có từ 500 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố có từ 700 hộ gia đình trở lên: tối đa 10 hoà giải viên. - Thôn có từ 150 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố có từ 300 hộ trở lên: tối đa 5 hoà giải viên”	Giải trình Số lượng tổ hòa giải, số lượng hòa giải viên trong một tổ do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định căn cứ vào đặc điểm, tình hình kinh tế - xã hội, dân số của địa phương và đề nghị của Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã (khoản 2 Điều 14). Đây là quy định phù hợp với tình hình hiện nay ở cơ sở, thực tế quy định này đã được áp dụng từ năm 2014 và không phát sinh khó khăn, vướng mắc khi thực hiện. Việc quy định số lượng hòa giải viên theo quy mô dân

				số sẽ dẫn đến hành chính hóa hoạt động hòa giải ở cơ sở
		Ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Sở Tư pháp các tỉnh: Đắk Lắk, Hưng Yên, Gia Lai, Ninh Bình, Thanh Hóa, Phú Thọ	Dự thảo yêu cầu hòa giải viên phải “<i>thường trú tại cơ sở</i>” (thôn, tổ dân phố). Tiêu chuẩn này chưa đảm bảo tính linh hoạt trong bối cảnh tốc độ đô thị hóa, dịch chuyển lao động và sáp nhập quy mô thôn/tổ dân phố hiện nay. Có những người có uy tín, có trình độ pháp luật cư trú ở tổ dân phố này nhưng lại có văn phòng, cửa hàng hoặc dành phần lớn thời gian sinh hoạt, làm việc tại tổ dân phố liền kề và được nhân dân nơi đó tín nhiệm. Rất nhiều người tạm trú tại các cộng đồng dân cư là trí thức, luật sư, chuyên gia pháp lý, chuyên gia tâm lý có uy tín cao, am hiểu pháp luật và sẵn sàng đóng góp công sức cho cộng đồng. Do đó, đề nghị nghiên cứu sửa đổi nhằm mở rộng đối tượng, thu hút người có chuyên môn tham gia hòa giải như sau: “<i>Người được công nhận làm hòa giải viên phải là công dân Việt Nam, thường trú hoặc cư trú thực tế ổn định tại cơ sở, tự nguyện tham gia hoạt động hòa giải và đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:....</i>”	Tiếp thu một phần Bộ Tư pháp đã chỉnh lý tiêu chuẩn của hòa giải viên tại Điều 7 dự thảo Luật
		Sở Tư pháp các tỉnh, TP: Hồ Chí Minh, Đồng Tháp; Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Hà Nội	Đề nghị bổ sung khoản 3 Điều 7: “3. Khuyến khích chọn hòa giải viên am hiểu và biết ứng dụng công nghệ thông tin”; bởi vì: tại khoản 1 Điều 25 dự thảo Luật quy định: “1. Hòa giải được tiến hành trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến với sự có mặt các bên”; do đó cần bổ sung tiêu chí này và chỉ mang tính khuyến khích để thực hiện tốt hoạt động hoà giải trực tuyến cùng như trong quản lý hồ sơ hòa giải và trong công tác báo cáo trên môi trường điện tử.	Giải trình. Hoạt động hòa giải ở cơ sở chủ yếu dựa trên uy tín, kinh nghiệm, khả năng thuyết phục và sự tín nhiệm của cộng đồng. Việc bổ sung tiêu chuẩn “có kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản” có thể làm thu hẹp nguồn hòa giải viên, nhất là tại vùng nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin sẽ được tăng cường thông qua công tác tập huấn, bồi dưỡng và hỗ trợ

				trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác hoà giải ở cơ sở được xác định là phương thức địa phương, hoà giải viên và người dân lựa chọn triển khai bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn.
		Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Nguyên	Đề nghị bổ sung tiêu chuẩn của hoà giải viên đối với vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số: Hoà giải viên là người dân tộc thiểu số sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số và tiếng Việt.	Giải trình Nội dung này đã được quy định tại khoản 1 Điều 14 “Tổ hoà giải ở vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số thì phải có hoà giải viên là người dân tộc thiểu số”.
		Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lâm Đồng	Đề nghị bổ sung tiêu chuẩn “có tinh thần công tâm, khách quan, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên” để tạo cơ sở thống nhất cho việc lựa chọn, bầu, công nhận và đánh giá hoà giải viên; đồng thời làm rõ hơn yêu cầu đối với người thực hiện hoạt động hoà giải trong các vụ việc có tính chất phức tạp hoặc liên quan đến nhiều chủ thể trong cộng đồng dân cư.	Giải trình Các yêu cầu về công tâm, khách quan, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên là những nguyên tắc cơ bản trong hoạt động hoà giải ở cơ sở và đã được thể hiện thông qua các quy định về nguyên tắc tổ chức, hoạt động hoà giải cũng như quyền, nghĩa vụ của hoà giải viên. Việc bổ sung các nội dung này thành tiêu chuẩn của hoà giải viên là không phù hợp.
		Bộ Tài chính	Cần có sự đánh giá cụ thể trong quá trình triển khai Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013 để có cơ sở xây dựng quy định về tiêu chuẩn hoà giải viên và việc bầu hoà giải viên bảo đảm khả thi, vì thực tế trong nhiều trường hợp không nhất thiết những người được bầu mới làm được công tác hoà giải mà chỉ cần có người thân thiết hoặc người có uy tín là hoà giải thành. Mặt khác, việc quy định tiêu chuẩn, thủ	Giải trình Qua tổng kết thực tiễn thi hành Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013 (Báo cáo số 301/BC-BTP ngày 04/5/2026) đã đánh giá kỹ những nội dung này. Về cơ bản, tiêu chuẩn hoà giải viên và việc bầu hoà giải viên cơ bản phù hợp, tạo cơ sở để lựa chọn những người có uy tín, phẩm chất đạo đức, khả năng thuyết phục và được cộng đồng dân cư tin nhiệm tham gia

			tục bầu là hành chính hóa nhưng hiệu quả không cao.	hoạt động hòa giải ở cơ sở. Đây là những yếu tố quan trọng góp phần bảo đảm chất lượng và tính bền vững của đội ngũ hòa giải viên. Các quy định về tiêu chuẩn và bầu hòa giải viên không chứa đựng yếu tố hành chính hóa hoạt động hòa giải ở cơ sở mà chỉ nhằm bảo đảm tính minh bạch, khách quan và sự tín nhiệm của cộng đồng đối với đội ngũ hòa giải viên. Vì vậy, Bộ Tư pháp xin giữ nguyên quy định của dự thảo Luật.
Điều 8. Bầu hòa giải viên				
		Đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh, TP: Hải Phòng, Ninh Bình; Sở Tư pháp các tỉnh: Ninh Bình, Quảng Ninh, Phú Thọ, Hưng Yên, Thanh Hóa, Đắk Lắk	Đề nghị quy định rõ hơn điều kiện áp dụng hình thức biểu quyết trực tuyến: đòi hỏi hạ tầng kỹ thuật, mức độ ứng dụng công nghệ thông tin như thế nào là đủ để tổ chức bỏ phiếu trực tuyến, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; quy định đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin, xác thực danh tính trong trường hợp biểu quyết trực tuyến, việc công khai, minh bạch và lưu trữ, kiểm tra được kết quả và giao Chính phủ quy định chi tiết kỹ thuật, điều kiện áp dụng hình thức này.	Giải trình Nội dung này thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Bộ Tư pháp sẽ tham mưu hướng dẫn tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật.
		Sở Tư pháp các tỉnh: Đắk Lắk, Gia Lai, Điện Biên, Đồng Tháp	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quy định rõ việc: “bầu bổ sung hoặc bầu lại” được thực hiện đối với tất cả các ứng viên, hay là chỉ được thực hiện trong trường hợp cụ thể đối với ứng viên không đạt đủ tỷ lệ đồng ý. Vì đối với các ứng viên đã đạt trên 50% số đại diện hộ gia đình đồng ý thì kết quả bầu của họ là hoàn toàn hợp pháp, hợp lệ; việc chưa đủ số lượng hòa giải viên không phải là dấu hiệu của quy	Giải trình Bộ Tư pháp đã chỉnh lý trong dự thảo Luật về trường hợp bầu bổ sung như sau: Trường hợp số người được bầu không bảo đảm thành phần hoặc không đủ số lượng hòa giải viên trong tổ hoà giải theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại khoản 1 và khoản 2

			trình bầu không thành công, mà chỉ là chưa đáp ứng yêu cầu về cơ cấu tổ chức của tổ hòa giải. Trường hợp cho phép bầu bổ sung hoặc bầu lại thì cần quy định rõ được bầu bổ sung hoặc bầu lại bao nhiêu lần không được thì chuyển qua hình thức chỉ định hòa giải viên theo quy định tại Điều 9.	Điều 14 của Luật này thì tổ chức bầu bổ sung. Nếu bầu bổ sung mà vẫn không bảo đảm thành phần hoặc số lượng hòa giải viên trong tổ hòa giải thì không tổ chức bầu bổ sung thêm lần thứ hai. Nội dung chi tiết sẽ được hướng dẫn cụ thể tại Nghị định.
		Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Điện Biên	Đề nghị bỏ điều kiện “được người dân ở thôn, tổ dân phố thống nhất lựa chọn” và sửa điểm c khoản 2 thành: “Biểu quyết trực tuyến phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của người dân trên địa bàn” bởi vì các lý do sau: (1) Quy định này làm phát sinh thủ tục lấy ý kiến người dân về hình thức bầu. Đối tượng lấy ý kiến bầu hòa giải viên là đại diện hộ gia đình, trong khi đối tượng lấy ý kiến về hình thức bầu lại là toàn bộ người dân ở thôn, tổ dân phố; (2) Quy định người dân “thống nhất lựa chọn” cũng chưa chặt chẽ, tỷ lệ người dân đồng ý chiếm bao nhiêu % thì được coi là thống nhất; (3) Tại điểm d khoản 2 khi áp dụng hình thức biểu quyết trực tiếp kết hợp trực tuyến, dự thảo Luật không đặt điều kiện phải được sự đồng ý của người dân.	Giải trình Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hòa giải ở cơ sở được nhà nước khuyến khích thực hiện và cần có sự tự nguyện của người dân. Việc người dân thống nhất lựa chọn là điều kiện cần nhưng chưa đủ để bảo đảm tính khả thi của hình thức biểu quyết trực tuyến. Trên thực tế, mức độ ứng dụng công nghệ thông tin giữa các địa bàn còn khác nhau; điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, thiết bị, khả năng tiếp cận công nghệ của người dân và năng lực tổ chức thực hiện của chính quyền cơ sở có sự chênh lệch nhất định. Do đó, việc giữ cụm từ “phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin” là cần thiết nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc lựa chọn hình thức biểu quyết phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả và không làm ảnh hưởng đến quyền tham gia của người dân.
		Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Ngãi	Tại điểm c khoản 2, đề nghị bỏ cụm từ “phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và” vì cụm từ này nói về hình thức thực hiện.	
		Ý kiến phản biện xã hội của	Quy định về thủ tục bầu hòa giải viên là một bất cập lớn, chưa bảo đảm tính khả thi khi áp dụng vào thực tiễn. Trong bối cảnh thực hiện chủ trương sắp	Giải trình Hòa giải ở cơ sở là một hình thức tự quản của cộng đồng dân cư. Hòa giải viên thực

		Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	nhập đơn vị hành chính, quy mô các thôn, tổ dân phố hiện nay tăng lên rất lớn (từ 500 đến hơn 700 hộ dân), việc bắt buộc tỷ lệ tham gia cuộc họp bầu phải đạt trên 50% đại diện hộ gia đình để biểu quyết thông qua là khó thực hiện trên thực tế. Quy định này dễ dẫn đến tình trạng tổ chức mang tính đối phó, hình thức, đồng thời gây lãng phí lớn về thời gian, công sức và nguồn lực của cơ sở. Đề nghị nghiên cứu chỉnh lý theo hướng: <i>“Trưởng Ban Công tác Mặt trận phối hợp với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chủ trì họp, thống nhất chọn cử người đủ tiêu chuẩn tham gia Tổ hòa giải; sau đó thông báo công khai đến nhân dân qua các phương tiện thông tin, truyền thông của thôn/tổ dân phố. Trong thời hạn quy định, nếu không có khiếu nại, kiến nghị từ nhân dân, Trưởng ban Công tác Mặt trận lập danh sách người được chọn cử làm hòa giải viên gửi Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã rà soát, tổng hợp danh sách và có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận”</i>.	hiện nhiệm vụ dựa trên uy tín và sự tín nhiệm của chính người dân tại địa bàn chứ không dựa trên quyền lực hành chính nhà nước. Nếu quy định theo hướng Chủ tịch UBND cấp xã công nhận trên cơ sở đề xuất của Trưởng Ban Công tác Mặt trận phối hợp với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mà không thông qua ý chí lựa chọn của cộng đồng sẽ không thể hiện tính dân chủ và làm giảm đi sự tin cậy và tính khách quan của hòa giải viên ở cộng đồng dân cư.
		Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lâm Đồng	Đề nghị bổ sung quy định việc bầu hòa giải viên chỉ được coi là hợp lệ khi có trên 50% số hộ gia đình hoặc số người được triệu tập tham gia biểu quyết; đồng thời quy định rõ việc biểu quyết trực tuyến phải bảo đảm công khai, minh bạch, xác thực người tham gia và lưu trữ kết quả để phục vụ công tác kiểm tra khi cần thiết. Đối với trường hợp thực hiện kết hợp nhiều hình thức lấy ý kiến, đề nghị làm rõ nguyên tắc tổng hợp kết quả và trách nhiệm	Tiếp thu một phần, Bộ Tư pháp đã bổ sung quy định về kết quả bầu chỉ được công nhận khi có trên 50% đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham gia bầu; quy định người được đề nghị công nhận là hoà giải viên phải đạt trên 50% số người tham gia bầu đồng ý để bảo đảm phù hợp với bối cảnh hiện nay. Các nội dung này sẽ được quy định chi tiết tại Nghị định của Chính phủ.

			của cơ quan, tổ chức thực hiện để bảo đảm tính thống nhất trong quá trình áp dụng.	
Điều 9. Chỉ định hòa giải viên				
		Đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh, TP: Hải Phòng, Lâm Đồng; Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa	Điểm b khoản 1 quy định: “Cần bổ sung ngay hòa giải viên để đáp ứng yêu cầu thực tiễn”. Khái niệm “yêu cầu thực tiễn” chưa rõ ràng, đề nghị quy định cụ thể để tránh tình trạng lạm dụng cơ chế chỉ định thay cho bầu dân chủ đề xuất sửa đổi, bổ sung làm rõ các trường hợp: phát sinh vụ việc phức tạp; thiếu hụt hòa giải viên kéo dài; địa bàn đặc thù; tình huống khẩn cấp ảnh hưởng an ninh trật tự. Đồng thời, cần quy định cụ thể hơn về thời hạn giải quyết hồ sơ, trách nhiệm công khai danh sách hòa giải viên được công nhận và cập nhật thông tin quản lý để bảo đảm thống nhất trong tổ chức thực hiện.	Tiếp thu Bộ Tư pháp đã chỉnh lý, hoàn thiện các trường hợp chỉ định tại khoản 1 Điều 9 bảo đảm phù hợp với thực tiễn.
		Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Khánh Hòa	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu quy định chặt chẽ hơn điều kiện áp dụng cơ chế chỉ định hòa giải viên, chỉ thực hiện trong trường hợp thật sự cần thiết và phải bảo đảm sự đồng thuận của cộng đồng dân cư. Đồng thời, đề nghị bổ sung quy định trước khi chỉ định phải có ý kiến thống nhất của Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư; việc chỉ định phải được thông báo công khai tại cộng đồng dân cư. Lý do: Hòa giải ở cơ sở là thiết chế tự quản của Nhân dân, hòa giải viên hoạt động chủ yếu dựa trên uy tín xã hội và sự tín nhiệm của cộng đồng. Nếu mở rộng cơ chế chỉ định dễ dẫn đến hành chính hóa hoạt động hòa giải, làm giảm tính tự nguyện, tự quản vốn là bản chất của hòa giải ở cơ sở. Mặt khác, dự thảo Luật đã quy định hòa giải viên phải đạt trên 50% đại diện hộ gia đình đồng ý khi bầu (mục a khoản 3 Điều 8), do đó việc chuyển sang cơ	

			chế chỉ định nếu không có cơ chế tham vấn, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân phù hợp sẽ thiếu tính thuyết phục và hiệu quả trong tổ chức thực hiện.	
		Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau	Cần cân nhắc, điều chỉnh hoặc bỏ điều kiện được quy định tại điểm a khoản 1. Vì trường hợp đã thực hiện việc bầu bổ sung hoặc bầu lại hòa giải viên nhưng vẫn không đạt đủ số lượng và thành phần cần đánh giá nguyên nhân, chủ quan, khách quan dẫn đến bầu không đạt. Trường hợp bầu không đạt do không đảm bảo sự tín nhiệm của người dân thì không chỉ định hòa giải viên.	
		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Tư pháp các tỉnh: Phú Thọ, Hưng Yên, Thanh Hóa, Quảng Ninh, Tây Ninh	Điểm b khoản 1 cho phép chỉ định hòa giải viên khi "không thể tổ chức bầu do cần bổ sung ngay hòa giải viên". Quy định này có thể dẫn đến áp dụng tùy tiện, bỏ qua quy trình bầu. Đề nghị bổ sung tiêu chí "cần bổ sung ngay" (ví dụ: số lượng hòa giải viên còn lại chưa đủ thành lập tổ hòa giải để giải quyết vụ, việc đang phát sinh), tránh lạm dụng cơ chế chỉ định.	
		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Điểm b khoản 1 và khoản 2 dự thảo Luật không thống nhất với Điều 28 Hiến pháp và các điều 15, 17, 21 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15. Khi đó, quyền lựa chọn của cộng đồng dân cư bị thu hẹp từ “đồng ý trên 50% đại diện hộ gia đình” xuống còn “được thông báo sau khi chỉ định”. Bên cạnh đó, khoản 6 Điều 15 Luật số 10/2022/QH15 quy định Nhân dân bàn và quyết định “các công việc tự quản khác trong nội bộ cộng đồng dân cư không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội”. Vì tổ hòa giải được dự thảo xác định là tổ chức tự quản của nhân dân nên việc lựa chọn người	Giải trình Quy định về chỉ định hòa giải viên tại Điều 9 dự thảo Luật chỉ được thực hiện trong các trường hợp nhất định theo quy định tại khoản 1. Cơ chế này giúp kịp thời khắc phục tình trạng thiếu hụt hòa giải viên trong một số thời điểm, địa bàn, qua đó nâng cao hiệu quả và tính liên tục của hoạt động hòa giải ở cơ sở. Việc chỉ định hòa giải viên không thay thế cơ chế bầu hòa giải viên theo nguyên tắc dân chủ ở cơ sở mà chỉ là giải pháp bổ sung trong trường hợp cần thiết, có kiểm soát,

			tham gia tổ hòa giải là “công việc tự quản trong nội bộ cộng đồng dân cư”. Do đó, nếu dự thảo cho phép chỉ định mà không có cơ chế tham vấn, công khai, phản hồi hoặc hậu kiểm của cộng đồng dân cư thì chưa thống nhất với Điều 15 Luật số 10/2022/QH15. Đề nghị quy định cơ chế chỉ định hòa giải viên chỉ nên hạn chế, không được thiết kế theo hướng có thể thay thế cơ chế cộng đồng dân cư lựa chọn.	được thực hiện theo trình tự, thủ tục theo quy định trước khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định. Do đó, quy định này hoàn toàn không trái với Hiến pháp năm 2013 và các quy định của Luật Thực hiện dân chủ. Không những thế, việc bổ sung cơ chế chỉ định hòa giải viên giúp kịp thời giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh tại cộng đồng, góp phần thực hiện quyền của công dân trong quản lý nhà nước, quản lý xã hội theo quy định của Điều 28 Hiến pháp.
		Sở Tư pháp các tỉnh: Cao Bằng, Sơn La	Dự thảo Luật quy định: “Người được lựa chọn chỉ định làm hòa giải viên không thuộc trường hợp có dưới 50% đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố đồng ý tại cuộc họp bầu hòa giải viên”. Đề nghị chỉnh sửa quy định này theo hướng cụ thể, rõ ràng hơn hoặc xem xét bỏ khoản 2 Điều 9. Vì trường hợp “chỉ định” hòa giải viên quy định tại Điều này là trường hợp đặc biệt, không cần tổ chức họp dân để lấy trên 50% ý kiến đồng ý, được áp dụng khi không thể tổ chức bầu hòa giải viên hoặc đã tổ chức bầu nhưng vẫn chưa bảo đảm đủ số lượng, thành phần theo quy định. Do đó, quy định này chưa thực sự phù hợp, có thể dẫn đến cách hiểu và áp dụng chưa thống nhất trong thực tiễn.	Tiếp thu Bộ Tư pháp đã chỉnh lý khoản 2 Điều 9 dự thảo theo hướng quy định rõ ràng, cụ thể hơn.
		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Khoản 2 dự thảo Luật quy định không chỉ định hòa giải viên đối với người có dưới 50% đại diện hộ gia đình đồng ý “tại cuộc họp bầu”, nhưng không loại trừ trường hợp người đó đã không đạt đồng ý qua phát phiếu, biểu quyết trực tuyến hoặc hình thức kết hợp.	

		Đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh, TP: Hà Nội, Lâm Đồng; Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa	Đề nghị nghiên cứu quy định theo hướng hòa giải viên được chỉ định chỉ hoạt động tạm thời cho đến khi tổ chức bầu bổ sung theo quy định	Giải trình Việc quy định hòa giải viên được chỉ định chỉ hoạt động tạm thời cho đến khi tổ chức bầu bổ sung là không cần thiết. Trường hợp hòa giải viên không còn được Nhân dân tín nhiệm hoặc không đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong quá trình hoạt động, dự thảo Luật đã có quy định về việc cho thôi làm hòa giải viên tại Điều 13, bảo đảm cơ chế thay thế kịp thời, phù hợp với thực tiễn và giữ vững chất lượng đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở.
		Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh Ninh Bình; Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu	Đề nghị sửa lại khoản 3 Điều 9 như sau: “ <i>Trưởng ban công tác Mặt trận chủ trì, phối hợp với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố lựa chọn người để đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định làm hòa giải viên; trước khi đề xuất phải báo cáo Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và thông báo công khai tại thôn, tổ dân phố</i> ”.	Giải trình. Dự thảo Luật đã giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này, vì vậy Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu nội dung này trong quá trình xây dựng tại Nghị định để bảo đảm phù hợp, khả thi.
Điều 10. Công nhận hòa giải viên				
Khoản 1		Ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Tại khoản 1 quy định: “ <i>Trưởng ban công tác Mặt trận lập danh sách người được đề nghị công nhận hòa giải viên ... gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã</i> ” chưa phù hợp về mặt nguyên tắc tổ chức. Đề nghị nghiên cứu sửa đổi khoản 1 theo hướng: “ <i>Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc chọn cử hòa giải viên theo quy định tại Điều 8 của Luật này, Trưởng ban Công tác Mặt trận lập danh sách kèm theo biên bản họp gửi Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc</i>	Giải trình Quá trình tổng kết Luật Hoà giải ở cơ sở không phát sinh vướng mắc việc về chủ thể đề nghị công nhận hoà giải viên. Việc quy định Trưởng ban công tác Mặt trận lập danh sách trình Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận hoà giải viên sẽ làm phát sinh thêm thủ tục, thêm

			<i>Việt Nam cấp xã thực hiện tổng hợp, rà soát và có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận hòa giải viên.</i>	thời gian. Do đó, Bộ Tư pháp giữ nguyên như quy định trước đây.
	Khoản 2	Sở Tư pháp tỉnh Sơn La	Khoản 2, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung như sau: “ <i>Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ra quyết định công nhận hòa giải viên. Quyết định công nhận hòa giải viên được gửi cho Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Trưởng ban công tác Mặt trận, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, hòa giải viên và thông báo công khai ở thôn, tổ dân phố.</i> ” để bảo đảm tính khách quan khi ra quyết định công nhận hòa giải viên.	Giải trình Việc bổ sung từ “xem xét” vào khoản 2 Điều 10 không phù hợp, về bản chất đây là việc Chủ tịch UBND công nhận kết quả bầu của người dân, phù hợp với nguyện vọng và tính tự quản của cộng đồng dân cư.
Điều 11. Quyền của hoà giải viên				
	Khoản 2	Sở Tư pháp các tỉnh: Ninh Bình, Phú Thọ	Đề nghị bổ sung hòa giải viên có quyền đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan cung cấp tài liệu, thông tin liên quan đến vụ, việc hòa giải vì trong nhiều vụ việc, tài liệu liên quan đến vụ việc do cơ quan, tổ chức, cá nhân khác quản lý, trong khi các bên đương sự không thể cung cấp (Ví dụ như: Tranh chấp về đất đai có bản trích đo đạc về đất đai, bản đồ địa chính do cơ quan quản lý đất đai quản lý; tranh chấp về vay tài sản có liên quan đến hợp đồng thế chấp tại tổ chức tín dụng...).	Giải trình. Hòa giải ở cơ sở là phương thức giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp mang tính xã hội, tự nguyện, không phải hoạt động tố tụng hoặc hoạt động xác minh, thu thập chứng cứ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy, hòa giải viên không được trao thẩm quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu. Trong trường hợp cần thiết, hòa giải viên có thể hướng dẫn, đề nghị các bên chủ động cung cấp tài liệu, thông tin hoặc tự liên hệ cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để khai

		Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Đà Nẵng	Đề nghị bổ sung cụm từ “chứng cứ” vào sau cụm từ “thông tin” và viết lại theo hướng: “Đề nghị các bên có liên quan cung cấp tài liệu, thông tin, chứng cứ liên quan đến vụ, việc hòa giải”. Đồng thời, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định chế tài bắt buộc đối với các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc hỗ trợ cung cấp thông tin khi được yêu cầu.	thác, sử dụng các tài liệu theo quy định của pháp luật. Do đó, Bộ Tư pháp đề nghị giữ nguyên quy định của dự thảo Luật.
	Khoản 5	Sở Tư pháp các tỉnh: Cao Bằng, Lai Châu	Đề nghị bổ sung nội dung về “các chính sách hỗ trợ cho hoạt động hòa giải ở cơ sở theo quy định” và chỉnh sửa như sau: “ <i>Hưởng thù lao theo vụ, việc khi thực hiện hòa giải và các chính sách hỗ trợ cho hoạt động hòa giải theo quy định</i> ”. Vì theo quy định hiện hành, ngoài hưởng thù lao theo vụ, việc, hòa giải viên còn được hưởng các chính sách hỗ trợ khác như hỗ trợ chi phí y tế, hỗ trợ mai táng phí, hỗ trợ hoạt động của tổ hòa giải và các điều kiện cần thiết phục vụ hoạt động hòa giải ở cơ sở. Do đó, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định theo hướng khái quát hơn để tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho địa phương trong quá trình bố trí kinh phí và bảo đảm điều kiện thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở.	Giải trình. Quyền được hỗ trợ, tạo điều kiện để khắc phục hậu quả nếu gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải đã được quy định tại khoản 7 Điều 11. Đối với hỗ trợ hoạt động tổ hòa giải không thuộc quyền của hòa giải viên.
		Sở Tư pháp tỉnh Sơn La	Đề nghị chỉnh sửa như sau: “ <i>Hưởng thù lao theo vụ, việc khi thực hiện hòa giải và các chi phí cần thiết khác bảo đảm cho hoạt động hòa giải.</i> ” để bảo đảm đầy đủ vì thực tế còn các khoản hỗ trợ khác nhằm bảo đảm cho hoạt động hòa giải (chế độ chè nước, văn phòng phẩm, hội họp, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật...).	Giải trình Các chi phí khác phát sinh để phục vụ hoạt động hoà giải ở cơ sở đã được quy định hỗ trợ hằng tháng cho tổ hoà giải ở cơ sở.

		Đoàn Đại biểu quốc hội TP. Đà Nẵng	Hiện nay, mức thù lao chi trả cho mỗi vụ hòa giải thành hoặc không thành còn rất thấp, chưa tương xứng với thời gian và công sức của hòa giải viên bỏ ra. Do đó, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định về việc chi trả thù lao theo vụ việc với mức linh hoạt hơn, kết hợp với phụ cấp trách nhiệm hằng tháng cố định để tạo động lực, bù đắp thời gian và chi phí đi lại, liên lạc, đặc biệt khi họ phải làm thêm giờ hoặc vào ngày nghỉ.	Giải trình. Việc quy định phụ cấp trách nhiệm hằng tháng cố định đối với hòa giải viên là không phù hợp khi hòa giải được tiến hành theo vụ, việc và bản chất của hoà giải ở cơ sở là tính tự nguyện, tự quản của cộng đồng dân cư.
		Văn phòng Quốc hội	Đề nghị quy định rõ cơ chế bảo vệ tính mạng, sức khoẻ và quyền lợi hợp pháp của hoà giải viên khi tham gia hoà giải các vụ, việc có nguy cơ cao; quy định về trường hợp hoà giải viên từ chối vụ việc vì lý do xung đột lợi ích	Giải trình - Cơ chế bảo vệ tính mạng, sức khoẻ và quyền lợi hợp pháp của hoà giải viên được quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật theo Nghị quyết 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 (Luật chỉ quy định những vấn đề chung) - Việc xung đột lợi ích hoàn toàn thuộc các trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 12 (hoà giải viên phải từ chối tiến hành hoà giải nếu bản thân có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hoặc lý do khác dẫn đến không thể bảo đảm khách quan, công bằng).
		Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh Cao Bằng; Sở Tư pháp các tỉnh: Lào Cai, Tây Ninh	Đề nghị bổ sung vào Điều 11 như sau: “Được đề nghị cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ bảo đảm an ninh, trật tự trong trường hợp vụ, việc hòa giải có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của hòa giải viên hoặc các bên tham gia”.	Giải trình Nội dung này đã được quy định tại khoản 10 Điều 11 dự thảo Luật.
		Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Hà Nội	Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định về cơ chế đặc thù hỗ trợ y tế, an toàn cho lực	Giải trình Nội dung này đã được quy định tại khoản 7 và khoản 10 Điều 11 dự thảo Luật

			lượng hòa giải viên tại nội dung Điều 11 dự thảo Luật	
	Khoản 7	Sở Tư pháp các tỉnh, TP: Hải Phòng, Tuyên Quang	Đề nghị nghiên cứu bổ sung vào khoản này quyền của hòa giải viên <i>“được Nhà nước và pháp luật bảo vệ danh dự, nhân phẩm”</i> ; <i>“Được bảo vệ về sức khỏe và danh dự, nhân phẩm”</i> . Việc bổ sung nội dung trên không chỉ góp phần bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng của hòa giải viên mà còn tạo cơ sở pháp lý để động viên, khuyến khích đội ngũ hòa giải viên yên tâm thực hiện nhiệm vụ, nâng cao hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở.	Giải trình Quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín là quyền nhân thân cơ bản của mọi cá nhân đã được ghi nhận trong Hiến pháp, Bộ luật Dân sự và các quy định pháp luật có liên quan. Do đó, hòa giải viên đương nhiên được hưởng sự bảo vệ của Nhà nước và pháp luật như mọi công dân khác mà không phụ thuộc vào việc có được quy định riêng trong Luật Hòa giải ở cơ sở hay không. Vì vậy, việc bổ sung quy định này là không cần thiết và có thể dẫn đến trùng lặp với các quy định của hệ thống pháp luật hiện hành.
	Khoản 8	Sở Tư pháp tỉnh Sơn La	Đề nghị chỉnh sửa khoản 8 về <i>mời người tham gia hoà giải</i> như sau: <i>“8. Mời người được mời tham gia hoà giải ở cơ sở theo Điều 18 của Luật này.”</i> để bảo đảm thống nhất với thuật ngữ <i>“người được mời tham gia hoà giải ở cơ sở”</i> đã quy định tại Điều 18 dự thảo	Giải trình. Khoản 8 đã dẫn chiếu trực tiếp đến Điều 18 của dự thảo Luật, do đó phạm vi và đối tượng được mời tham gia hòa giải đã được xác định rõ theo quy định tại điều luật được dẫn chiếu. Việc lặp lại đầy đủ cụm từ <i>“người được mời tham gia hòa giải ở cơ sở”</i> là không cần thiết, vì khiến quy định trở nên dài dòng.
	Khoản 10	Tòa án nhân dân tối cao	Quy định tại khoản 10 đang không thống nhất với quy định tại khoản 7 Điều 419 của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc gửi Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án vì trong trường hợp hòa giải viên không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ việc thì Tòa án không phải gửi Quyết định công nhận cho họ, nếu quy định như dự thảo Luật thì sẽ phát sinh thêm nghĩa vụ tổng đạt	Tiếp thu Bộ Tư pháp đã lược bỏ quy định này ra khỏi quyền của hòa giải viên để bảo đảm thống nhất với Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

			cho Tòa án so với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.	
		Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang	Đề nghị bổ sung quyết định công nhận hòa giải thành được lưu trữ đồng thời tại UBND cấp xã/tổ hòa giải (số hóa) và hòa giải viên trực tiếp tham gia vào vụ việc.	Giải trình. Việc lưu trữ Quyết định công nhận hoà giải thành được thực hiện theo quy định pháp luật về lưu trữ. Dự thảo Luật đã bổ sung nội dung xây dựng hệ thống thông tin về hoà giải ở cơ sở. Vì vậy, việc quy định này tại Điều 11 về quyền của hoà giải viên là không phù hợp.
Khoản 11		Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang	Đề nghị cân nhắc, nghiên cứu để quy định trách nhiệm, quyền này “trước tiên” phải thuộc về trưởng thôn, tổ trưởng Tổ dân phố, Tổ bảo vệ an ninh, trật tự thôn/tổ; trong trường hợp trưởng thôn/ổ trưởng dân phố, Tổ bảo vệ an ninh trật tự thôn/tổ “không đủ khả năng” bảo đảm an ninh trật tự thì các chủ thể này có trách nhiệm báo cáo lên cấp trên hỗ trợ (Trưởng thôn/Tổ trưởng dân phố báo cáo UBND cấp xã; Tổ bảo vệ an ninh, trật tự thôn/tổ báo cáo Công an cấp xã nhằm tăng cường tính tự chủ, tự quản của cộng đồng dân cư, hạn chế và giảm tải gánh nặng không cần thiết lên cấp xã. Lý do: Trong thực tiễn, một số vụ việc hòa giải có nguy cơ phát sinh xung đột, bạo lực, ảnh hưởng đến an toàn của hòa giải viên và các bên. Việc bổ sung quy định này nhằm tạo cơ sở pháp lý để kịp thời áp dụng biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự trong quá trình hòa giải.	Giải trình Quy định này nhằm bảo đảm hòa giải viên có thể chủ động trực tiếp đề nghị UBND cấp xã hoặc lực lượng Công an cấp xã hỗ trợ khi xét thấy vụ, việc hòa giải có nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn của các bên tham gia hoặc của chính hòa giải viên mà không phải thông qua tổ trưởng tổ hoà giải như trước đây (theo Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013, vấn đề này là nghĩa vụ của tổ trưởng tổ hoà giải trong việc báo cáo, đề nghị UBND cấp xã có phương án hỗ trợ bảo đảm). Đây là các cơ quan, lực lượng có chức năng, thẩm quyền và điều kiện cần thiết để tổ chức các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự theo quy định của pháp luật. Việc quy định theo hướng hòa giải viên phải thông qua trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố hoặc Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trước khi đề nghị cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ có thể làm kéo dài quy trình xử lý, giảm tính chủ động và kịp thời trong những trường hợp phát sinh nguy cơ mất an ninh, trật tự. Mặt

				khác, trách nhiệm của trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố và Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở đã được điều chỉnh trong các văn bản pháp luật có liên quan nên không cần thiết quy định lại trong Luật Hòa giải ở cơ sở.
		Sở Tư pháp các tỉnh: Cao Bằng, Điện Biên	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung lực lượng “Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở” trong việc phối hợp hỗ trợ hoạt động hòa giải ở cơ sở khi cần thiết. Vì thực tiễn hiện nay nhiều vụ việc hòa giải có tính chất phức tạp, dễ phát sinh mất an ninh, trật tự hoặc mâu thuẫn gay gắt giữa các bên. Việc bổ sung lực lượng “Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở” tham gia phối hợp hỗ trợ sẽ góp phần bảo đảm an toàn cho hòa giải viên, kịp thời hỗ trợ xử lý tình huống phát sinh và nâng cao hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở.	Giải trình Nội dung này đã được quy định tại khoản 3 Điều 15 dự thảo Luật.
		Sở Tư pháp các tỉnh, TP: Hồ Chí Minh, Tuyên Quang	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, nghiên cứu bổ sung thêm cơ chế bảo vệ hòa giải viên và sự phối hợp giữa hòa giải viên với Công an cấp xã trong các vụ, việc phức tạp hoặc có nguy cơ ảnh hưởng tới sức khỏe của hòa giải viên.	Giải trình Nội dung này đã được thể hiện tại khoản 10 Điều 11 của dự thảo Luật. Do đó, Bộ Tư pháp đề nghị giữ nguyên quy định của dự thảo Luật.
		Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Khánh Hòa	Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định rõ hơn trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc hỗ trợ nghiệp vụ, hướng dẫn pháp luật đối với vụ việc hòa giải phức tạp; tổ chức bồi dưỡng, cập nhật kiến thức pháp luật định kỳ cho hòa giải viên; bảo đảm điều kiện cần thiết để hòa giải viên thực hiện nhiệm vụ. Thực tiễn hiện nay, nhiều vụ việc hòa giải ở cơ sở liên	Giải trình Những nội dung đề xuất đã được quy định tại dự thảo Luật (Điều 11, 12 về quyền và nghĩa vụ của hoà giải viên; Điều 31 về trách nhiệm quản lý nhà nước về hoà giải ở cơ sở; Điều 32 về trách nhiệm của UBND các cấp...)

			quan đến đất đai, hôn nhân gia đình, bạo lực gia đình, tranh chấp dân sự có tính chất phức tạp, trong khi phần lớn hòa giải viên hoạt động kiêm nhiệm, trình độ pháp lý và kỹ năng hòa giải không đồng đều. Nếu chỉ mở rộng quyền của hòa giải viên nhưng chưa xác định rõ trách nhiệm hỗ trợ của cơ quan nhà nước thì sẽ khó bảo đảm tính khả thi trong quá trình tổ chức thực hiện. Đồng thời, dự thảo Luật cũng đã bổ sung nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng, tập huấn đối với hòa giải viên; do đó cần quy định tương ứng trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ nhằm bảo đảm sự đồng bộ giữa quyền, nghĩa vụ và điều kiện thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên.	
		Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị	Để tạo thuận lợi và thống nhất khi thực hiện, đề nghị xem xét bổ sung quy định hoặc có văn bản quy định chi tiết về thời gian, hình thức thực hiện việc “<i>đề nghị</i>”. Trong đó, cần quy định trường hợp khẩn cấp, có thể đề nghị trực tiếp, qua điện thoại, tin nhắn hoặc bằng các phương thức liên lạc khác, nhằm kịp thời ngăn chặn hành vi bạo lực hoặc gây mất an ninh, trật tự. Sau khi tình huống được xử lý, việc đề nghị cần được ghi nhận, bổ sung vào sổ theo dõi hoặc lập biên bản để làm căn cứ phục vụ công tác quản lý.	Giải trình Dự thảo Luật đã giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này.

	Khoản 12	Ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tại khoản 12 Điều 11 và điểm h khoản 2 Điều 32 dự thảo Luật, đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa cụm từ “ <i>môi trường mạng hoặc ứng dụng các nền tảng số trong quản lý hồ sơ hòa giải</i> ” phù hợp với Luật Chuyển đổi số 148/2025/QH15.	Tiếp thu Bộ Tư pháp đã chỉnh lý theo hướng bao quát hơn.
Điều 12. Nghĩa vụ của hòa giải viên				
		Bộ Khoa học và Công nghệ	Đề nghị bổ sung quy định cho phép Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở được lập và lưu trữ dưới dạng điện tử theo quy định của pháp luật về lưu trữ và giao dịch điện tử. Do các quy định hiện hành chưa làm rõ hình thức hồ sơ giấy và sổ điện tử, có thể gây khó khăn trong quá trình số hóa dữ liệu, tổng hợp và khai thác thông tin phục vụ công tác quản lý, thống kê.	Giải trình Nội dung này liên quan đến yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn dữ liệu, phương thức quản lý, lưu trữ và khai thác thông tin, cần có quy định linh hoạt để phù hợp với điều kiện phát triển công nghệ và khả năng triển khai của từng giai đoạn. Do đó, Bộ Tư pháp đề xuất bổ sung quy định mang tính nguyên tắc trong Luật và giao Chính phủ quy định chi tiết về việc lập, quản lý, sử dụng và lưu trữ Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở dưới dạng điện tử.
	Khoản 4	Sở Tư pháp các tỉnh, TP: Hải Phòng, Tuyên Quang; Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Trị	Quy định tại khoản 4 Điều 12 không thống nhất với khoản 11 Điều 11 quy định về quyền của hòa giải viên. Đề nghị nghiên cứu để chỉnh sửa cho thống nhất, hợp lý, khả thi.	Tiếp thu Bộ Tư pháp đã chỉnh lý dự thảo Luật để bảo đảm thống nhất, phù hợp
	Khoản 8	Sở Tư pháp Lạng Sơn; Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lạng Sơn	Đề nghị xem xét, sửa cụm từ “văn bản” thành “biên bản”	Giải trình Sử dụng cụm từ văn bản về kết quả hòa giải nhằm đảm bảo thống nhất với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 9	Bộ Quốc phòng	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý lại theo hướng: “9. Cung cấp tài liệu, thông tin liên quan làm cơ sở cho việc xét đơn yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án trong trường hợp được Tòa án nhân dân có thẩm quyền yêu cầu theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; việc cung cấp tài liệu, thông tin phải bảo đảm nguyên tắc bảo vệ bí mật thông tin theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.” để bảo đảm thống nhất với nguyên tắc giữ bí mật thông tin tại Điều 4.	Tiếp thu Bộ Tư pháp đã chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng bỏ quy định này để đảm bảo thống nhất với Bộ luật Tố tụng dân sự.
	Tòa án nhân dân tối cao	Nội dung này đã được quy định tại Điều 7 của Bộ luật Tố tụng dân sự về trách nhiệm cung cấp tài liệu, chứng cứ của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền, vì vậy đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc về sự cần thiết phải bổ sung quy định này tại dự thảo Luật.	
Khoản 10	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Khoản 10 Điều 12 và Điều 30 quy định hòa giải viên theo dõi, đôn đốc thực hiện cả “quyết định công nhận kết quả hòa giải thành của Tòa án” không thống nhất với khoản 9 Điều 419 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13: “Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án được thi hành theo pháp luật về thi hành án dân sự”. Hòa giải viên có thể vận động, hỗ trợ các bên tự nguyện thực hiện thỏa thuận; nhưng không nên quy định theo hướng hòa giải viên “đôn đốc” thi hành quyết định của Tòa án, vì dễ làm chồng chéo chức năng hòa giải ở cơ sở với cơ chế thi hành án dân sự.	

Điều 13. Thôi làm hòa giải viên				
	Khoản 1	Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang	Tại điểm c khoản 1, việc sử dụng cụm từ “không có điều kiện tiếp tục làm hoà giải viên do bị xử lý vi phạm pháp luật” rất mập mờ, khó hiểu. Đề nghị làm rõ và quy định chặt chẽ, dễ hiểu để dễ thực hiện.	Giải trình Các hành vi vi phạm pháp luật trong thực tế rất phức tạp, đa dạng. Quy định như dự thảo nhằm bảo đảm tính linh hoạt, bao quát các trường hợp hòa giải viên bị xử lý vi phạm dẫn đến không thể tiếp tục thực hiện nhiệm vụ trên thực tế.
	Khoản 2	Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang	Đề nghị bổ sung quy định khi tổ trưởng tổ hòa giải đồng thời là trưởng ban công tác Mặt trận và trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố	Tiếp thu Bộ Tư pháp đã chỉnh lý trong dự thảo Luật và giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này.
		Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung trường hợp hòa giải viên “không bảo đảm sức khỏe để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ” thì được xem xét thôi làm hòa giải viên. Vì thực tiễn cho thấy hoạt động hòa giải ở cơ sở đòi hỏi hòa giải viên phải thường xuyên tham gia gặp gỡ, trao đổi, xác minh, vận động các bên và xử lý nhiều vụ việc phát sinh tại cộng đồng dân cư. Trường hợp hòa giải viên không bảo đảm sức khỏe sẽ ảnh hưởng đến khả năng thực hiện nhiệm vụ và hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở.	Giải trình Dự thảo Luật đã quy định trường hợp hòa giải viên có nguyện vọng thôi làm hòa giải viên thì được xem xét cho thôi. Trên thực tế, trường hợp hòa giải viên không bảo đảm sức khỏe để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ hoàn toàn có thể chủ động đề nghị thôi làm hòa giải viên theo quy định này. Mặt khác, việc bổ sung căn cứ “không bảo đảm sức khỏe” có thể phát sinh khó khăn trong việc xác định, đánh giá mức độ sức khỏe và thủ tục chứng minh, trong khi hoạt động hòa giải ở cơ sở mang tính tự nguyện, tự quản và không phải là chức danh chuyên trách. Do đó, Bộ Tư pháp đề nghị giữ nguyên quy định của dự thảo Luật.
		Ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Ủy ban nhân	Để đảm bảo thống nhất trong toàn văn bản và đúng chức năng, thẩm quyền, tương tự như thủ tục công nhận hòa giải viên tại Điều 10, đề nghị nghiên cứu sửa khoản 2 Điều 13 theo hướng: Trường hợp thôi làm hòa giải viên quy định tại khoản 1 Điều này thì tổ trưởng tổ	Giải trình Việc quy định thủ tục đề nghị cho thôi làm hoà giải viên thông qua Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã để đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định cho thôi hoà giải viên sẽ làm phát sinh thêm

		dân TP. Đà Nẵng	hòa giải đề nghị Trưởng ban công tác Mặt trận chủ trì, phối hợp với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố làm văn bản gửi Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thôi làm hòa giải viên...	thủ tục, thêm thời gian. Do đó, Bộ Tư pháp giữ nguyên như quy định trước đây.
		Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang	Quy định “ <i>Trưởng ban công tác Mặt trận phối hợp với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố làm văn bản đề nghị Chủ tịch UBND cấp xã ra quyết định thôi làm hòa giải viên.</i> ” cũng chưa rõ ràng “ <i>người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị Chủ tịch UBND cấp xã</i> ” ra quyết định là Trưởng ban công tác Mặt trận hay trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố. Đề nghị quy định rõ hoặc trong Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết Điều này phải quy định rõ.	Giải trình Quy định này đã thể hiện rõ Trưởng ban công tác Mặt trận giữ vai trò chủ trì; trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố giữ vai trò chủ trì.
Điều 14. Tổ hòa giải				
		Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Hà Nội	Bổ sung quy định về quyền giám sát của người dân đối với hoạt động của tổ hòa giải vào quy định tại Mục 2 Dự thảo	Giải trình Hoạt động hòa giải ở cơ sở được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, tự quản của cộng đồng dân cư; đồng thời đã chịu sự giám sát của cộng đồng dân cư, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở và các quy định pháp luật có liên quan. Việc bổ sung một quy định riêng về quyền giám sát của người dân đối với hoạt động của tổ hòa giải trong dự thảo Luật là không cần thiết, có thể dẫn đến trùng lặp với các cơ chế giám sát đã được pháp luật hiện hành quy định.

Khoản 1	Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu quy định về cơ cấu tổ hòa giải theo hướng bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới và nghiên cứu quy định theo hướng tổ hòa giải bảo đảm có sự tham gia của cả nam và nữ, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, nhằm bảo đảm tính đại diện, bình đẳng giới và nâng cao hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở.	Giải trình Báo cáo tổng kết thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 ³ cho thấy, tính đến ngày 31/12/2025, cả nước có 85.855 tổ hòa giải được thành lập tại thôn, tổ dân phố. Đến nay, hầu hết mỗi thôn, tổ dân phố có 01 tổ hòa giải. Cả nước có 547.235 hòa giải viên, trong đó có 157.212 hòa giải viên nữ (chiếm hơn 28,7%).
	Sở Tư pháp Lạng Sơn, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lạng Sơn	Tại khoản 1, đề nghị sửa, bổ sung như sau: “1. <i>Mỗi thôn, tổ dân phố thành lập 01 tổ hòa giải. Tổ hòa giải có tổ trưởng và các hòa giải viên, trong đó có hòa giải viên nữ. Đối với vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, tổ hòa giải phải có hòa giải viên là người dân tộc thiểu số. Số lượng hòa giải viên theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này.</i> ”	Giải trình Việc quy định cứng mỗi thôn, tổ dân phố thành lập 01 tổ hòa giải là chưa phù hợp với điều kiện thực tiễn do quy mô dân cư, đặc điểm địa bàn và số lượng vụ việc cần hòa giải giữa các địa phương là khác nhau. Vì vậy, cần tiếp tục duy trì cơ chế linh hoạt, giao chính quyền địa phương quyết định số lượng tổ hòa giải, số lượng hòa giải viên trên cơ sở nhu cầu thực tế, nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở và phù hợp với chủ trương phân cấp, phân quyền hiện nay. Do đó, Bộ Tư pháp đề nghị giữ nguyên như dự thảo Luật.
	Sở Tư pháp các tỉnh: Gia Lai, Điện Biên	Tại khoản 1 quy định: “Đối với vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, tổ hòa giải phải có hòa giải viên là người dân tộc thiểu số”, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ hoặc làm rõ số lượng bao nhiêu là “có nhiều”, có nên xác định theo tỷ lệ % số đồng bào dân tộc thiểu số trên tổng số dân cư trên địa bàn nhằm tạo thuận lợi cho quá trình triển khai thực hiện.	Giải trình Luật không quy định cứng tỷ lệ % số đồng bào dân tộc thiểu số trên tổng số dân cư trên địa bàn vì việc áp dụng tiêu chí tỷ lệ có thể dẫn đến trường hợp những địa bàn có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ổn định nhưng không đạt ngưỡng tỷ lệ quy định sẽ không có hòa giải viên là người dân tộc thiểu số trong tổ hòa giải, không bảo đảm yêu cầu đại diện,

³ Báo cáo số 301/BC-BTP ngày 04/5/2026 của Bộ Tư pháp về việc tổng kết việc thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

				bình đẳng và phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng dân tộc thiểu số. Giải trình Quy định tổ hòa giải có từ 03 hòa giải viên trở lên đã được kế thừa từ Luật Hòa giải ở cơ sở. Luật không hạn chế số lượng hòa giải viên tối đa trong mỗi tổ hòa giải Quy định này bảo đảm tính linh hoạt, tạo điều kiện cho địa phương chủ động thành lập tổ hòa giải phù hợp với quy mô dân cư, đặc điểm địa bàn và nhu cầu thực tế và giao cho Chủ tịch UBND xã quyết định tại khoản 2 Điều 14. Việc nâng số lượng tối thiểu từ 03 lên 05 hòa giải viên áp dụng thống nhất trên phạm vi cả nước có thể làm giảm tính linh hoạt trong tổ chức hoạt động hòa giải ở cơ sở, đặc biệt đối với các địa bàn có quy mô dân cư nhỏ, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Do đó, Bộ Tư pháp đề nghị giữ nguyên quy định của dự thảo Luật.
		Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị; Đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh: Quảng Trị, Lâm Đồng	Tại khoản 1, đề nghị nghiên cứu sửa đổi theo hướng quy định mỗi tổ hòa giải ở cơ sở có từ 05 hòa giải viên trở lên thay cho quy định từ 03 hòa giải viên trở lên như dự thảo hiện nay để phù hợp với chủ trương sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố, quy mô địa bàn, dân số và số lượng hộ gia đình tại mỗi thôn, tổ dân phố ngày càng lớn. Đề nghị bổ sung quy định rõ về căn cứ xác định số lượng hòa giải viên theo quy mô dân cư, đặc điểm địa bàn và khối lượng công việc phát sinh. Đối với các xã có quy mô dân số lớn hoặc địa bàn rộng, cần cho phép bố trí số lượng hòa giải viên phù hợp để bảo đảm khả năng thực hiện nhiệm vụ.	
Khoản 3		Sở Tư pháp TP. Hải Phòng	Tại khoản 3, ngoài hình thức báo cáo hằng năm đề nghị bổ sung trong trường hợp đột xuất, Trưởng ban công tác Mặt trận chủ trì phối hợp với tổ trưởng tổ hòa giải tiến hành rà soát, đánh giá về tổ chức, hoạt động của tổ hòa giải và kiến nghị Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã để đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã kiến toàn tổ hòa giải. Việc bổ sung quy định này sẽ giúp nâng cao tính chủ động trong công tác kiến toàn tổ hòa giải, kịp thời xử lý các khó khăn, bất cập phát sinh từ thực tiễn.	Giải trình Dự thảo Luật đã quy định cơ chế rà soát, đánh giá định kỳ hằng năm đối với tổ chức và hoạt động của tổ hòa giải; đồng thời, khi phát sinh nhu cầu kiến toàn do thay đổi nhân sự hoặc yêu cầu thực tiễn, các cơ quan, tổ chức có liên quan vẫn có thể chủ động xem xét, đề xuất thực hiện theo thẩm quyền mà không phụ thuộc vào thời điểm rà soát định kỳ.
Điều 15. Trách nhiệm của tổ hòa giải				

		Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ	Chế định này có nhiều nội dung liên quan đến quyền của tổ hòa giải như: trao đổi kinh nghiệm, thảo luận các giải pháp để tiến hành hòa giải vụ, việc phức tạp; kiến nghị với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã về hoạt động hòa giải ở cơ sở, các điều kiện cần thiết cho hoạt động hòa giải ở cơ sở; đề nghị khen thưởng tổ hòa giải, hòa giải viên có thành tích xuất sắc trong công tác hòa giải. Do vậy, nên sửa tiêu mục của Điều này thành quyền và trách nhiệm của tổ hòa giải.	Giải trình Các nội dung nêu trên được quy định nhằm cụ thể hóa trách nhiệm của tổ hòa giải trong việc tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động hòa giải ở cơ sở và tham gia xây dựng, hoàn thiện các điều kiện bảo đảm cho công tác hòa giải. Đây chủ yếu là các nhiệm vụ gắn với chức năng, vai trò của tổ hòa giải, không phải là các quyền theo nghĩa pháp lý độc lập. Do đó, tên Điều hiện nay đã phản ánh đúng nội dung điều chỉnh và bảo đảm thống nhất với kỹ thuật xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, nên đề nghị giữ nguyên như dự thảo Luật.
		Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ	Đề nghị bổ sung nội dung: “Được bảo đảm hỗ trợ kinh phí hoạt động theo quy định” (luật hóa nội dung điểm đ khoản 17 Điều 3 Thông tư số 56/2023/TT-BTC có quy định có nội dung “Chi hỗ trợ hoạt động của tổ hòa giải (chi mua văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu, nước uống phục vụ các cuộc họp của tổ hòa giải): 150.000 đồng/tổ hòa giải/tháng”).	Giải trình Việc bảo đảm kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở đã được quy định tại Điều 6, Điều 32 dự thảo Luật theo hướng Nhà nước bảo đảm kinh phí cho hoạt động hòa giải ở cơ sở theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Do đó, việc bổ sung nội dung “được bảo đảm hỗ trợ kinh phí hoạt động theo quy định” như một quyền riêng của tổ hòa giải là không cần thiết, có thể dẫn đến trùng lặp trong dự thảo Luật. Vì vậy, Bộ Tư pháp đề nghị giữ nguyên quy định của dự thảo Luật.
		Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lâm Đồng	Đề nghị làm rõ trách nhiệm phối hợp giữa tổ hòa giải với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức hòa giải, theo dõi kết quả hòa giải và xử lý các vấn đề phát sinh tại địa phương.	Giải trình Dự thảo Luật đã quy định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong công tác hòa giải ở cơ sở, đồng thời xác định vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong việc phối hợp, hỗ trợ hoạt động hòa giải (các điều 5, 31, 32 và

				33). Trên thực tế, nội dung, hình thức phối hợp phụ thuộc vào điều kiện, đặc điểm của từng địa phương và tính chất của từng vụ, việc. Việc quy định quá cụ thể trách nhiệm phối hợp của từng chủ thể trong Luật có thể làm giảm tính linh hoạt trong tổ chức thực hiện và dẫn đến trùng lặp với các quy định về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Do đó, Bộ Tư pháp đề nghị giữ nguyên quy định của dự thảo Luật.
	Khoản 2	Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang	Đề nghị nghiên cứu để quy định nội dung này rộng hơn, bao gồm trao đổi kinh nghiệm, thảo luận để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động hòa giải nói chung, hoà giải vụ, việc phức tạp nói riêng.	Giải trình Các buổi trao đổi kinh nghiệm, thảo luận giải pháp quy định tại Khoản 2 Điều 15 được thiết kế nhằm tập trung trí tuệ tập thể để tháo gỡ các vụ, việc phức tạp, có nguy cơ gay gắt tại cộng đồng, từ đó đưa ra những phương pháp, căn cứ pháp lý chính xác để hòa giải thành công vụ, việc góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở.
Điều 16. Tổ trưởng tổ hòa giải				
		Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng	Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung chức danh “Tổ phó tổ hoà giải” vì thực tiễn hiện nay tổ hòa giải thường giải quyết nhiều vụ việc phát sinh tại địa bàn, tổ trưởng tổ hòa giải có thể vắng mặt hoặc không thể trực tiếp thực hiện nhiệm vụ. Việc bổ sung chức danh “Tổ phó tổ hòa giải” sẽ góp phần bảo đảm việc phối hợp, điều hành và giải quyết vụ việc hòa giải được kịp thời, liên tục, hiệu quả. Đồng thời, quy định này cũng phù hợp với yêu cầu thực tiễn sau sáp nhập đơn vị hành chính, khi quy	Giải trình Hoạt động hòa giải ở cơ sở được tổ chức theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, linh hoạt và không mang tính chất hoạt động của bộ máy hành chính. Dự thảo Luật quy định tổ hòa giải có tổ trưởng để điều phối hoạt động chung của tổ; trường hợp tổ trưởng vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ thì các hòa giải viên trong tổ có thể chủ động phối hợp, phân công thực hiện công việc theo tình hình thực tế. Việc bổ sung chức danh “Tổ phó tổ hòa giải” sẽ làm tăng thêm đầu mối, phát sinh cơ cấu tổ

			mô địa bàn và số lượng vụ việc tại cơ sở có xu hướng tăng lên.	chức và các quy định liên quan về lựa chọn, công nhận, thay thế chức danh, trong khi thực tiễn chưa cho thấy đây là yêu cầu phổ biến, cấp thiết trên phạm vi cả nước. Đối với những địa bàn có quy mô lớn hoặc phát sinh nhiều vụ việc, địa phương có thể chủ động kiện toàn số lượng hòa giải viên để đáp ứng yêu cầu thực tiễn mà không nhất thiết phải bổ sung thêm chức danh trong tổ hòa giải.
Khoản 2	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Ngãi		Tại điểm c khoản 2, đề nghị bỏ cụm từ “phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và” vì cụm từ này nói về hình thức thực hiện; đồng thời, điều chỉnh biên tập như sau: “b) Biểu quyết trực tuyến phù hợp khi được các hoà giải viên thống nhất lựa chọn”.	Giải trình Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hòa giải ở cơ sở được nhà nước khuyến khích thực hiện và cần có sự tự nguyện của người tham gia. Việc người dân thống nhất lựa chọn là điều kiện cần nhưng chưa đủ để bảo đảm tính khả thi của hình thức biểu quyết trực tuyến. Trên thực tế, mức độ ứng dụng công nghệ thông tin giữa các địa bàn còn khác nhau; điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, thiết bị, khả năng tiếp cận công nghệ của người dân và năng lực tổ chức thực hiện của chính quyền cơ sở có sự chênh lệch nhất định. Do đó, việc giữ cụm từ “phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin” là cần thiết nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc lựa chọn hình thức biểu quyết phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả và không làm ảnh hưởng đến quyền tham gia của người dân (tham khảo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở).
	Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau		Đề nghị bổ sung thêm quy định về cho thôi tổ trưởng tổ hòa giải thẩm quyền; trình tự thực hiện.	Giải trình Theo dự thảo Luật, tổ trưởng tổ hòa giải được lựa chọn trong số các hòa giải viên của tổ hòa

				giải. Do đó, khi tổ trưởng tổ hòa giải không tiếp tục thực hiện nhiệm vụ hoặc không còn là hòa giải viên thì tổ hòa giải thực hiện việc bầu tổ trưởng mới theo quy định. Trường hợp tổ trưởng vẫn là hòa giải viên nhưng không đảm nhiệm vai trò tổ trưởng thì việc thay đổi tổ trưởng thuộc phạm vi tự quản, tự quyết của tổ hòa giải. Việc quy định riêng về cho thôi tổ trưởng tổ hòa giải cùng với thẩm quyền, trình tự thực hiện là không cần thiết, có thể làm phát sinh thêm thủ tục hành chính và chưa phù hợp với tính chất tự quản, linh hoạt của tổ hòa giải ở cơ sở. Do đó, Bộ Tư pháp đề nghị giữ nguyên quy định của dự thảo Luật.
Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của tổ trưởng tổ hòa giải				
		Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang	Đề nghị bổ sung quyền của tổ trưởng tổ hòa giải có quyền “Đôn đốc quyết định công nhận hòa giải thành”	Giải trình Theo quy định của dự thảo Luật, việc yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở được thực hiện trên cơ sở quyền tự quyết của các bên và theo trình tự, thủ tục do pháp luật tổ tụng dân sự quy định. Tổ trưởng tổ hòa giải không phải là chủ thể tham gia hoặc có quyền, nghĩa vụ trong quá trình Tòa án xem xét công nhận kết quả hòa giải thành. Việc bổ sung quyền “đôn đốc quyết định công nhận hòa giải thành” không phù hợp với trách nhiệm của tổ trưởng tổ hòa giải, đồng thời có thể dẫn đến cách hiểu chưa phù hợp về vai trò của tổ hòa giải trong hoạt động tố tụng của Tòa án.
	Mục 3 NGƯỜI ĐƯỢC MỜI THAM GIA HOÀ GIẢI Ở CƠ SỞ			

Điều 18. Người được mời tham gia hòa giải				
	Khoản 1	Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Đà Nẵng	Đề nghị bổ sung tại cụm từ “trưởng bản” vào sau cụm từ “già làng” và viết lại theo hướng: “Những người có thể được mời tham gia hoà giải ở cơ sở bao gồm người có uy tín trong dòng họ, ở nơi sinh sống, nơi làm việc; người có trình độ pháp lý, có kiến thức chuyên ngành trong các lĩnh vực, có kiến thức xã hội; già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo, người biết rõ vụ, việc; đại diện của cơ quan, tổ chức hoặc người có uy tín khác.	Giải trình Dự thảo Luật đã quy định những người có thể được mời tham gia hoà giải ở cơ sở bao gồm “người có uy tín khác” đã khái quát đầy đủ và mở rộng các thành phần người mời tham gia hòa giải ở cơ sở tùy theo tình hình thực tế từng địa phương.
	Khoản 2	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lâm Đồng; Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh	Đề nghị quy định cụ thể về tiêu chuẩn, điều kiện và phạm vi tham gia của người được mời tham gia hòa giải; làm rõ trách nhiệm phối hợp với hòa giải viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Đối với các vụ việc phức tạp hoặc có tính chất nhạy cảm, đề nghị nghiên cứu quy định nguyên tắc lựa chọn người được mời tham gia hòa giải để bảo đảm tính khách quan và thống nhất trong quá trình thực hiện.	Giải trình Điều 18 đã quy định đối tượng, hình thức tham gia của người được mời tham gia hòa giải. Đồng thời, hòa giải ở cơ sở là hoạt động mang tính xã hội, tự nguyện và linh hoạt; người được mời tham gia hòa giải có thể là người có uy tín, kinh nghiệm thực tiễn, kiến thức pháp luật hoặc chuyên môn phù hợp với từng vụ việc. Do đó, việc quy định cứng về tiêu chuẩn, điều kiện hoặc nguyên tắc lựa chọn trong Luật có thể làm hạn chế khả năng huy động các nguồn lực xã hội tham gia hỗ trợ hòa giải, đồng thời chưa phù hợp với đặc thù đa dạng của các vụ việc phát sinh trong thực tiễn.
		Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang	Quy định tại điểm a khoản 2 và điểm b khoản 1 Điều 19 của dự thảo Luật chưa thống nhất, đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa.	Giải trình Hai quy định này điều chỉnh các nội dung khác nhau, một bên là hình thức tham gia của người được mời tham gia hòa giải, một bên là quyền của người được mời và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan nhằm bảo đảm điều kiện để họ thực hiện vai trò hỗ trợ hòa

				giải. Do đó, Bộ Tư pháp đề nghị giữ nguyên quy định của dự thảo Luật.
	Khoản 3	Đoàn đại biểu quốc hội tỉnh Ninh Bình	Tại khoản 3, để đảm bảo tính khả thi quy định trong thực tế và tôn trọng đối với công việc chính của người được mời tham gia hòa giải, đề nghị bổ sung thêm nội dung, cụ thể như sau: <i>“Cơ quan, tổ chức có người được mời tham gia hòa giải có trách nhiệm tạo điều kiện để họ tham gia hòa giải trong phạm vi điều kiện công tác và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ chính.”</i>	Giải trình Dự thảo Luật đã quy định cơ quan, tổ chức có người được mời tham gia hòa giải có trách nhiệm tạo điều kiện để họ tham gia hòa giải. Quy định này đã bao hàm yêu cầu cơ quan, tổ chức chủ động xem xét, bố trí phù hợp với điều kiện thực tế và nhiệm vụ chuyên môn của người được mời. Việc bổ sung nội dung “trong phạm vi điều kiện công tác” hoặc “không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ chính” là không cần thiết do đây là nguyên tắc quản lý, sử dụng thời gian làm việc và phân công nhiệm vụ của mỗi cơ quan, tổ chức. Đồng thời, quy định này có thể dẫn đến cách hiểu hạn chế trách nhiệm tạo điều kiện của cơ quan, tổ chức đối với việc tham gia hòa giải của người được mời.
		Đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh: Bắc Ninh, Lạng Sơn	Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung thêm khoản 4 quy định bảo vệ quyền lợi của người được mời tham gia, theo hướng như sau: <i>“4. Người được mời tham gia hòa giải ở cơ sở có quyền từ chối tham gia hòa giải nếu nhận thấy vụ việc không phù hợp với năng lực, điều kiện thực tế của bản thân hoặc vì lý do chính đáng khác”.</i>	Giải trình Theo dự thảo Luật, việc tham gia hòa giải của người được mời được thực hiện trên cơ sở đề nghị của hòa giải viên và sự đồng ý của chính người được mời. Do đó, ngay từ khi nhận được đề nghị, người được mời đã có quyền cân nhắc năng lực, điều kiện thực tế và các yếu tố liên quan để quyết định tham gia hoặc không tham gia hòa giải. Việc bổ sung thêm quyền từ chối tham gia hòa giải trong các trường hợp nêu trên là không cần thiết vì đã được bảo đảm bởi bản chất tự nguyện của cơ chế mời tham gia hòa giải. Đồng thời, quy

				định mang tính khái quát như “lý do chính đáng khác” có thể dẫn đến cách hiểu và áp dụng không thống nhất trong thực tiễn.
Điều 19. Quyền của người được mời tham gia hòa giải				
		Bộ Công an	Đề nghị quy định cụ thể hơn về quyền, nghĩa vụ và vai trò của người được mời nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở, phát huy vai trò của hòa giải ở cơ sở trong giải quyết mâu thuẫn từ sớm, từ xa, góp phần đoàn kết cộng đồng, ổn định xã hội và giảm áp lực cho cơ quan tư pháp.	Giải trình Điều 19 dự thảo Luật đã quy định quyền, nghĩa vụ và vai trò của người được mời tham gia hoà giải ở cơ sở.
		Bộ Tài chính	Luật Hòa giải cơ sở hiện hành chỉ quy định chế độ thù lao và các chính sách của Nhà nước cho hòa giải viên; không quy định chế độ thù lao và các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với người được mời tham gia hòa giải cơ sở. Việc bổ sung quy định các chế độ, chính sách mới cho đối tượng này tại dự thảo Luật sẽ tạo áp lực lên ngân sách địa phương; vì vậy đề nghị nghiên cứu, đánh giá kỹ về từng nội dung, phạm vi chính sách hỗ trợ để khả thi và phù hợp với cân đối của ngân sách địa phương. Trên cơ sở đó, rà soát nội dung dự thảo để bảo đảm thực hiện đúng tinh thần Kết luật số 226/KL-TW ngày 11/12/2025, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018, Kết luận số 83-KL/TW của Bộ Chính trị (không đưa nội dung về công tác cán bộ, chế độ, chính sách vào văn bản quy định về	Giải trình Việc bổ sung quyền được <i>hỗ trợ tài liệu; được khen thưởng, được hưởng thù lao theo vụ, việc khi thực hiện hoà giải; được hỗ trợ, tạo điều kiện để khắc phục hậu quả nếu gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng</i> đối với đối tượng này nhằm ghi nhận sự tham gia, đóng góp thực tế vào hoạt động hòa giải ở cơ sở, đồng thời khuyến khích huy động nguồn lực xã hội tham gia giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp trong cộng đồng dân cư. Các nội dung này được quy định theo nguyên tắc phù hợp với tính chất, phạm vi tham gia của người được mời tham gia hòa giải, không làm phát sinh chế độ, chính sách thường xuyên hoặc hình thành đội ngũ cán bộ mới. Mức hỗ trợ và điều kiện thực hiện sẽ được quy định chi tiết trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách và điều kiện thực tế của địa phương, bảo đảm tính khả thi khi tổ chức thực hiện. Việc quy định các quyền đối với người

			<i>chuyên môn, nghiệp vụ).</i>	được mời tham gia hòa giải là nội dung gắn trực tiếp với tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở, không phải là quy định về công tác cán bộ. Đồng thời, nội dung này đã được cơ quan soạn thảo nghiên cứu, đánh giá tác động trong quá trình xây dựng dự án Luật và bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng về đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế ở cơ sở.
	Khoản 2	Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An	Đề nghị nghiên cứu bổ sung cơ chế phối hợp thường xuyên giữa tổ hòa giải, hòa giải viên với đội ngũ luật sư, trợ giúp viên pháp lý, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người có uy tín trong cộng đồng và các chuyên gia thuộc các lĩnh vực có liên quan. Theo đó, có thể nghiên cứu thiết kế cơ chế theo hướng hòa giải viên giữ vai trò trung tâm trong quá trình hòa giải, đồng thời được tiếp cận, tham khảo ý kiến hoặc nhận hỗ trợ chuyên môn từ các chủ thể có chuyên môn pháp lý và chuyên môn ngành, lĩnh vực liên quan khi cần thiết nhằm góp phần nâng cao chất lượng tư vấn, hướng dẫn pháp luật, tăng tính thuyết phục của kết quả hòa giải và hỗ trợ giải quyết kịp thời các mâu thuẫn, tranh chấp ngay từ cơ sở.	Giải trình Điều 18 dự thảo Luật đã có quy định hòa giải viên mời cá nhân có kiến thức pháp luật, hiểu biết về lĩnh vực có liên quan, người có uy tín trong cộng đồng tham gia, hỗ trợ quá trình hòa giải khi cần thiết. Việc thiết lập một cơ chế phối hợp thường xuyên, mang tính bắt buộc trong Luật có thể làm giảm tính linh hoạt, đơn giản của hoạt động hòa giải ở cơ sở, đồng thời phát sinh yêu cầu về tổ chức, nhân lực và nguồn lực bảo đảm thực hiện. Mặt khác, các lực lượng như luật sư, trợ giúp viên pháp lý, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật hiện đã được điều chỉnh bởi các quy định pháp luật chuyên ngành. Việc huy động sự tham gia, hỗ trợ của các chủ thể này nên được thực hiện linh hoạt theo nhu cầu thực tế của từng vụ việc và điều kiện của từng địa phương thay vì quy định thành cơ chế bắt buộc trong Luật. Khoản 2 Điều 18 đã quy định về việc người được mời trực tiếp tham gia vụ, việc thì hoà giải viên mời khi có sự đồng ý của các bên hoặc một trong các bên mời khi được sự đồng ý của bên kia. Người được mời có trách nhiệm
		Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang	Theo quy định tại dự thảo thì người được mời tham gia hoà giải tồn tại “song hành với hoà giải viên mời”, như là “cộng tác viên hoà giải”. Vì vậy đề nghị nghiên cứu đề quy định	

			rõ người được mời tham gia hoà giải thực hiện đối với từng vụ, việc hòa giải; đồng thời bổ sung quyền của người được mời tham gia hoà giải được Nhà nước, pháp luật bảo vệ danh dự, nhân phẩm... tương tự như đối với hoà giải viên.	giúp đỡ hoà giải viên và không thay thế tư cách chủ trì của hoà giải viên trong quá trình hòa giải vụ, việc. Việc hỗ trợ, tạo điều kiện để khắc phục hậu quả nếu gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hoà giải thì “Sức khỏe” ở đây đã bao gồm sức khỏe thể chất và sức khỏe tinh thần. Chính phủ quy định chi tiết điều này. Hơn nữa, mọi người (trong đó có cả người được mời tham gia hòa giải ở cơ sở) được Nhà nước và pháp luật bảo vệ danh dự, nhân phẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: “1. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm.”
	Khoản 2	Đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh: Bắc Ninh, Lạng Sơn	Đề nghị bổ sung cụ thể tại điểm c khoản 2 theo hướng như sau: “<i>c) Được hỗ trợ, tạo điều kiện để khắc phục hậu quả nếu gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải</i>”; nhằm bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 11 của dự thảo.	Tiếp thu. Bộ Tư pháp đã tiếp thu, chỉnh lý tại điểm c khoản 2 Điều 19 dự thảo Luật.
Điều 20. Nghĩa vụ của người được mời tham gia hòa giải				

		Văn phòng Quốc hội Bộ Quốc phòng; Bộ Văn hóa, Thể thao và du lịch; Đoàn đại biểu quốc hội các tỉnh, TP: Hải Phòng, Nghệ An, Lâm Đồng, Thanh Hóa; Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung nghĩa vụ: “ <i>Giữ bí mật thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, bí mật kinh doanh của các bên, bí mật nhà nước và thông tin khác được pháp luật bảo vệ mà mình biết được trong quá trình tham gia hòa giải, trừ trường hợp luật có quy định khác</i> ”, “ <i>Không sử dụng thông tin, tài liệu biết được trong quá trình tham gia hòa giải vào mục đích khác; không áp đặt, gây sức ép hoặc làm ảnh hưởng đến quyền tự nguyện thỏa thuận của các bên</i> ” để làm rõ trách nhiệm pháp lý của người được mời tham gia hòa giải. để bảo đảm thống nhất với nguyên tắc giữ bí mật thông tin tại Điều 4 dự thảo Luật; Điều 21 Hiến pháp năm 2013.	Giải trình Khoản 1 Điều 20 dự thảo Luật đã quy định người được mời tham gia hoà giải ở cơ sở có nghĩa vụ tuân thủ các nguyên tắc hoạt động hòa giải ở cơ sở (một trong những nguyên tắc là bảo mật thông tin về cá nhân, gia đình, bí mật kinh doanh của các bên). Do đó, quy định này hoàn toàn phù hợp với Điều 21 Hiến pháp và thống nhất với khoản 3 Điều 4 của dự thảo Luật.
		Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thanh Hóa	Đề nghị bổ sung cơ chế xử lý đối với trường hợp được mời tham gia hòa giải nhưng không thực hiện đúng trách nhiệm theo quy định nhằm bảo đảm tính thống nhất trong tổ chức thực hiện.	Giải trình Trong trường hợp người được mời không thực hiện đúng trách nhiệm gây ra các hành vi vi phạm pháp luật dân sự, hành chính, hoặc hình sự sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật dân sự, hành chính hoặc hình sự, tùy vào loại hành vi.
		Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Ninh Bình	Đề nghị quy định cụ thể hơn về nội dung này; có thể quy định theo hướng “tuân thủ nguyên tắc hoạt động hòa giải ở cơ sở tại các khoản... tại Điều 4 của Luật này”. Quy định như vậy sẽ đảm bảo rõ ràng và thống nhất với quy định tại khoản 2 Điều 12 của dự thảo Luật.	Tiếp thu. Bộ Tư pháp đã chỉnh lý trong dự thảo Luật.
	CHƯƠNG III			
	HOẠT ĐỘNG HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ			
	Điều 21. Căn cứ tiến hành hòa giải			

		Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên	Đề nghị sửa đổi như sau: “1. <i>Một bên hoặc các bên yêu cầu hòa giải; trường hợp một bên yêu cầu hòa giải thì một bên hoặc các bên còn lại không từ chối hòa giải</i>” để bảo đảm tính khả thi trong quá trình tổ chức thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở; bảo đảm sự tự nguyện tham gia của các bên theo nguyên tắc hòa giải quy định tại Điều 4 dự thảo Luật. Đồng thời, quy định cụ thể như trên sẽ giúp hòa giải viên, tổ hòa giải xác định rõ điều kiện để tiến hành hòa giải; tránh trường hợp tổ chức hòa giải nhưng một bên không hợp tác hoặc từ chối tham gia, gây khó khăn trong quá trình thực hiện.	Tiếp thu. Bộ Tư pháp đã chỉnh lý quy định về căn cứ tiến hành hoà giải bảo đảm chặt chẽ, phù hợp theo hướng xác định vụ, việc hoà giải ở cơ sở được hoà giải viên tiến hành hoà giải khi vụ, việc thuộc phạm vi hoà giải ở cơ sở và sự đồng ý của các bên và thuộc một trong các căn cứ theo quy định gồm: (i) Một bên hoặc các bên yêu cầu hoà giải; (ii) Hoà giải viên chủ động đề xuất khi chứng kiến hoặc biết vụ, việc; (iii) Theo phân công của tổ trưởng tổ hoà giải hoặc theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.
		Ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Việc dự thảo tách độc lập các căn cứ như hòa giải viên tự biết vụ việc hoặc theo phân công của tổ trưởng tổ hoà giải vô hình trung cho phép Tổ hòa giải tự động can thiệp vào mâu thuẫn ngay cả khi các bên đương sự chưa sẵn sàng hoặc không đồng ý. Quy định như dự thảo dễ dẫn đến sự áp đặt mang tính hành chính, xâm phạm quyền quyết và làm giảm hiệu quả thuyết phục. Đề nghị nghiên cứu sửa khoản 2 Điều 21 lại như sau: “2. <i>Các bên có tranh chấp, mâu thuẫn đồng ý hòa giải theo đề nghị của hòa giải viên trong trường hợp hòa giải viên trực tiếp biết, chứng kiến vụ việc hoặc trên cơ sở đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan</i>”.	

		Ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Đề nghị nghiên cứu, bổ sung theo hướng: “<i>Ký tên, điểm chỉ hoặc xác nhận bằng phương thức điện tử theo quy định của pháp luật trong văn bản về kết quả hòa giải</i>”; đồng thời rà soát, chỉnh lý các quy định có liên quan đến hòa giải trực tuyến cho phù hợp.	Tiếp thu một phần Bộ Tư pháp đã bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 28 dự thảo Luật về “<i>Kết quả hoà giải được thể hiện dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử được coi là bằng văn bản</i>”. Do đó, để bảo đảm tính thống nhất với các quy định pháp luật về giao dịch điện tử, Luật Hòa giải ở cơ sở không quy định cụ thể phương thức ký điện tử. Những vấn đề cụ thể, chi tiết sẽ được quy định tại Nghị định của Chính phủ.
Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong hòa giải				
Khoản 1		Sở Tư pháp các tỉnh: Sơn La, Cao Bằng, Tuyên Quang	Điểm b khoản 1, đề nghị chỉnh sửa thành: “<i>Đồng ý hoặc từ chối hòa giải; yêu cầu tạm dừng hoặc chấm dứt hòa giải; đề nghị thay đổi hòa giải viên khi có căn cứ cho rằng hòa giải viên không khách quan, công bằng</i>” để bảo đảm đầy đủ quyền của các bên. Điều 22 chưa quy định các bên trong hòa giải có quyền đề nghị thay đổi hòa giải viên khi có căn cứ cho rằng hòa giải viên thuộc trường hợp phải từ chối tiến hành hòa giải. Ngoài ra, dự thảo chưa quy định về trình tự, thủ tục xử lý trường hợp hòa giải viên thuộc diện phải từ chối tiến hành hòa giải, dẫn đến thiếu cơ sở áp dụng thống nhất trong thực tiễn. Đề nghị nghiên cứu bổ sung để bảo đảm tính chặt chẽ, thống nhất và khả thi của dự thảo Luật.	Tiếp thu. Bộ Tư pháp đã bổ sung quyền của các bên trong việc đề nghị thay đổi hoà giải viên. Khoản 3 Điều 12 dự thảo Luật cũng quy định nghĩa vụ của hòa giải viên “<i>Từ chối tiến hành hòa giải nếu bản thân có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ, việc hòa giải hoặc vì lý do khác dẫn đến không thể bảo đảm khách quan, công bằng trong hòa giải</i>”. Tại quy định tại quyền và nghĩa vụ của hoà giải viên sẽ không quy định lại các nội dung này nữa nhằm tránh trùng lặp.
		Sở Tư pháp các tỉnh: Lào Cai, Tuyên Quang	Đề nghị bổ sung điểm h vào khoản 1 như sau: “<i>Được có người đại diện, người hỗ trợ phù hợp tham gia hòa giải theo quy định của pháp luật trong trường hợp là người chưa thành</i>	Giải trình. Người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi phải có người đại diện

			niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người khuyết tật.” nhằm bảo đảm quyền tham gia hòa giải và hỗ trợ cho các đối tượng yếu thế, giúp họ thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ trong quá trình hòa giải, phù hợp với quy định của pháp luật dân sự, pháp luật về trẻ em và người khuyết tật .	theo quy định của Bộ luật Dân sự. Việc quy định lại trong Luật Hòa giải ở cơ sở là không cần thiết. Đối với người khuyết tật, nếu họ vẫn có năng lực hành vi dân sự đầy đủ thì chỉ cần người phiên dịch (nếu khuyết tật nghe, nói, nhìn) để truyền tải thông điệp của họ (được quy định tại Điều 4, Điều 25)
Điểm khoản 1	đ	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Vĩnh Long	Quy định tại điểm đ khoản 1 là cần thiết, tuy nhiên, còn khái quát, chưa làm rõ đầy đủ cơ chế tổ chức thực hiện nên có thể phát sinh khó khăn trong thực tiễn áp dụng. Đề nghị làm rõ cơ chế phối hợp, trách nhiệm cụ thể của các cơ quan, tổ chức có liên quan; đồng thời, chưa quy định về điều kiện hỗ trợ, nguồn kinh phí và trình tự thực hiện trong từng trường hợp phát sinh trên thực tế. Bên cạnh đó, cụm từ “không tự bố trí được phiên dịch cho mình” hiện còn mang tính định tính, chưa có tiêu chí xác định cụ thể, có thể phát sinh nhiều cách hiểu khác nhau; có thể dẫn đến áp dụng thiếu thống nhất giữa các địa phương, thậm chí phát sinh tình trạng né tránh trách nhiệm hỗ trợ hoặc khó khăn trong bố trí kinh phí thực hiện.	- Tiếp thu một phần. Đối với nội dung về cơ chế bảo đảm kinh phí thuê phiên dịch, Bộ Tư pháp đã tiếp thu và chỉnh lý tại Điều 6 fụ thảo Luật để bảo đảm tính khả thi. - Giải trình đối với đề nghị làm rõ đầy đủ cơ chế tổ chức thực hiện: Theo quy định tại Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới thì về cơ bản các luật chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, bộ, ngành, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với thực tiễn. Do đó, việc quy định cụ thể cơ chế tổ chức thực hiện phiên dịch cho các bên là đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật sẽ được quy định tại các văn bản hướng dẫn thi hành.
		Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang	Điểm b và c khoản 2 quy định nghĩa vụ của các bên trong hoà giải đề nghị nghiên cứu bổ sung nghĩa vụ của các bên không xúc phạm	Giải trình Quyền được bảo vệ về danh dự, nhân phẩm là quyền được quy định tại Hiến pháp và Bộ luật

			danh dự, nhân phẩm của hoà giải viên, người được mời tham gia hoà giải, các bên (còn lại) trong hòa giải để bảo đảm chặt chẽ.	dân sự. Khi tham gia quan hệ hòa giải ở cơ sở, tất cả các chủ thể đương nhiên chịu sự điều chỉnh và được bảo vệ bởi các quy định này.
Điều 23. Phân công hòa giải viên				
		Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Hải Phòng	Khoản 1 quy định thời hạn 02 ngày để phân công hòa giải viên. Tuy nhiên, đối với vùng sâu vùng xa, địa bàn khó khăn và một số trường hợp nhiều bên liên quan có thể khó bảo đảm thời hạn này. Đề nghị bổ sung quy định trường hợp được tiến hành gia hạn đối với những vụ việc phức tạp, có nhiều bên hoặc tranh chấp liên địa bàn.	Giải trình Quy định thời hạn 02 ngày để phân công hòa giải viên nhằm bảo đảm tính kịp thời trong việc tổ chức hòa giải ở cơ sở, đáp ứng yêu cầu giải quyết nhanh chóng mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh trong cộng đồng dân cư, hạn chế kéo dài, phát sinh phức tạp và chỉ quy định thời hạn phân công này trong trường hợp các bên không lựa chọn hoà giải viên.
		Ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Đề nghị nghiên cứu lược bỏ khoản 2 Điều 23 để tránh trùng lặp do nội dung này đã quy định tại Điều 20.	Giải trình. Điều 20 dự thảo Luật quy định về nghĩa vụ của người được mời phải thực hiện khi tham gia vào hoạt động hòa giải ở cơ sở. Còn khoản 2 Điều 23 quy định về trường hợp không phân công hòa giải viên. Hai nội dung này hoàn toàn khác nhau, không trùng lặp
		Sở Tư pháp các tỉnh: Điện Biên, Sơn La	Đề nghị bổ sung tại khoản 3 thêm trường hợp phân công hòa giải viên khác thực hiện việc hòa giải khi thuộc trường hợp tại khoản 1 Điều 13 của Luật này để bảo đảm tính khả thi do thực tế có trường hợp hòa giải viên được phân công không vi phạm nguyên tắc hòa giải hoặc nghĩa vụ khác của hòa giải viên nhưng thuộc trường hợp thôi làm hòa giải viên (có nguyện vọng hoặc chuyển nơi cư trú,...).	Tiếp thu. Bộ Tư pháp đã sửa quy định này như sau “Trong quá trình hoà giải, tổ trưởng tổ hoà giải phân công hoà giải viên khác thực hiện việc hoà giải khi thuộc một trong các trường hợp thôi làm hòa giải viên tại khoản 1 Điều 13 của Luật này”.
Điều 24. Địa điểm, thời gian hòa giải				
		Sở Tư pháp các tỉnh: Thái	Đề nghị bổ sung nội dung cụ thể như sau: “1. Địa điểm hòa giải là nơi xảy ra vụ, việc hoặc	Giải trình.

	Nguyễn, Sơn La	<i>nơi do các bên hoặc hòa giải viên lựa chọn, bảo đảm thuận lợi cho các bên và phù hợp với hình thức hòa giải. Ưu tiên lựa chọn địa điểm bảo đảm an toàn, thuận tiện cho trẻ em, phụ nữ, người khuyết tật và người cao tuổi.”</i> . Việc bổ sung quy định trên sẽ góp phần bảo đảm quyền tiếp cận bình đẳng trong hoạt động hòa giải ở cơ sở; phù hợp với nguyên tắc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người yếu thế được quy định tại khoản 2 Điều 4 dự thảo Luật.	Nguyên tắc quan trọng của hòa giải ở cơ sở là “Tôn trọng sự tự nguyện của các bên”. Do đó, dự thảo Luật đã quy định địa điểm hòa giải “ <i>nơi do các bên hoặc hòa giải viên lựa chọn, bảo đảm thuận lợi cho các bên</i> ”. Quy định này đã bảo đảm tính bao quát và thuận lợi cho các bên, có tính đến yếu tố trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi.
	Sở Tư pháp các tỉnh: Ninh Bình, Phú Thọ, Hưng Yên, Thanh Hóa; Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Hải Phòng	Khoản 2 quy định: “ <i>Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày được phân công, hòa giải viên bắt đầu tiến hành hòa giải</i> ”. Thực tiễn cho thấy nhiều vụ, việc phức tạp cần thời gian chuẩn bị dài hơn. Đề nghị bổ sung quy định về gia hạn thời gian bắt đầu hòa giải trong trường hợp vụ, việc phức tạp hoặc các bên cần thời gian chuẩn bị tài liệu, chứng cứ, tránh tình trạng hòa giải viên tiến hành hòa giải mang tính hình thức chỉ để đáp ứng yêu cầu về thời hạn.	Giải trình Việc quy định thời hạn “03 ngày bắt đầu tiến hành hòa giải” nhằm bảo đảm tính kịp thời. Việc “bắt đầu” tức là bắt đầu triển khai việc hòa giải, bắt đầu chuẩn bị (như gặp gỡ các bên, tìm hiểu mâu thuẫn...). Cần lưu ý là khoản này cũng quy định: “ <i>trừ trường hợp cần thiết phải hòa giải ngay khi biết, chứng kiến vụ, việc hoặc các bên có thỏa thuận khác về thời gian hòa giải</i> ”.
Điều 25. Tiến hành hòa giải			
	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thái Nguyên	Tại khoản 1 quy định “ <i>Hòa giải được tiến hành trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến và trực tuyến với sự có mặt các bên. Trong trường hợp một trong các bên có người khuyết tật thì có sự hỗ trợ phù hợp để có thể tham gia hòa giải</i> ”. Tuy nhiên, thực tế hoạt động hòa giải ở cơ sở cho thấy cần có sự tiếp xúc trực tiếp để nắm bắt tâm lý các bên nhằm hòa giải mâu thuẫn, không để mâu thuẫn kéo dài nên đề nghị xem xét, điều chỉnh như sau	Giải trình Luật Hòa giải ở cơ sở không quy định quy trình tự, thủ tục tiến hành hòa giải mà hòa giải viên hoàn toàn chủ động việc hòa giải. Khoản 8 Điều 4 quy định nguyên tắc: “ <i>Phương thức hòa giải được tiến hành linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế và đặc điểm của từng vụ, việc hòa giải</i> ”. Do đó, Luật không quy định quy trình hòa giải ở cơ sở bắt buộc. Các hòa giải viên chủ động, linh hoạt

			“Hòa giải được tiến hành trực tiếp, trong trường hợp đặc biệt có thể hòa giải bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến với sự có mặt các bên...” và giao tổ trưởng tổ hòa giải quyết định hình thức hòa giải.	tiến hành hòa giải phù hợp với đặc điểm các bên, tình hình thực tế và diễn biến của vụ việc.
		Bộ Quốc phòng; Đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh, TP: Hà Nội, Lâm Đồng, Vĩnh Long, Bắc Ninh, Lạng Sơn, Sơn La; Sở Tư pháp các tỉnh, TP: Đồng Nai, Lào Cai, Điện Biên, Cà Mau, An Giang, Phú Thọ, Hưng Yên, Thanh Hóa, Quảng Ninh, Tuyên Quang, Tây Ninh, Lai Châu, Sơn La	Đề nghị bổ sung vào Điều 25 như sau: <i>“Chính phủ quy định trình tự, thủ tục hòa giải trực tuyến; xác thực danh tính điện tử; lưu trữ dữ liệu; giá trị pháp lý của văn bản hòa giải điện tử; bảo đảm an toàn thông tin trong quá trình thực hiện.”</i> Lý do bổ sung: Dự thảo Luật đã ghi nhận hình thức hòa giải trực tuyến nhưng chưa quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, xác thực chủ thể, lưu trữ dữ liệu và giá trị pháp lý của văn bản điện tử. Việc bổ sung nội dung này nhằm bảo đảm cơ sở pháp lý đầy đủ cho hoạt động hòa giải trực tuyến, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và thực tiễn áp dụng Trường hợp giao Chính phủ quy định chi tiết thì cần xác định rõ những nội dung mang tính nguyên tắc cần được quy định ngay trong Luật.	Giải trình Những nội dung này thuộc thẩm quyền hướng dẫn của Chính phủ. Đối với những nội dung mang tính nghiệp vụ về triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác hòa giải ở cơ sở Bộ Tư pháp hướng dẫn nghiệp vụ trong quá trình triển khai Luật.
		Đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh: Bắc Ninh, Lạng Sơn	Đề nghị bổ sung thêm nội dung quy định tại Điều 25 như sau: <i>“Nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hòa giải thực hiện hành vi ghi âm, ghi hình, phát tán thông tin, nội dung phiên hòa giải dưới mọi hình thức</i>	

			<i>khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản điện tử của tất cả các bên tham gia.”</i>	
		Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang	Đề nghị dự thảo Luật nên quy định việc chỉ áp dụng trực tuyến với vụ việc đơn giản; không áp dụng với vụ việc nhạy cảm liên quan: bạo lực gia đình; trẻ em; tranh chấp nhân thân để đảm bảo không bị lộ lọt thông tin về đời tư của các bên tham gia vụ việc hòa giải.	Giải trình Việc quyết định hình thức hòa giải (trực tiếp, trực tuyến) do các bên lựa chọn để phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của các bên. Luật không quy định áp đặt phải sử dụng hình thức hòa giải để đáp ứng bản chất của hòa giải ở cơ sở.
		Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Khánh Hòa	Dự thảo Luật quy định: “Hòa giải được tiến hành trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến với sự có mặt các bên. Trong trường hợp một trong các bên có người khuyết tật thì có sự hỗ trợ phù hợp để có thể tham gia hòa giải.” Dự thảo bổ sung hình thức hoà giải trực tuyến là phù hợp với chuyển đổi số. Tuy nhiên, về thực tiễn thực hiện thì hình thức “hoà giải trực tuyến” sẽ đòi hỏi yêu cầu cần phải bảo đảm về cơ sở hạ tầng, điều kiện về công nghệ thông tin để phục vụ hoạt động hòa giải ở cơ sở mới có thể thực hiện được hình thức này. Do đó, dự thảo Luật cần quy định nguồn lực đảm bảo để việc thực hiện quy định của pháp luật vào thực tiễn cuộc sống đạt hiệu quả.	Giải trình. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác hoà giải ở cơ sở được xác định là phương thức để địa phương, hoà giải viên và người dân chủ động lựa chọn (không bắt buộc) triển khai bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn. Tại dự thảo Luật cũng đã giải trách nhiệm của UBND các cấp trong việc bảo đảm kinh phí cho công tác hoà giải ở cơ sở trên địa bàn, trong đó có cả nguồn lực để bảo đảm việc hoà giải được thực hiện trực tuyến căn cứ điều kiện thực tế của địa phương.
		Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thanh Hóa	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục đánh giá kỹ tính khả thi của hình thức hòa giải trực tuyến; làm rõ các điều kiện bảo đảm thực hiện như xác thực chủ thể tham gia hòa giải, giá trị pháp lý của dữ liệu điện tử, việc lưu trữ hồ sơ, xử lý các tình huống gián đoạn kết nối hoặc phát sinh tranh chấp liên quan đến nội dung trao đổi trên môi trường điện tử.	Tiếp thu Đây là những vấn đề chi tiết sẽ được quy định tại Nghị định của Chính phủ. Nội dung thuộc nghiệp vụ về triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác hòa giải ở cơ sở. Do đó, Bộ Tư pháp sẽ có những hướng dẫn nghiệp vụ trong quá trình triển khai Luật.

Điều 26. Hòa giải giữa các bên ở thôn, tổ dân phố khác nhau				
		Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ	Đề nghị bổ sung trường hợp hòa giải thành một phần, do có vụ việc có nhiều nội dung cần hòa giải. Tuy nhiên, các bên chỉ thống nhất được một hoặc một số nội dung, còn các nội dung khác các bên chưa thống nhất được cách thức giải quyết.	Giải trình. Việc các bên chỉ thỏa thuận được một phần vụ việc thì các bên thực hiện theo thỏa thuận đó. Đối với những nội dung hòa giải không thành thì các bên có thể đề nghị hòa giải viên tiếp tục hòa giải hoặc chấm dứt hòa giải và đưa ra cơ quan có thẩm quyền xử lý. Bộ Tư pháp nghiên cứu, hướng dẫn cụ thể trong quá trình triển khai thi hành Luật.
		Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Hà Nội	Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung cơ chế liên kết, phối hợp, liên địa bàn khi tiến hành hòa giải giữa các bên ở các xã, phường khác nhau sau khi sáp nhập địa giới hành chính vào Điều 26, bảo đảm thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện.	Giải trình. Điều 26 quy định về các trường hợp ở thôn, tổ dân phố khác nhau, không giới hạn các thôn, tổ dân phố đó phải trong cùng 01 đơn vị cấp xã. Do đó, Điều 26 đã bao quát các trường hợp các bên ở các đơn vị cấp xã khác nhau.
Điều 27. Kết thúc hòa giải				
		Sở Tư pháp các tỉnh: Hưng Yên, Điện Biên, Sơn La	Dự thảo Luật chưa quy định thời hạn tối đa để hoàn thành một vụ hòa giải (từ khi phát sinh căn cứ hòa giải đến khi kết thúc), dẫn đến một số vụ, việc có thể kéo dài vô thời hạn. Đề nghị bổ sung quy định về thời hạn tối đa tiến hành hòa giải đối với mỗi vụ, việc và trường hợp gia hạn. Điểm b khoản 3 Điều 27, đề nghị quy định cụ thể nội dung “việc tiếp tục hòa giải cũng không đạt kết quả” để bảo đảm tính khả thi, tránh phụ thuộc vào ý chí chủ quan của hòa giải viên (ví dụ như quy định giới hạn số lần hòa giải hoặc điều kiện đánh giá,...).	Giải trình Hoạt động hòa giải ở cơ sở hoàn toàn mang tính linh hoạt, tự quản của cộng đồng dân cư theo hướng “chín bỏ làm mười”. Do đó việc quy định thời hạn tối đa hoặc trường hợp gia hạn sẽ bị “tổ tụng hóa” quan hệ hòa giải và hoàn toàn đi ngược bản chất của hòa giải ở cơ sở.
Điều 28. Văn bản về kết quả hòa giải				
Khoản 1		Sở Tư pháp các tỉnh: Cao	Đề nghị bổ sung nội dung về “thông tin của hòa giải viên” trong văn bản về kết quả hòa	Tiếp thu.

		Băng, Điện Biên, Sơn La	giải để bảo đảm đầy đủ thông tin của người trực tiếp thực hiện hòa giải và thuận lợi cho việc theo dõi, lưu trữ, đối chiếu khi cần thiết.	Bộ Tư pháp đã bổ sung quy định “Thành phần tham gia hoà giải” là một trong những nội dung chính của văn bản về kết quả hoà giải. Đồng thời quy định “kết quả hoà giải được thể hiện dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử được coi là bằng văn bản”.
	Khoản 1	Bộ Quốc phòng	Tại khoản 1 Điều 28, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung một khoản quy định, như sau: “Văn bản về kết quả hòa giải không ghi nhận thông tin thuộc bí mật nhà nước, thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, bí mật kinh doanh hoặc thông tin khác được pháp luật bảo vệ, trừ trường hợp luật có quy định khác.” Lý do: Bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 4 dự thảo Luật.	Giải trình. Điều 4 dự thảo Luật đã quy định nguyên tắc giữ bí mật thông tin. Việc hướng dẫn cụ thể nội dung văn bản về kết quả hòa giải thành thuộc phạm vi nghiệp vụ. Do đó Bộ Tư pháp sẽ hướng dẫn trong quá trình triển khai thi hành Luật.
	Khoản 1	Tòa án nhân dân tối cao	Đề nghị chỉnh lý khoản 1 Điều 28 của dự thảo Luật như sau: “1. Văn bản về kết quả hòa giải gồm các nội dung chính sau đây: a) Căn cứ tiến hành hòa giải; b) Thông tin cơ bản, <i>năng lực hành vi dân sự của các bên;</i> c) Nội dung chủ yếu của vụ, việc; c1) <i>Quyền, nghĩa vụ của các bên đối với nội dung của thỏa thuận hòa giải;</i> d) Diễn biến của quá trình hòa giải; đ) Kết quả hòa giải: Trường hợp hòa giải thành, kết quả hòa giải ghi rõ thỏa thuận đạt được và giải pháp thực hiện; quyền và nghĩa vụ của các bên; phương thức, thời hạn thực	Giải trình - Việc xác định năng lực hành vi dân sự của các bên không thuộc trách nhiệm của hòa giải viên. - Việc bổ sung điểm c1 sẽ dẫn đến trùng lặp với điểm đ (kết quả hòa giải – trong đó có nội dung về quyền và nghĩa vụ của các bên). - Việc đưa ý kiến của hòa giải viên về nội dung thỏa thuận của các bên trong văn bản hòa giải thành là chưa đúng với bản chất của hòa giải ở cơ sở. Bởi các bên hoàn toàn tự quyết định thảo luận và giải pháp giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp. Hòa giải viên chỉ giữ vai trò trung gian, giúp đỡ các bên đi đến thỏa thuận

			hiện thỏa thuận; nội dung khác theo thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật; <i>ý kiến của hòa giải viên về nội dung thỏa thuận của các bên</i> . Trường hợp hòa giải không thành, kết quả hòa giải ghi rõ ý kiến, quan điểm của các bên và những nội dung khác có liên quan."	hợp tình, hợp lý (không trái pháp luật và đạo đức xã hội, truyền thống văn hóa của dân tộc).
	Khoản 1	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Vĩnh Long; Sở Tư pháp các tỉnh: Lào Cai, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Thanh Hóa, Điện Biên	Đề nghị bổ sung "Văn bản hòa giải có thể được lập dưới dạng điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử". Đề nghị bổ sung quy định về chữ ký số, chữ ký điện tử hoặc phương thức xác thực điện tử hợp pháp đối với văn bản về kết quả hòa giải được lập trong môi trường điện tử để bảo đảm tính thống nhất với quy định về hòa giải trực tuyến.	Tiếp thu một phần Bộ Tư pháp đã bổ sung vào dự thảo luật quy định văn bản hoà giải được thể hiện dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử được coi là văn bản. Còn quy định chi tiết các nội dung liên quan đến vấn đề này sẽ được quy định tại Nghị định của Chính phủ.
	Khoản 2	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Vĩnh Long; Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên	Đề nghị bổ sung nội dung cụ thể như sau: "2. Văn bản về kết quả hoà giải có chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên, của hòa giải viên, của người chứng kiến việc hòa giải và của người được mời trực tiếp tham gia hoà giải (nếu có) và được gửi đến các bên trong hòa giải. Trường hợp một bên tham gia hòa giải từ chối ký hoặc điểm chỉ vào văn bản kết quả hòa giải thì hòa giải viên ghi rõ việc từ chối và lý do từ chối (nếu có) vào văn bản". Đề nghị bổ sung thêm chữ ký của người phiên dịch tham gia hòa giải vào văn bản về kết quả hòa giải.	Tiếp thu một phần Bộ Tư pháp đã bổ sung vào dự thảo luật quy định văn bản hoà giải có chữ ký, điểm chỉ của những người khác tham gia hoà giải (nếu có). Còn quy định chi tiết các nội dung liên quan đến vấn đề này như trường hợp từ chối ký tên hoặc điểm chỉ sẽ được quy định tại Nghị định của Chính phủ.
		Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai	Đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ thêm về trường hợp các bên không ký tên hoặc điểm chỉ trong văn bản về kết quả hòa giải thì như	Giải trình Khoản 1 Điều 28 dự thảo Luật quy định: "Kết quả hoà giải được thể hiện bằng lời nói, bằng

			thể nào? Có ảnh hưởng đến giá trị của văn bản về kết quả hòa giải không? Vì thực tế có vụ việc hòa giải không thành, các bên không đồng thuận và không ký tên, điểm chỉ trong văn bản về kết quả hòa giải.	văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể”. Hoà giải viên lập văn bản về kết quả hoà giải khi có sự đồng ý của một bên hoặc các bên. Đồng thời, một trong những nguyên tắc của hòa giải ở cơ sở là “Tôn trọng những nguyên tắc của hòa giải ở cơ sở là bằng hành vi cụ thể và trực tuyến tr”. Do đó, việc ký tên hoặc điểm chỉ đối với các bên là không bắt buộc. Việc không ký tên hoặc không điểm chỉ không ảnh hưởng đến kết quả hòa giải.
		Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh	Dự thảo Luật cần bổ sung quy định cụ thể về bảo mật dữ liệu, xác thực danh tính người tham gia, lưu trữ hồ sơ điện tử và bảo đảm an toàn thông tin. Đối với vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, cần có lộ trình thực hiện phù hợp để tránh “khoảng cách số” làm ảnh hưởng đến quyền tiếp cận hòa giải của người dân.	Giải trình. Việc bảo mật về thông tin là một trong các nguyên tắc của hoạt động hòa giải ở cơ sở được quy định tại Điều 4 Dự thảo Luật. Các nội dung chi tiết sẽ được quy định tại Nghị định của Chính phủ.
		Sở Tư pháp Lạng Sơn	Đề nghị bổ sung thêm một khoản (khoản 4) để đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ với quy định tại khoản 8, Điều 12 quy định về nghĩa vụ của hoà giải viên trong việc “8. <i>Lập biên bản về kết quả hoà giải sau khi kết thúc hoà giải, giao biên bản hoà giải cho các bên hoà giải</i> ”, khi kết thúc hoà giải thì hoà giải viên được phân công tiến hành vụ việc hoà giải phải có trách nhiệm “ <i>Lập biên bản về kết quả hoà giải sau khi kết thúc hoà giải, giao biên bản hoà giải cho các bên hoà giải</i> ”.	Tiếp thu một phần. Bộ Tư pháp đã bổ sung tại khoản 2 Điều 28 dự thảo Luật theo hướng việc lập văn bản về kết quả hòa giải phụ thuộc vào ý chí của các bên. Còn quy định về giao biên bản hoà giải cho các bên được thực hiện sẽ được hướng dẫn cụ thể trong quá trình thi hành bảo đảm phù hợp với bản chất của công tác hoà giải ở cơ sở.
		Sở Tư pháp tỉnh, TP: Hồ	Điều 28 quy định các nội dung bắt buộc của văn bản kết quả hòa giải nhưng chưa quy định ngôn ngữ trình bày, số lượng bản gốc, cách	Giải trình Hoạt động hòa giải là hoạt động tự quản của Nhân dân tại cơ sở. Do đó, khoản 2 Điều 28

		Chí Minh, Quảng Ninh	thức giao, nhận và lưu trữ hồ sơ. Đề nghị bổ sung: văn bản kết quả hòa giải được lập thành ít nhất 03 bản (mỗi bên giữ 01 bản, tổ hòa giải lưu 01 bản).	quy định hòa giải viên lập văn bản khi có sự đồng ý của một bên hoặc các bên. Vì vậy, số lượng văn bản được lập phụ thuộc vào đề nghị của các bên. Việc quy định số lượng tối thiểu văn bản về kết quả hòa giải sẽ dẫn đến “hành chính hóa” trong hoạt động hòa giải và gây khó khăn cho hòa giải viên, nhất là ở vùng núi, vùng dân tộc thiểu số chưa có điều kiện tiếp cận với các thiết bị công nghệ thông tin (máy in, máy phô tô để có thể lập nhiều văn bản).
		Đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh: Cà Mau, Lạng Sơn, Ninh Bình, Sơn La; Sở Tư pháp các tỉnh, TP: Hải Phòng, Cao Bằng, Điện Biên, Gia Lai, Thái Nguyên, Lai Châu	Tại điểm d khoản 2, đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa “khoản 3 Điều 28 của Luật này” thành “khoản 2 Điều 28 của Luật này” để bảo đảm chính xác nội dung viện dẫn trong dự thảo Luật.	Tiếp thu.
		Đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh, TP: Hải Phòng, Phú Thọ	Điều luật hiện chưa quy định rõ về giá trị chứng cứ của văn bản hòa giải thành; hình thức điện tử. Đề xuất sửa đổi, bổ sung: văn bản điện tử có giá trị như văn bản giấy nếu đáp ứng điều kiện pháp luật giao dịch điện tử. Đề nghị quy định cụ thể hơn về giá trị pháp lý của biên bản hòa giải thành hợp lệ.	- Giải trình về giá trị chứng cứ của văn bản hòa giải thành: Hòa giải ở cơ sở là hình thức tự quản của cộng đồng dân cư, việc văn bản về kết quả hòa giải thành có được xác định là chứng cứ hay không cần căn cứ vào pháp luật chuyên ngành (dân sự, hình sự) có được xác định là chứng cứ. Do đó, để bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật thì Luật

				Hòa giải ở cơ sở không quy định về vấn đề này.
		Sở Tư pháp các tỉnh: Phú Thọ, Tây Ninh	Dự thảo Luật và các quy định của pháp luật có liên quan cần đơn giản hóa thủ tục yêu cầu công nhận kết quả hoà giải thành, cần giảm chi phí và thời gian thực hiện để người dân dễ tiếp cận, dễ thực hiện. - Chuẩn hóa nội dung, mẫu biểu biên bản hòa giải thành để bảo đảm khả năng sử dụng trong thủ tục yêu cầu công nhận; - Làm rõ mối quan hệ pháp lý giữa hòa giải ở cơ sở với thủ tục công nhận tại Tòa án; - Bổ sung cơ chế hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện thủ tục khi có nhu cầu; - Nghiên cứu đơn giản hóa trình tự, thủ tục công nhận theo hướng dễ tiếp cận, phù hợp điều kiện thực tiễn ở cơ sở. Việc nâng cao giá trị pháp lý của hòa giải thành cần được thực hiện theo hướng tăng cường khả năng bảo đảm thực hiện thông qua cơ chế liên thông thuận lợi với hệ thống tư pháp, thay vì làm “cứng hóa” hoặc từ pháp hóa trực tiếp hoạt động hòa giải ở cơ sở.	Giải trình Trình tự, thủ tục công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án đã được quy định thống nhất tại Chương XXXIII Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Do đó, để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong áp dụng pháp luật, không thể quy định thủ tục riêng tại Luật Hòa giải ở cơ sở
		Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Cà Mau	Khoản 2 Điều 28 dự thảo Luật quy định: “<i>Văn bản về kết quả hoà giải có chữ ký hoặc điểm chỉ của các bên, của hòa giải viên, của người chứng kiến việc hòa giải và của người được mời trực tiếp tham gia hoà giải (nếu có) và được gửi đến các bên trong hoà giải</i>”. Tuy nhiên, trong dự thảo Luật chưa có quy định nào giải thích, xác định hoặc dẫn chiếu về chủ thể “người chứng kiến việc hòa giải”,	Giải trình Thuật ngữ “người chứng kiến” xuất hiện trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật (Bộ luật tố tụng hình sự, Bộ luật dân sự, Luật xử lý vi phạm hành chính...). Đây cũng không phải thuật ngữ chuyên ngành, khó hiểu. Do đó việc giải thích thuật ngữ này là không cần thiết.

			trong khi đây là chủ thể được yêu cầu ký hoặc điểm chỉ trong văn bản về kết quả hòa giải. Điều này có thể dẫn đến cách hiểu và áp dụng không thống nhất trong thực tiễn. Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu làm rõ chủ thể “người chứng kiến việc hòa giải” để bảo đảm tính minh bạch, thống nhất trong áp dụng pháp luật.	
Điều 29. Thực hiện thỏa thuận hòa giải thành, công nhận văn bản về kết quả hòa giải thành				
		Tòa án nhân dân tối cao	Quy định của điểm c khoản 1 về hiệu lực thi hành của văn bản về kết quả hoà giải thành là chưa thực sự chính xác vì có thể gây ra cách hiểu là trường hợp một trong các bên yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành mà Tòa án không ra quyết định công nhận thì thỏa thuận đó không có hiệu lực thi hành, trong khi bản thân thỏa thuận vẫn có hiệu lực ràng buộc thực hiện với các bên như một hợp đồng. Nhiều trường hợp Tòa án không công nhận kết quả hòa giải thành vì lý do các đương sự cung cấp không đúng hoặc không đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ việc chứ không phải vì lý do thỏa thuận của các bên vi phạm quy định của pháp luật và thỏa thuận này vẫn có hiệu lực ràng buộc thi hành đối với các bên, do vậy đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét về sự cần thiết của quy định này. Về hiệu lực của quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thì sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.	Tiếp thu. Bộ Tư pháp đã lược bỏ quy định này trong dự thảo Luật

		Bộ Tài chính; Đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh, TP: Hải Phòng, Ninh Bình, Thái Nguyên; Sở Tur pháp các tỉnh: Hưng Yên, Thanh Hóa, Tuyên Quang	Cách dùng cụm từ “văn bản về kết quả hòa giải thành có hiệu lực thi hành ngay” tại điểm c khoản 1 có thể dẫn đến cách hiểu rằng văn bản hòa giải thành đã có giá trị thi hành như quyết định của cơ quan có thẩm quyền, trong khi về bản chất đây trước hết là sự thỏa thuận tự nguyện của các bên. Đề nghị làm rõ: văn bản hòa giải thành chỉ có giá trị ràng buộc dân sự giữa các bên; chỉ được cưỡng chế thi hành khi được Tòa án công nhận để bảo đảm thống nhất với pháp luật tố tụng dân sự và thi hành án dân sự.	
		Đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh: Nghệ An, Thanh Hoá	- Nghiên cứu cơ chế công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án nhằm nâng cao giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành của kết quả hòa giải. - Dự thảo cần bổ sung một điều khoản quét dẫn chiếu cụ thể sang quy trình, thủ tục công nhận kết quả hòa giải thành ngoài tòa án được quy định tại Chương XXXIII của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc bổ sung này nhằm chuẩn hóa toàn diện điều kiện thụ lý, thời hạn xem xét và các căn cứ pháp lý để Tòa án từ chối công nhận.	Tiếp thu. Bộ Tư pháp đã rà soát, chỉnh lý khoản 2 Điều 29 dự thảo Luật thành “Trường hợp một hoặc các bên yêu cầu Tòa án nhân dân có thẩm quyền công nhận kết quả hoà giải thành thì thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự”. Đồng thời, lược bỏ các quy định về thời điểm có hiệu lực thi hành của văn bản về kết quả hòa giải thành để bảo đảm phù hợp.
		Đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh, TP: Hà Nội, Lâm Đồng	Điều 29 và Điều 30 dự thảo Luật bổ sung các quy định liên quan đến công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án và trách nhiệm của các chủ thể có liên quan trong quá trình thực hiện. Tuy nhiên, một số quy định có thể làm phát sinh thêm trách nhiệm đối với hòa giải viên trong việc cung cấp tài liệu, theo dõi hoặc hỗ trợ thực hiện các thủ tục liên quan đến công nhận kết quả hòa giải thành. Đề nghị	Giải trình. Khoản 2 Điều 29 đã quy định: “Văn bản về kết quả hòa giải thành được Tòa án nhân dân có thẩm quyền xem xét, ra quyết định công nhận theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

			làm rõ phạm vi trách nhiệm của hòa giải viên; quy định theo hướng hòa giải viên thực hiện việc lập biên bản hòa giải và hướng dẫn các bên thực hiện quyền yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành. Đồng thời, làm rõ cơ chế phối hợp giữa Tòa án, cơ quan tư pháp và tổ hòa giải trong quá trình thực hiện.	
		Bộ Nội vụ; Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Hải Phòng	Đề xuất bổ sung thời hạn theo dõi; phạm vi trách nhiệm; trường hợp chấm dứt trách nhiệm theo dõi: (i) trong thời gian bao lâu; (ii) bằng hình thức nào; (iii) Hòa giải viên phải làm gì khi phát hiện không thực hiện; có phải lập biên bản hay không; (iv) Sau khi đơn đốc mà các bên vẫn không thực hiện thì trách nhiệm của hòa giải viên chấm dứt khi nào.	Tiếp thu. Việc theo dõi, đơn đốc phải căn cứ vào thời hạn và nội dung thỏa thuận đạt được của các bên. Quy định giới hạn thời gian sẽ không phù hợp với nguyên tắc tự quản của hòa giải ở cơ sở.
Điều 30. Theo dõi, đơn đốc việc thực hiện thỏa thuận hòa giải thành				
		Bộ Ngoại giao	Đề nghị cân nhắc sự cần thiết của Điều về trách nhiệm theo dõi, đơn đốc việc thực hiện thỏa thuận hòa giải của hòa giải viên do hoạt động hòa giải được tiến hành trên cơ sở tự nguyện và thỏa thuận hòa giải thành cần được các bên chủ động thực hiện như thỏa thuận dân sự.	Giải trình. Hoạt động hòa giải là hoạt động tự quản của Nhân dân tại cơ sở. Do đó, để bảo đảm các bên có thực hiện kết quả hoà giải thành, thì hoà giải viên phải theo dõi, đơn đốc, động viên các bên thực hiện hoà giải thành.
		Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk	Dự thảo Luật chưa làm rõ cơ chế xử lý trong trường hợp Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành của Tòa án nhân dân đã có hiệu lực pháp luật nhưng một bên không tự nguyện chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định dẫn chiếu việc thi hành theo pháp luật về thi hành án dân sự đối với trường hợp nêu trên nhằm bảo đảm thống	Giải trình. Hiệu lực và việc thi hành Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành của Tòa án thực hiện theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Luật Hòa giải ở cơ sở không quy định vấn đề này để bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật.

			nhất trong áp dụng pháp luật, đồng thời phân định rõ giữa hoạt động theo dõi, đôn đốc của hòa giải viên với cơ chế tổ chức thi hành của cơ quan thi hành án dân sự.	
		Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu quy định cơ chế theo dõi, đôn đốc việc thực hiện thỏa thuận hòa giải thành; đồng thời nghiên cứu quy định thời hạn mang tính định hướng hoặc giao Chính phủ hướng dẫn đối với các trường hợp kéo dài nhằm nâng cao hiệu quả thi hành kết quả hòa giải, bảo đảm tính linh hoạt của hoạt động hòa giải ở cơ sở và nguyên tắc tự nguyện của các bên.	Giải trình. Việc quy cơ chế theo dõi, đôn đốc thực hiện thỏa thuận hòa giải thành sẽ làm phá vỡ tính tự nguyện, tự quản trong hòa giải ở cơ sở. Về cơ bản, sau khi đạt được thỏa thuận, các bên chủ động thực hiện, hòa giải viên chỉ theo dõi, động viên nhắc nhở thêm.
		Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh Cà Mau	Điều 30 quy định: “Hòa giải viên có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện thỏa thuận hòa giải thành do mình trực tiếp giải quyết...”. Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Luật quy định “Hòa giải ở cơ sở là việc hòa giải viên hướng dẫn, giúp đỡ các bên đạt được thỏa thuận, tự nguyện giải quyết với nhau các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật...”.	Giải trình Hòa giải thành ở cơ sở cần thiết phải bảo đảm các bên đã hoàn toàn chấm dứt mâu thuẫn, tranh chấp; tranh chấp không tái diễn, phát sinh thì đạt được mục tiêu của hòa giải. Do đó, việc quy định trách nhiệm của hòa giải viên theo dõi, đôn đốc các bên thực hiện thỏa thuận hòa giải thành là cần thiết.
		Sở Tư pháp tỉnh Sơn La	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu chỉnh sửa thành: <i>“Hoà giải viên có trách nhiệm theo dõi, vận động, hỗ trợ các bên tự nguyện thực hiện; trường hợp đã được Toà án công nhận thì hướng dẫn các bên thực hiện quyền, nghĩa vụ theo pháp luật thi hành án dân sự;”</i> để phù hợp với quy định của pháp luật vì hoà giải viên không có chức năng thi hành án chỉ nên vận động, hỗ trợ.	
	CHƯƠNG IV			

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG HOẠT ĐỘNG HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ				
Điều 31. Trách nhiệm quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở				
		Bộ Nội vụ; Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang	Đề nghị cơ quan chủ trì rà soát toàn bộ dự thảo Luật để bảo đảm: (i) Tuân thủ các nguyên tắc về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền tại Luật Tổ chức Chính phủ; (ii) “Không quy định cụ thể tên Bộ, ngành và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Bộ, ngành tại dự thảo Luật,...” theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 435/QĐ-TTg ngày 25/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ (ví dụ: Điều 15, Điều 31,... dự thảo Luật). Ngày 25/4/2026, Thủ tướng Chính phủ đã ký Công văn số 435/TTg - TCCV về sửa đổi, bổ sung các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bảo đảm theo các nguyên tắc tại Luật Tổ chức Chính phủ, trong đó, có chỉ đạo: “<i>không quy định cụ thể tên Bộ, ngành và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Bộ, ngành tại dự thảo luật</i>”. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát quy định tại khoản 2 Điều 31 dự thảo Luật để bảo đảm phù hợp với chỉ đạo nêu trên. Đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo nghiên cứu Công văn số 1307/BTP-TCCB ngày 07/3/2026 của Bộ Tư pháp về việc triển khai thực hiện Quyết định số 608/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ để thuyết minh làm rõ sự cần thiết quy định tên của Bộ Tư pháp tại dự thảo Luật.	Giải trình. Nội dung này thuộc phạm vi điều chỉnh của văn bản hướng dẫn thi hành. Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu tham mưu trong nội dung dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật.
		Bộ Tài chính	Điểm d khoản 2 giao “<i>Quy định các biểu mẫu, biểu thống kê về tổ chức, hoạt động hòa giải</i>”	Tiếp thu. Nội dung này sẽ được quy định cụ thể trong

			ở cơ sở” đề nghị rà soát, xác định loại hình văn bản; nếu là thông tư thì cần giao rõ Bộ trưởng Bộ Tư pháp để bảo đảm thống nhất với thẩm quyền tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	Nghị định của Chính phủ
		Đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh, TP: Hà Nội, Lâm Đồng; Sở Tư pháp TP. Hải Phòng	Nghiên cứu xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dùng chung nhằm giảm khối lượng công việc hành chính cho cấp xã và bảo đảm tính thống nhất trong tổ chức thực hiện.	Tiếp thu. Bộ Tư pháp đã bổ sung việc xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác hòa giải ở cơ sở là một trong những nội dung quản lý Nhà nước về công tác hòa giải ở cơ sở.
		Sở Tư pháp TP. Đồng Nai	Kiến nghị bổ sung trách nhiệm của Bộ Tư pháp trong việc hướng dẫn thực hiện hòa giải trực tiếp và trực tuyến, chuyển đổi số trong công tác hòa giải ở cơ sở. Đồng thời, tổ chức kiểm tra, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho địa phương trong quá trình thực hiện Luật Hoà giải ở cơ sở.	Giải trình. Nội dung này thuộc phạm vi điều chỉnh của văn bản hướng dẫn thi hành. Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu tham mưu trong nội dung dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật.
		Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng	Thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, hỗ trợ nghiệp vụ của hòa giải viên, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận công tác hòa giải là một trong những nội dung mới của Luật Hòa giải ở cơ sở. Tuy nhiên dự thảo Luật lần này chưa có nội dung quy định cụ thể cũng như chưa xác định được cơ quan nào sẽ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành. Do vậy để đảm bảo các quy định của Luật được thi hành hiệu quả, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung quy định này.	

Điều 32. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp				
		Sở Tư pháp các tỉnh: Phú Thọ, Thái Nguyên, Thanh Hoá	Điểm b khoản 2 quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã: “<i>Xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ cho hoạt động hòa giải ở cơ sở trên địa bàn cấp xã để Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét quyết định</i>”, cần thiết có thêm nội dung về việc bảo đảm kinh phí cho tổ chức, hoạt động hòa giải ở cơ sở vì thực tế hiện nay, nhiều địa phương chưa quan tâm, bố trí nguồn kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở, làm ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng, hiệu quả của công tác này.	Tiếp thu Bộ Tư pháp chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí thực hiện công tác hoà giải ở cơ sở trên địa bàn cấp xã.
		Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Sơn La	Đề nghị tiếp tục rà soát các quy định về phân cấp, phân quyền trong công tác hòa giải ở cơ sở theo hướng gắn phân cấp nhiệm vụ với bảo đảm nguồn lực thực hiện. Dự thảo Luật quy định theo hướng tăng cường trách nhiệm của cấp xã trong tổ chức thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở, đồng thời điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ giữa các cấp chính quyền nhằm phù hợp yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy hiện nay. Đề nghị Bộ Tư pháp tiếp tục đánh giá kỹ khả năng đáp ứng về nguồn nhân lực, kinh phí, điều kiện bảo đảm thực hiện nhiệm vụ mới của cấp xã; cơ chế hướng dẫn, kiểm tra, hỗ trợ chuyên môn của cấp tỉnh; bảo đảm việc phân cấp gắn với nguồn lực thực hiện, tránh phát sinh khó khăn trong tổ chức triển khai tại cơ sở.	Giải trình Nội dung này thuộc trách nhiệm triển khai của Ủy ban nhân dân các cấp trong công tác hòa giải ở cơ sở. Bộ Tư pháp sẽ có những hướng dẫn trong quá trình triển khai Luật. Ngoài ra, việc đánh giá nguồn lực đã được thể hiện trong dự thảo Tờ trình dự án Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi) và Báo cáo đánh giá tác động
		Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh	Cần xây dựng cơ chế đánh giá chất lượng hoạt động hòa giải theo hiệu quả thực chất, không chỉ dựa vào số lượng vụ việc hòa giải thành.	Giải trình Nội dung này thuộc thẩm quyền của Bộ Tư pháp do đó không quy định trong dự thảo Luật.

		Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị	Đề nghị xem xét sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau: “<i>c) Thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận, cho thôi làm tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên tại địa phương; hỗ trợ khi hòa giải viên, người được mời trực tiếp tham gia hòa giải gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải</i>”. Lý do: Đề thực hiện quyền của hòa giải viên, quyền của người được mời trực tiếp tham gia hòa giải tại Điều 11, Điều 19 dự thảo Luật.	Giải trình. Trách nhiệm thành lập, kiện toàn tổ hòa giải, công nhận, cho thôi là tổ trưởng tổ hòa giải đã quy định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Do đó không quy định vào trách nhiệm của UBND cấp xã để tránh trùng lặp về thẩm quyền. Đối với việc quy định về hỗ trợ khi hòa giải viên, người được mời trực tiếp tham gia hòa giải gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải đã được quy định rõ trong quyền của hòa giải viên (Điều 11), người được mời tham gia hòa giải (Điều 19) và giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này. Do đó, không quy định lại tại Điều 32 nhằm tránh trùng lặp.
		Đoàn đại biểu Quốc hội TP: Hải Phòng; Sở Tư pháp các tỉnh: Cà Mau, Phú Thọ, Hưng Yên, Thanh Hóa	Điểm h khoản 2 quy định: “<i>Hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật, thiết bị đầu cuối...</i>”. Tuy nhiên, quy định này chưa xác định nguồn kinh phí, chưa phân cấp trách nhiệm đầu tư. Đề nghị sửa đổi, bổ sung về cơ chế ngân sách; trách nhiệm của UBND cấp xã; xã hội hóa; ưu tiên địa bàn khó khăn cho phù hợp hơn.	Giải trình. Nội dung này đã được quy định tại khoản 2 Điều 32 về trách nhiệm của UBND cấp xã về “triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số trong công tác hoà giải ở cơ sở phù hợp với điều kiện thực tiễn” và “bảo đảm kinh phí cho công tác hoà giải ở cơ sở trên địa bàn cấp xã”.
		Bộ Quốc phòng	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung một điểm tại khoản 2 theo hướng quy định như sau: “Chỉ đạo tổ hòa giải, hòa giải viên kịp thời dừng việc hòa giải và chuyển thông tin, tài liệu đến cơ quan có thẩm quyền xử lý khi phát hiện vụ, việc có nội dung thuộc bí mật nhà nước, thuộc thẩm quyền giải quyết, xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm	Giải trình. Khoản 5 Điều 12 dự thảo Luật đã quy định một trong các nghĩa vụ của hòa giải viên: “Thông báo kịp thời cho tổ trưởng tổ hòa giải để báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý trong trường hợp phát hiện mâu thuẫn, tranh chấp có dấu hiệu vi phạm hành chính hoặc vi phạm pháp luật hình sự”.

			quyền theo pháp luật chuyên ngành hoặc vụ, việc không thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở theo quy định của pháp luật” Lý do: Bảo đảm quy định về phạm vi hòa giải ở cơ sở được tổ chức thực hiện thống nhất trên thực tế; đồng thời tạo cơ chế xử lý kịp thời khi tổ hòa giải, hòa giải viên phát hiện vụ, việc vượt quá phạm vi hòa giải ở cơ sở.	
		Bộ Công an	Tại khoản 4 Điều 17 quy định tổ trưởng tổ hòa giải báo cáo kịp thời với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan có thẩm quyền về các vụ, việc theo quy định tại khoản 5 Điều 12 dự thảo Luật là trường hợp phát hiện mâu thuẫn, tranh chấp có dấu hiệu vi phạm hành chính hoặc vi phạm pháp luật hình sự. Do vậy đề nghị khoản 2 Điều 32 dự thảo Luật về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị bổ sung nội dung về bảo đảm an ninh trật tự đối với trường hợp nêu trên cho đầy đủ.	Tiếp thu Bộ Tư pháp đã tiếp thu và chỉnh lý tại dự thảo Luật.
		Đoàn đại biểu quốc hội tỉnh Điện Biên	Khoản 4 Điều 11 quy định về quyền của hòa giải viên quy định: “Được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức pháp luật, nghiệp vụ và kỹ năng hòa giải; được cung cấp tài liệu liên quan đến hoạt động hòa giải”. Tuy nhiên dự thảo Luật chưa có quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong việc tổ chức tập huấn kiến thức pháp luật cho hòa giải viên, đề nghị Ban soạn thảo xem xét, bổ sung.	Giải trình Nội dung này đã được quy định tại Điều 32 về trách nhiệm của UBND các cấp.

		Đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh: Lâm Đồng, Lạng Sơn; Sở Tư pháp Lạng Sơn	Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định về trách nhiệm của Sở Tư pháp trong việc hướng dẫn nghiệp vụ, tập huấn, kiểm tra và hỗ trợ chuyên môn đối với UBND cấp xã. Đồng thời, cần làm rõ cơ chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong quá trình quản lý hoạt động hòa giải ở cơ sở;	Giải trình. Ngày 25/4/2026, Thủ tướng Chính phủ có chỉ đạo tại Công văn số 435/TTg-TCCV về việc sửa đổi, bổ sung các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bảo đảm theo các nguyên tắc tại Luật Tổ chức Chính phủ, trong đó yêu cầu: “Không quy định cụ thể tên Bộ, ngành và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Bộ, ngành tại dự thảo luật, nghị quyết, pháp lệnh, bảo đảm quy định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội theo quy định của Hiến pháp. Do đó việc bổ sung trách nhiệm của Sở Tư pháp trong dự thảo Luật là không phù hợp.
		Đoàn Đại biểu Quốc hội TP. Hải Phòng; Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang	Đề nghị rà soát, lược bỏ những quy định thuộc thẩm quyền của Chính phủ, đồng thời giao cho Chính phủ quy định chi tiết điều, khoản này cho phù hợp về thẩm quyền. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát nội dung quy định về nhiệm vụ giao cấp xã tại khoản 2 Điều 32 dự thảo Luật, bảo đảm phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và không phát sinh thêm biên chế	Tiếp thu Bộ Tư pháp đã rà soát, chỉnh lý trong dự thảo Luật.

		Ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Đề nghị nghiên cứu bổ sung một khoản quy định về lưu trữ hồ sơ hoà giải: Sổ theo dõi hoạt động hoà giải và biên bản kết quả hoà giải phải được số hoá và lưu trữ tập trung tại hệ thống thông tin điện tử của UBND cấp xã để bảo đảm tính bảo mật, liên thông, đồng bộ kỹ thuật theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và lưu trữ	Giải trình. Việc thực hiện lưu trữ sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ. Quy định về số hoá Sổ theo dõi hoạt động hoà giải và biên bản kết quả hoà giải sẽ được hướng dẫn trong quá trình xây dựng Nghị định của Chính phủ. Cần xác định hoà giải ở cơ sở là hoạt động mang tính chất tự quản của Nhân dân, việc quy định trách nhiệm của UBND cấp xã trong việc lưu trữ hồ sơ, tài liệu của công tác này sẽ dẫn đến hành chính hoá công tác hoà giải ở cơ sở.
Điều 33. Trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận				
		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Khoản 1 Điều 33 dự thảo Luật quy định Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp “tham gia quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở” không thật thống nhất với Điều 9 Hiến pháp và Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam số 75/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 97/2025/QH15. Theo đó, Mặt trận không phải là cơ quan quản lý nhà nước. Do đó, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chỉ có thể phối hợp, vận động Nhân dân, hướng dẫn Ban công tác Mặt trận tham gia công tác hòa giải ở cơ sở; giám sát, phản biện xã hội đối với việc thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở.	Giải trình Tổ hòa giải là tổ chức tự quản của Nhân dân, việc Luật quy định Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp “tham gia quản lý nhà nước...” chỉ với vai trò “tham gia”. Cụ thể đã được quy định rất rõ trong Luật như rà soát đề nghị kiện toàn tổ hòa giải; chủ trì tổ chức bầu hòa giải viên; giám sát hoạt động của hòa giải viên nếu hòa giải viên không đủ tiêu chuẩn, vi phạm nguyên tắc hoạt động hòa giải, vi phạm nghĩa vụ hòa giải viên thì Ủy ban Mặt trận có quyền đề nghị cho thôi làm hòa giải viên; phối hợp với chính quyền tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết hoạt động hòa giải.
		Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Ninh Bình	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung vào khoản 1 Điều 33 các nội dung cụ thể hơn về vai trò của chủ thể này, như: phối hợp rà soát, giới thiệu, lựa chọn nhân sự tham gia	Giải trình Đây là những nội dung rất cụ thể, chi tiết, Bộ Tư pháp sẽ quy định ở văn bản hướng dẫn thi

			tổ hòa giải; tham gia giám sát chất lượng hoạt động hòa giải ở cơ sở; phản ánh, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền về khó khăn, vướng mắc trong công tác hòa giải; phối hợp lồng ghép việc thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở với xây dựng cộng đồng dân cư tự quản, xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước... Việc bổ sung các nội dung này sẽ làm rõ hơn vai trò của Mặt trận trong thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở.	hành. Hơn nữa, việc tham gia cụ thể của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã được quy định trong các điều khoản tại dự thảo Luật về kiện toàn tổ hòa giải, bầu, công nhận, cho thôi hòa giải viên...
		Ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Ban Thường trực cơ bản nhất trí với quy định tại Chương IV. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu quy định rõ các “hoạt động tham gia quản lý nhà nước về hòa giải cơ sở” Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp để thuận lợi trong quá trình thực hiện.	
		Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Ngãi	Đề nghị quy định cụ thể trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở, như ở cấp xã là đề nghị số lượng tổ hòa giải, hòa giải viên trong một tổ, đề nghị kiện toàn tổ hòa giải, lồng ghép pháp luật về hòa giải ở cơ sở trong xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố... để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và UBND cấp xã có cơ sở pháp lý cụ thể, chủ động trong tổ chức triển khai thực hiện.	
		Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Lào Cai	Quy định rõ, cụ thể hơn cơ chế phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên với cơ quan Tư pháp địa phương trong	Giải trình Mặt trận Tổ quốc được quy định tại Khoản 2 Điều 5 Dự thảo Luật Hòa giải ở cơ sở giữ vai

			công tác quản lý, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ định kỳ cho đội ngũ hòa giải viên.	trò “nòng cốt”. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận tham gia quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở (Khoản 1 Điều 33 Dự thảo Luật và nhiều điều luật khác quy định về kiện toàn đội ngũ hòa giải viên tổ trưởng tổ hòa giải, cho thôi hòa giải viên). Đối với việc phối hợp bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ cho hòa giải viên thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật mà sẽ được thực hiện trong quá trình các cơ quan phối hợp triển khai công tác hòa giải ở cơ sở.
		Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Nghệ An	Quy định rõ trách nhiệm phối hợp giữa UBND cấp xã, Mặt trận Tổ quốc, Công an xã, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên và các tổ chức liên quan trong hoạt động hòa giải ở cơ sở.	
		Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh	Tăng cường vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc và cộng đồng dân cư trong hoạt động hòa giải ở cơ sở.	Giải trình. Vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc và cộng đồng dân cư được quy định cụ thể trong Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các văn bản quy phạm pháp luật khác (như Hiến pháp, Luật tố cáo, Luật Khiếu nại...). Vì vậy, không quy định cụ thể trong Luật Hòa giải ở cơ sở để bảo đảm tính kế thừa, xuyên suốt của hệ thống pháp luật.
		Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang	Tại khoản 1 quy định trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp “tham gia quản lý nhà nước về hoà giải ở cơ sở”, nhưng không quy định nội dung tham gia quản lý nhà nước về hoà giải ở cơ sở của cơ quan này gồm những công việc gì, nội dung này cũng thuộc thẩm quyền của Quốc hội quy định. Đề nghị bổ sung nội dung trên.	
		Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Hà Nội	Đề nghị cơ quan soạn thảo quy định công tác phối hợp giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban nhân dân cấp xã trong hoạt động hòa giải ở cơ sở là một mối quan hệ pháp lý mang tính bắt buộc, đảm bảo công tác phối hợp hiệu quả trên thực tiễn.	Giải trình Mối quan hệ công tác giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban nhân dân cấp xã đã được quy định rõ trong các điều luật trong Luật. Theo đó Ủy ban Nhân dân cấp xã giữ vai trò chủ trì quản lý nhà nước về công tác hòa giải ở cơ sở, còn Ủy ban Mặt trận giữ vai trò tham gia.

CHƯƠNG V				
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH				
Điều 35. Hiệu lực thi hành				
		Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh	Luật có hiệu lực từ ngày 01/3/2027. Trong khi đó, các tổ hòa giải, hòa giải viên được thành lập theo Luật số 35/2013/QH13 được tiếp tục hoạt động theo khoản 1 Điều 34. Đề nghị bổ sung quy định về thời hạn cụ thể để các địa phương rà soát, kiện toàn tổ hòa giải theo quy định mới (ví dụ: hoàn thành trong 12 tháng kể từ ngày Luật có hiệu lực) để tránh tình trạng kéo dài không cần thiết.	Giải trình Theo Điều 7 và khoản 1 Điều 14, quy định về tiêu chuẩn hòa giải viên và cơ cấu tổ hòa giải không thay đổi so với Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013. Do đó, các tổ hòa giải, hòa giải viên được thành lập theo Luật số 35/2013/QH13 được tiếp tục hoạt động theo khoản 1 Điều 34 mà không phải cần kiện toàn lại.
Ý KIẾN KHÁC				
		Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Cao Bằng; Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk	Dự thảo Luật hiện chủ yếu tập trung quy định về tổ chức và hoạt động của tổ hòa giải, hòa giải viên, nhưng chưa có cơ chế cụ thể để đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động của hòa giải viên. Việc thiếu các tiêu chí đánh giá rõ ràng có thể dẫn đến tình trạng hoạt động mang tính hình thức, chạy theo số lượng hoặc báo cáo thành tích, chưa phản ánh đúng chất lượng và hiệu quả thực tế của công tác hòa giải ở cơ sở. Đề nghị nghiên cứu bổ sung cơ chế đánh giá định kỳ đối với hòa giải viên và tổ hòa giải trên cơ sở các tiêu chí cụ thể như: “tỷ lệ hòa giải thành; mức độ chấp hành thỏa thuận hòa giải; tinh thần trách nhiệm, uy tín và mức độ tin nhiệm của người dân tại địa bàn”.	Giải trình Dự thảo Luật chỉ quy định những vấn đề chung, mang tính khung. Do vậy, việc đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động của công tác hòa giải cũng như đánh giá định kỳ đối với hòa giải viên và tổ hòa giải trên cơ sở các tiêu chí cụ thể sẽ được Bộ Tư pháp nghiên cứu và hướng dẫn.
		Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quy định chế tài, hình thức xử lý các hành vi vi phạm trong hòa giải ở cơ sở (ví dụ: hòa giải viên lợi	Giải trình Theo Điều 7 và khoản 1 Điều 14, quy định về tiêu chuẩn hòa giải viên và cơ cấu tổ hòa giải

			dụng nhiệm vụ được giao để vùi vĩnh lợi ích vật chất); các quy định về ghi nhận, khen thưởng đối với hòa giải viên, tổ hòa giải...	không thay đổi so với Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013. Do đó, các tổ hòa giải, hòa giải viên được thành lập theo Luật số 35/2013/QH13 được tiếp tục hoạt động theo khoản 1 Điều 34 mà không phải cần kiện toàn lại.
		Đoàn Đại biểu quốc hội TP. Đà Nẵng	Hiện nay, dự thảo Luật chưa đề cập đến thời gian tham gia của Hòa giải viên ở cơ sở. Do đó, đề nghị nghiên cứu xem xét bổ sung một Điều quy định cụ thể về thời gian công tác của Hòa giải viên ở cơ sở theo nhiệm kỳ 5 năm hoặc theo nhiệm kỳ bầu tổ trưởng tổ dân phố/thôn,...	Giải trình Việc quy định thời gian công tác của hòa viên là không hợp lý; đây là hoạt động mang tính tự nguyện cao, vì cộng đồng dự trên kinh nghiệm, uy tín niềm tin... nên không giới hạn thời gian tham gia.
	Thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản	Một số cơ quan, đơn vị	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát bảo đảm kỹ thuật lập pháp và bảo đảm tính thống nhất về thuật ngữ pháp lý và kỹ thuật trình bày văn bản.	Tiếp thu
B	ĐỐI VỚI CÁC TÀI LIỆU KHÁC TRONG HỒ SƠ			
I	Tờ trình			
	Cơ sở chính trị	Đoàn Đại biểu Quốc hội TP. Hải Phòng	Làm rõ hơn mối quan hệ giữa hòa giải ở cơ sở với yêu cầu “ <i>xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật</i> ” theo Nghị quyết số 66-NQ/TW; phân tích sâu hơn vai trò phòng ngừa tranh chấp, giảm tải cho hệ thống tư pháp và góp phần ổn định xã hội.	Tiếp thu. Bộ Tư pháp đã bổ sung vào Tờ trình Chính phủ về dự án Luật.
	Cơ sở thực tiễn	Đoàn Đại biểu Quốc hội TP. Hải Phòng	- Bổ sung định lượng về hiệu quả của công tác hòa giải ở cơ sở trong thời gian qua, như tỷ lệ hòa giải thành, số vụ việc giảm khiếu kiện vượt cấp, tác động đến an ninh trật tự ở cơ sở... để tăng tính thuyết phục của hồ sơ - Làm rõ thêm các khó khăn phát sinh sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02	Tiếp thu. Định lượng về hiệu quả của công tác hòa giải ở cơ sở, như tỷ lệ hòa giải thành, số vụ việc hòa giải... đã được nêu cụ thể trong Tờ trình và Báo cáo tổng kết thi hành Luật. Do công tác hòa giải ở cơ sở trước đây đã được phân cấp mạnh mẽ cho cấp xã, hầu hết

			cấp, nhất là việc chuyển giao nhiệm vụ từ cấp huyện xuống cấp xã trong quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở	các nhiệm vụ quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở đều do cấp xã thực hiện. Do đó, khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, chuyển giao nhiệm vụ từ cấp huyện xuống cấp xã trong quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở cơ bản không gặp khó khăn.
		Đoàn Đại biểu Quốc hội TP. Hải Phòng	Đề nghị tiếp tục đánh giá cụ thể hơn tác động của chuyển đổi số đối với hoạt động của hòa giải ở cơ sở, nhất là tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số - nơi điều kiện hạ tầng số và khả năng tiếp cận công nghệ thông tin còn hạn chế.	Giải trình. Nội dung này đã được đánh giá kỹ lưỡng tại hồ sơ chính sách của Luật. Về cơ bản, việc chuyển đổi số trong công tác hòa giải ở cơ sở không bắt buộc mà chính quyền địa phương có quyền lựa chọn mức độ ứng dụng công nghệ thông tin; hòa giải viên và các bên có quyền lựa chọn việc hòa giải theo hình thức truyền thống.
	Cơ sở thực tiễn	Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thanh Hóa	Qua nghiên cứu hồ sơ cho thấy một số vấn đề thực tiễn đang tác động trực tiếp đến hiệu quả hòa giải ở cơ sở chưa được phân tích đầy đủ. Đáng chú ý là việc sắp xếp đơn vị hành chính thời gian qua đã làm thay đổi quy mô địa bàn, số lượng hộ dân và cơ cấu tổ hòa giải ở nhiều nơi; trong khi đó đội ngũ hòa giải viên chủ yếu hoạt động kiêm nhiệm, điều kiện bảo đảm hoạt động còn hạn chế. Đây là những yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả tổ chức thực hiện Luật sau khi được ban hành và cần được đánh giá sâu hơn trong hồ sơ dự án Luật.	Tiếp thu. Bộ Tư pháp bổ sung căn cứ chính trị là Kết luận số 34-KL/TW ngày 185/2026. Đồng thời thể chế hóa trong dự thảo Luật, theo đó, Chủ tịch UBND cấp xã có quyền quyết định số lượng tổ hoà giải trong một thôn, tổ dân phố và trên địa bàn xã; số lượng hoà giải viên trong một tổ hoà giải. Quyết định việc bầu có thể thực hiện theo tổ dân phố hoặc từng cụm dân cư căn cứ vào quy mô dân số của thôn, tổ dân phố.
		Đoàn Đại biểu Quốc hội TP. Hải Phòng	Báo cáo cần bổ sung đánh giá cụ thể hơn về năng lực thực hiện của chính quyền cấp xã sau khi tiếp nhận thêm nhiệm vụ; khả năng đáp ứng về nhân lực, kinh phí, hạ tầng số; mức độ sẵn sàng của đội ngũ hòa giải viên đối	Giải trình. Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, yêu cầu phải thực hiện chuyển đổi số trong bộ máy nhà nước để thực hiện Chính phủ số. Theo đó UBND cấp xã phải tiến hành chuyển đổi để

			với yêu cầu chuyển đổi số và hòa giải trực tuyến. Đây là những yếu tố có ý nghĩa quyết định đối với tính khả thi của Luật khi triển khai trên thực tế	bảo đảm tính thống nhất trong toàn bộ máy. Hơn nữa, dự thảo Luật cho phép lựa chọn mức độ chuyển đổi số trong công tác hoà giải ở cơ sở phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.
		Đoàn Đại biểu Quốc hội TP. Hải Phòng	Đề nghị bổ sung rõ các quan điểm: bảo đảm giữ đúng bản chất xã hội, tự quản, tự nguyện của hoạt động hòa giải ở cơ sở, tránh xu hướng hành chính hóa hoặc hình thức trong hoạt động hòa giải; phân định rõ giữa hòa giải ở cơ sở với hòa giải thương mại, hòa giải tại Tòa án và các cơ chế giải quyết tranh chấp khác; bảo đảm hài hòa giữa ứng dụng công nghệ số với đặc thù hoạt động hòa giải mang tính xã hội, cộng đồng và nhân văn.	Tiếp thu.
		Đoàn Đại biểu Quốc hội TP. Hải Phòng	Đề nghị tiếp tục làm rõ: Tác động ngân sách khi mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu, hỗ trợ phiên dịch, hỗ trợ người khuyết tật; khả năng đáp ứng của đội ngũ hòa giải viên hiện nay trước yêu cầu mới về kỹ năng số, kiến thức pháp luật chuyên sâu; đánh giá tính khả thi của việc công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án; khả năng phát sinh thêm thủ tục hành chính hoặc làm gia tăng chi phí tuân thủ đối với người dân	Giải trình - Nội dung này đã được đánh giá kỹ lưỡng tại Báo cáo đánh giá tác động của chính sách Luật Hòa giải ở cơ sở (Báo cáo số 304/BC-BTP ngày 04/5/2026) và Bản đánh giá Thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc. - Đối với việc công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính do đây là thủ tục đã được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.
		Bộ Tài chính	Tại dự thảo Tờ trình, Bộ Tư pháp chưa dự kiến cụ thể nguồn lực tài chính bảo đảm thi hành Luật. Theo đó, đề nghị Bộ Tư pháp bổ	Tiếp thu Bộ Tư pháp đã bổ sung vào Tờ trình Chính phủ về nguồn lực triển khai thi hành Luật như

			sung số liệu đánh giá đầy đủ tác động nguồn lực tài chính, trong đó thuyết minh rõ nguồn ngân sách nhà nước (<i>ngân sách trung ương, ngân sách địa phương</i>), nguồn xã hội hóa theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL.	xây dựng văn bản hướng dẫn thi hành luật (theo định mức chi tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP); bộ máy nhân sự và cơ sở vật chất phục vụ triển khai thi hành Luật sau khi được ban hành (không phát sinh do tiếp tục duy trì, sử dụng bộ máy đã có). Theo đó, ngân sách trung ương và ngân sách địa phương không phát sinh tăng so với trước đây. Dẫn chiếu cụ thể cũng được thể hiện trong Báo cáo số 301/BC-BTP ngày 04/5/2026 về tổng kết thi hành Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013.
		Sở Tư pháp TP. Đồng Nai	Tại khoản 1 Mục IV, đề nghị cân nhắc bỏ quy định về đối tượng áp dụng vì dự thảo Luật không quy định nội dung này.	Giải trình Việc xác định đối tượng áp dụng tại Tờ trình được thực hiện theo quy định tại Mẫu số 02. Tờ trình Phụ lục IV của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL
III. Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật Hoà giải ở cơ sở và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành				
		Văn phòng Quốc hội	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung số liệu về số lượng hội nghị, lớp tập huấn đã tổ chức, số lượng báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, hoà giải viên được bồi dưỡng; số lượng tài liệu được biên soạn, phát hành; các chuyên trang, chuyên mục, tin, bài tuyên truyền đã thực hiện và các kết quả nổi bật khác (nếu có) để tăng tính thuyết phục và bảo đảm cơ sở cho việc đánh giá.	Tiếp thu Bộ Tư pháp đã bổ sung những nội dung này vào Báo cáo tổng kết thi hành Luật (trong đó để thống nhất với các quyết định số 428/QĐ-TTg và Quyết định số 315/QĐ-TTg sử dụng thuật ngữ “tập huấn viên”, chứ không phải là báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật).
		Văn phòng Quốc hội	Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung nội dung đánh giá về thời gian giải quyết các vụ việc hoà giải ở cơ sở. Đồng thời cần có số liệu	Giải trình Hoạt động hoà giải ở cơ sở là hình thức tự quản của Nhân dân, do vậy thời gian tiến hành

			phân loại theo lĩnh vực tranh chấp, mâu thuẫn (đất đai, dân sự, hôn nhân gia đình...), mức độ phức tạp của vụ việc.	hoà giải hoàn toàn phụ thuộc vào các bên và hoà giải viên. Việc thống kê, đánh giá thời gian trung bình để hoàn thành việc hoà giải đối với từng nhóm vấn đề là không cần thiết và không chính xác (Ví dụ, cùng là tranh chấp về di sản thừa kế là đất đai, nhưng việc hoà giải, thời gian hoà giải ở khu vực miền núi, nông thôn sẽ khác với việc hoà giải ở thành thị. Vì việc hoà giải ảnh hưởng rất lớn của phong tục tập quán, trình độ hiểu biết của các bên, của hoà giải viên). Trong Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật đã thể hiện lĩnh vực mâu thuẫn, tranh chấp phần lớn là đất đai, hôn nhân và gia đình. Việc đánh giá mức độ phức tạp của vụ việc không có căn cứ, vì về cơ bản ngay khi phát sinh mâu thuẫn, thì tính chất của vụ việc chưa phức tạp và đã được hoà giải thành, mâu thuẫn được chấm dứt (có thể ví hoà giải viên như người dập tắt ngọn lửa từ que diêm để không phát sinh đám cháy lớn).
III. Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật				
		Bộ Ngoại giao	Bộ Ngoại giao cơ bản nhất trí với kết quả rà soát của dự thảo Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi). Việt Nam có cam kết mở cửa thị trường đối với dịch vụ hòa giải thương mại, do đó đề nghị lưu ý điều chỉnh khoản 2 Điều 1 về phạm vi áp dụng của Luật Hòa giải ở cơ sở (nêu trên) để bảo đảm dự thảo Luật không liên	Tiếp thu

			quan đến dịch vụ hòa giải thương mại.	
		Bộ Tài chính	Bổ sung nội dung rà soát các văn bản liên quan đến Luật Ngân sách nhà nước 2025 và các thông tư về kinh phí vào Báo cáo rà soát số 367/BC-BTP. Mặt khác, nhiều văn bản được rà soát tại Báo cáo 367/BC-BTP đã hết hiệu lực, được thay thế bằng văn bản khác.	Tiếp thu
IV. Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc				
	Về phân cấp, phân quyền	Đoàn Đại biểu Quốc hội TP. Hải Phòng	Báo cáo cần bổ sung đánh giá cụ thể hơn về năng lực thực hiện của chính quyền cấp xã sau khi tiếp nhận thêm nhiệm vụ; khả năng đáp ứng về nhân lực, kinh phí, hạ tầng số; mức độ sẵn sàng của đội ngũ hòa giải viên đối với yêu cầu chuyển đổi số và hòa giải trực tuyến. Đây là những yếu tố có ý nghĩa quyết định đối với tính khả thi của Luật khi triển khai trên thực tế.	Tiếp thu
	Về thủ tục hành chính	Đoàn Đại biểu Quốc hội TP. Hải Phòng	Báo cáo cho rằng chưa phát sinh thủ tục hành chính mới và việc đánh giá chi phí tuân thủ sẽ thực hiện ở văn bản dưới luật. Tuy nhiên, dự thảo Luật đã bổ sung nhiều cơ chế mới như chỉ định hòa giải viên, biểu quyết trực tuyến, hòa giải trực tuyến, hỗ trợ phiên dịch, hỗ trợ kỹ thuật số... Các nội dung này trên thực tế có thể kéo theo phát sinh hồ sơ, quy trình xác nhận, lưu trữ và phối hợp liên cơ quan. Do đó, cần đánh giá đầy đủ hơn nguy cơ phát sinh thủ tục hành chính gián tiếp, tránh tạo thêm gánh nặng cho người dân và chính quyền cơ sở.	Giải trình Các nội dung về biểu quyết trực tuyến, hòa giải trực tuyến, hỗ trợ phiên dịch, hỗ trợ kỹ thuật số... là các nội dung sẽ được hướng dẫn trong quá trình tổ chức thực hiện hòa giải và không thuộc nội dung về quy trình, thủ tục thực hiện TTHC trong lĩnh vực hòa giải ở cơ sở.
	Về chuyển đổi số	Đoàn Đại biểu Quốc hội TP.	Báo cáo đã bước đầu tiếp cận theo hướng hiện đại, phù hợp với xu thế phát triển Chính phủ số	Giải trình Nội dung này đã được đánh giá kỹ lưỡng tại

		Hải Phòng	và xã hội số. Tuy nhiên, cần đánh giá kỹ hơn tính khả thi tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nơi điều kiện hạ tầng công nghệ thông tin còn hạn chế. Đồng thời, cần làm rõ hơn cơ sở pháp lý về bảo mật dữ liệu, xác thực ý chí các bên khi hòa giải trực tuyến và giá trị pháp lý của hồ sơ điện tử nhằm bảo đảm tính an toàn, thống nhất với pháp luật về giao dịch điện tử và an ninh mạng.	Báo cáo đánh giá tác động của chính sách Luật Hòa giải ở cơ sở (Báo cáo số 304/BC-BTP ngày 04/5/2026)
	Về nội dung bình đẳng giới và chính sách dân tộc	Đoàn Đại biểu Quốc hội TP. Hải Phòng	Báo cáo cơ bản bảo đảm yêu cầu lồng ghép chính sách xã hội trong hoạt động hòa giải ở cơ sở. Tuy nhiên, cần bổ sung đánh giá thực tiễn về tỷ lệ nữ hòa giải viên, khả năng bố trí hòa giải viên là người dân tộc thiểu số, điều kiện bảo đảm phiên dịch và nguồn lực thực hiện tại địa phương để tăng tính thực chất của chính sách	Giải trình Số lượng hòa giải viên nữ, khả năng bố trí hòa giải viên là người dân tộc thiểu số đã được thể hiện trong Báo cáo tổng kết thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 và các Phụ lục kèm theo. Nguồn lực thực hiện tại địa phương đã được phân tích kỹ trong dự thảo Tờ trình (sử dụng bộ máy đang hoạt động, không phát sinh mới về nguồn lực).
	Về chế độ báo cáo, thống kê	Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng	Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét việc quy định đơn giản hóa một số thủ tục, chế độ báo cáo nhằm tạo thuận lợi cho địa phương trong quá trình triển khai thực hiện.	Tiếp thu.